

# HƯỚNG DẪN HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



**HƯỚNG DẪN HỌC TẬP**  
**LỊCH SỬ ĐẢNG**  
**CỘNG SẢN VIỆT NAM**

**PHẦN TRẮC NGHIỆM.**

**Câu 1: Thực dân Pháp xâm chiếm nước ta nhằm mục đích:**

- a. Cướp đoạt tài nguyên thiên nhiên.
- b. Bóc lột nhân công rẻ mạt, cho vay nặng lãi.
- c. Mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hoá của chính quốc.
- d. a, b và c.

**Đáp án: d**

**Câu 2: Mâu thuẫn cơ bản chủ yếu ở Việt Nam đầu thế kỷ XX là mâu thuẫn nào?**

- a. Mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân với địa chủ phong kiến.
- b. Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản.
- c. Mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc xâm lược và tay sai.
- d. Mâu thuẫn giữa công nhân và nông dân với đế quốc và phong kiến.

**Đáp án: c**

**Câu 3: Đặc điểm ra đời của giai cấp công nhân Việt Nam là:**

- a. Ra đời trước giai cấp tư sản, trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp.
- b. Phần lớn xuất thân từ nông dân.
- c. Chịu sự áp bức, bóc lột của đế quốc, phong kiến và tư sản.

- d. a, b và c.

**Đáp án: d**

**Câu 4: Những giai cấp bị trị ở Việt Nam dưới chế độ thuộc địa của đế quốc Pháp là:**

- a. Công nhân và nông dân.
- b. Công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc, địa chủ vừa và nhỏ.
- c. Công nhân, nông dân, tiểu tư sản và tư sản dân tộc.
- d. Công nhân, nông dân và tiểu tư sản.

**Đáp án: b**

**Câu 5: Phong trào công nhân Việt Nam hoàn toàn trở thành phong trào tự giác vào năm nào?**

- a. Năm 1920 (tổ chức Công hội ở Sài Gòn được thành lập).
- b. Năm 1925 (cuộc bãi công Ba son).
- c. Năm 1929 (sự ra đời của ba tổ chức cộng sản).
- d. Năm 1930 (Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời).

**Đáp án: d**

**Câu 6: Nguyễn Ái Quốc đã gửi đến Hội nghị "Hoà bình" Véc-xay bản "Yêu sách của nhân dân An Nam" vào năm nào?**

- a. Năm 1917.
- b. Năm 1919.
- c. Năm 1920.
- d. Năm 1921.

**Đáp án: b**

**Câu 7: Các yếu tố đã góp phần để lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin là:**

- a. Yếu tố dân tộc.
- b. Yếu tố thời đại.
- c. Yếu tố bản thân.
- d. a, b và c.

**Đáp án: d**

**Câu 8:** Trong quá trình đi tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc lần đầu tiên đọc bản "Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa" của Lênin vào tháng, năm nào?

- a. Tháng 5/1920.
- b. Tháng 7/1920.
- c. Tháng 10/1920.
- d. Tháng 12/1920.

**Đáp án: b**

**Câu 9:** Nguyễn Ái Quốc lựa chọn con đường giải phóng dân tộc theo khuynh hướng chính trị vô sản vào thời gian nào sau đây?

- a. Năm 1917
- b. Năm 1918
- c. Năm 1919
- d. Năm 1920

**Đáp án: d**

**Câu 10:** Hội liên hiệp thuộc địa được thành lập vào năm nào?

- a. Năm 1920
- b. Năm 1921
- c. Năm 1923
- d. Năm 1924

**Đáp án: b**

**Câu 11:** Bác Hồ thành lập tổ chức "Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên" vào năm nào, tại đâu?

- a. Năm 1925, Paris.
- b. Năm 1925, Quảng Châu.
- c. Năm 1929, Hương Cảng.
- d. Năm 1929, Ma Cao.

**Đáp án: b**

**Câu 12: Trong tác phẩm "Đường cách mệnh", Nguyễn Ái Quốc xác định lực lượng cách mạng bao gồm các giai cấp nào sau đây?**

- a. Sỹ, nông, công, thương.
- b. Công nhân và nông dân.
- c. Công nhân, học trò, nhà buôn nhỏ.
- d. Công nhân, nông dân, học trò, điền chủ nhỏ.

**Đáp án: a**

**Câu 13: Trong các tác phẩm sau đây, tác phẩm nào vạch trần bản chất phản động của đế quốc Pháp đối với các dân tộc thuộc địa?**

- a. Bản "Yêu sách 8 điểm" của Nguyễn Ái Quốc (1919).
- b. "Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa" của Lênin (1920).
- c. "Bản án chế độ thực dân Pháp" của Nguyễn Ái Quốc (1925).
- d. "Đường cách mệnh" của Nguyễn Ái Quốc (1927).

**Đáp án: c**

**Câu 14: Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên thực hiện chủ trương "vô sản hóa" vào thời gian nào?**

- a. Cuối năm 1926 đầu năm 1927.
- b. Cuối năm 1927 đầu năm 1928.
- c. Cuối năm 1928 đầu năm 1929.
- d. Cuối năm 1929 đầu năm 1930.

**Đáp án: c**

**Câu 15: Chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam khi thành lập có mấy đảng viên? Ai làm bí thư chi bộ?**

- a. 5 đảng viên- Bí thư Trịnh Đình Cửu.
- b. 6 đảng viên- Bí thư Ngô Gia Tự.
- c. 7 đảng viên- Bí thư Trịnh Đình Cửu.
- d. 7 đảng viên- Bí thư Trần Văn Cung.

**Đáp án: d**

**Câu 16: Tổ chức Cộng sản nào sau đây ra đời đầu tiên ở Việt Nam?**

- a. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
- b. Đông Dương Cộng sản Đảng.
- c. An Nam Cộng sản Đảng.
- d. Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

**Đáp án: b**

**Câu 17: Đông Dương Cộng sản Liên đoàn được ra đời từ tổ chức tiền thân nào sau đây?**

- a. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
- b. Tân Việt cách mạng đảng.
- c. Việt Nam cách mạng đồng chí hội.
- d. a, b và c.

**Đáp án: b**

**Câu 18: Do đâu Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập và chủ trì Hội nghị thành lập Đảng vào đầu năm 1930?**

- a. Được sự ủy nhiệm của Quốc tế Cộng sản.
- b. Nhận được Chỉ thị của Quốc tế Cộng sản.
- c. Sự chủ động của Nguyễn Ái Quốc.
- d. a, b và c

**Đáp án: c.**

**Câu 19: Đại biểu các tổ chức Cộng sản nào sau đây đã tham dự Hội nghị thành lập Đảng đầu năm 1930?**

- a. Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.
- b. Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng và Tân Việt cách mạng Đảng.
- c. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Đông Dương Cộng sản Đảng và Tân Việt cách mạng Đảng.
- d. Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng.

**Đáp án: d**

**Câu 20: Nội dung nào sau đây được đề ra trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng ta?**

- a. Đánh đổ chủ nghĩa đế quốc Pháp và bọn phong kiến, làm cho nước Nam được độc lập.
- b. Tư sản dân quyền cách mạng là thời kì dự bị để làm xã hội cách mạng.
- c. Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản mới giải phóng được dân tộc.
- d. a, b và c.

**Đáp án: a.**

**Câu 21: Khi mới thành lập, Đảng ta có tên là gì?**

- a. Đảng Cộng sản Đông Dương.
- b. Đảng Cộng sản Việt Nam.
- c. Đảng Lao động Việt Nam.
- d. Đông Dương Cộng sản Đảng.

**Đáp án: b**

**Câu 22: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả của sự kết hợp những yếu tố nào sau đây?**

- a. Chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân.
- b. Chủ nghĩa Mác- Lênin với phong trào công nhân.
- c. Chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với phong trào công nhân.
- d. Chủ nghĩa Mác- Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước .

**Đáp án: d**

**Câu 23: Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng gồm có các văn kiện nào sau đây?**

- a. Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt.

- b. Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, chương trình tóm tắt và Điều lệ vắn tắt.
- c. Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Lời kêu gọi.
- d. Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt, Lời kêu gọi

**Đáp án: b**

**Câu 24: Ban thường vụ Trung ương lâm thời của Đảng ra Quyết nghị chấp nhận Đông Dương Cộng sản liên đoàn là một bộ phận của Đảng Cộng sản Việt Nam vào ngày, tháng, năm nào sau đây?**

- a. Ngày 03/2/1930.
- b. Ngày 07/2/1930.
- c. Ngày 24/2/1930.
- d. Ngày 24/3/1930.

**Đáp án: c**

**Câu 25: Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam xác định mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam là:**

- a. Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản.
- b. Xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.
- c. Cách mạng tư sản dân quyền- phản đế và điền địa- lập chính quyền của công nông bằng hình thức Xô-viết để dự bị điều kiện đi tới cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- d. a và b.

**Đáp án: a**

**Câu 26: Sau Hội nghị thành lập Đảng, Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng Cộng sản Việt Nam do ai đứng đầu?**

- a. Trần Phú.
- b. Trịnh Đình Cửu.
- c. Lê Hồng Phong.



d. Hà Huy Tập.

**Đáp án: b**

**Câu 27: Điểm khác nhau căn bản giữa Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và Luận cương chính trị tháng 10/1930 là:**

- a. Phương hướng chiến lược của cách mạng.
- b. Chủ trương tập hợp lực lượng cách mạng.
- c. Vai trò lãnh đạo cách mạng.
- d. Phương pháp cách mạng.

**Đáp án: b**

**Câu 28: Văn kiện nào sau đây nhấn mạnh “Vấn đề thổ địa là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền”?**

- a. Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt.
- b. Chỉ thị thành lập Hội phản đế đồng minh (18/11/1930).
- c. Luận cương chính trị tháng 10/1930.
- d. Chung quanh vấn đề chính sách mới của Đảng (10/1936)

**Đáp án: c**

**Câu 29: Trong các đồng chí sau đây, đồng chí nào là Tổng bí thư đầu tiên của Đảng ta?**

- a. Nguyễn Ái Quốc.
- b. Trần Phú.
- c. Trần Văn Cung.
- d. Trịnh Đình Cửu.

**Đáp án: b**

**Câu 30: Là người chủ trì Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ nhất Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 10/1930, ông mất năm 1931 tại Sài Gòn. Ông là:**

- a. Trần Phú.
- b. Hà Huy Tập.
- c. Hồ Tùng Mậu.
- d. Lê Hồng Phong.

**Đáp án: a**

**Câu 31: Luận cương chính trị năm 1930 còn được gọi là:**

- a. Luận cương cách mạng tư sản dân quyền.
- b. Luận cương cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.
- c. Luận cương cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

**Đáp án: a**

**Câu 32: Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền là:**

- a. Đánh đổ phong kiến.
- b. Đánh đổ phong kiến và thực hành cách mạng ruộng đất.
- c. Đánh đổ phong kiến, thực hành cách mạng ruộng đất và đánh đổ chủ nghĩa đế quốc.

**Đáp án: c**

**Câu 33: Tính chất của cách mạng Đông Dương được nêu trong Luận cương cách mạng tháng 10/1930 là:**

- a. Làm cách mạng tư sản dân quyền.
- b. Làm cách mạng tư sản dân quyền, sau đó chuyển sang giai đoạn cách mạng XHCN.
- c. Làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, sau đó chuyển sang giai đoạn làm cách mạng XHCN.
- d. Làm cách mạng tư sản dân quyền. Sau khi cách mạng tư sản dân quyền giành thắng lợi sẽ tiếp tục phát triển bỏ qua thời kỳ tư bản mà tranh đấu thẳng lên con đường XHCN.

**Đáp án: d**

**Câu 34: Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự bùng nổ và phát triển của cao trào cách mạng ở Việt Nam năm 1930-1931 là:**

- a. Tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 và chính sách khủng bố trắng của đế quốc Pháp.
- b. Chính sách tăng cường vơ vét bóc lột của đế quốc Pháp.
- c. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- d. a, b và c

**Đáp án: c**

**Câu 35: Chính quyền Xô-viết ở một số vùng nông thôn Nghệ - Tĩnh được thành lập vào khoảng thời gian nào sau đây?**

- a. Đầu năm 1930.
- b. Cuối năm 1930.
- c. Đầu năm 1931.
- d. Cuối năm 1931.

**Đáp án: b**

**Câu 36: Sau cao trào cách mạng 1930-1931, được sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, Ban lãnh đạo của Đảng ở nước ngoài được thành lập vào năm nào?**

- a. Năm 1932.
- b. Năm 1933.
- c. Năm 1934.
- d. Năm 1935.

**Đáp án: c**

**Câu 37: Sau cao trào cách mạng 1930-1931, được sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, Ban lãnh đạo của Đảng ở nước ngoài được thành lập do ai đứng đầu?**

- a. Hà Huy Tập.
- b. Nguyễn Văn Cừ.
- c. Trường Chinh.
- d. Lê Hồng Phong.

**Đáp án: d**

**Câu 38: Những yêu cầu chung trước mắt được nêu lên trong Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương (6/1932) là:**

- a. Đòi các quyền tự do tổ chức, xuất bản, ngôn luận, đi lại trong nước và ra nước ngoài.
- b. Bỏ những luật hình đặc biệt đối với người bản xứ.

- c. Bỏ thuế thân, thuế ngụ cư, bỏ các độc quyền về rượu, thuốc phiện và muối, bỏ các thứ thuế vô lý.
- d. a, b và c.

**Đáp án: d.**

**Câu 39: Nhiệm vụ trước mắt của cách mạng Đông Dương được thông qua tại Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ nhất (3/1935) là:**

- a. Củng cố và phát triển Đảng.
- b. Thu phục đông đảo quần chúng.
- c. Mở rộng tuyên truyền chống đế quốc, chống chiến tranh, ủng hộ Liên Xô.
- d. a, b và c.

**Đáp án: d**

**Câu 40: Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương được bầu tại Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ I (3/1935) là:**

- a. Đ/c Trần Phú.
- b. Đ/c Hà Huy Tập.
- c. Đ/c Lê Hồng Phong.
- d. Đ/c Ngô Gia Tự.

**Đáp án: c**

**Câu 41: Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản (07/1935) tại Matxcova vạch ra nhiệm vụ của nhân dân thế giới là:**

- a. Giải phóng các dân tộc thuộc địa.
- b. Chống phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình, bảo vệ Liên xô. Giai cấp công nhân quốc tế phải thống nhất hàng ngũ của mình, lập mặt trận nhân dân rộng rãi.
- c. Giai cấp công nhân toàn thế giới đoàn kết, hợp tác vì tự do dân chủ và tiến bộ xã hội.
- d. a, b và c

**Đáp án: b**

**Câu 42: Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (7/1936) tại Thượng Hải do đồng chí Lê Hồng Phong chủ trì đã đề ra yêu cầu cấp thiết trước mắt của nhân dân Đông Dương là:**

- a. Chống thực dân Pháp và tay sai phản động đòi hòa bình, dân chủ, dân sinh.
- b. Tự do, dân chủ, cải thiện đời sống.
- c. Giải phóng dân tộc.
- d. Chống phong kiến giành lại ruộng đất cho nông dân.

**Đáp án: b**

**Câu 43: Đối tượng của cách mạng Đông Dương trong giai đoạn 1936-1939 là:**

- a. Bọn đế quốc xâm lược.
- b. Địa chủ phong kiến.
- c. Đế quốc và phong kiến.
- d. Một bộ phận đế quốc xâm lược và tay sai phản động.

**Đáp án: d**

**Câu 44: Điều kiện tạo ra khả năng đấu tranh công khai, hợp pháp cho phong trào cách mạng Đông Dương giai đoạn 1936- 1939 là:**

- a. Sự xuất hiện chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh thế giới
- b. Chủ trương chuyển hướng chiến lược cách mạng thế giới của Quốc tế Cộng sản
- c. Mặt trận nhân dân Pháp lên cầm quyền
- d. a, b và c.

**Đáp án: d**

**Câu 45: Hình thức tổ chức và đấu tranh trong giai đoạn 1936-1939 là:**

- a. Công khai, hợp pháp.
- b. Nửa công khai, nửa hợp pháp.
- c. Bí mật, bất hợp pháp.

d. a, b và c.

**Đáp án: d**

**Câu 46: Trong cao trào Dân chủ 1936-1939, Đảng chủ trương tập hợp những lực lượng nào sau đây?**

- a. Công nhân và nông dân.
- b. Công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản, địa chủ.
- c. Cả dân tộc Việt Nam
- d. Cả dân tộc Việt Nam và một bộ phận người Pháp ở Đông Dương.

**Đáp án: d**

**Câu 47: Ai là người viết tác phẩm “Tự chỉ trích”?**

- a. Nguyễn Văn Cừ
- b. Lê Hồng Phong
- c. Hà Huy Tập
- d. Phan Đăng Lưu

**Đáp án: a**

**Câu 48: Trong cao trào giải phóng dân tộc 1939-1945, lần đầu tiên Ban Chấp hành Trung ương Đảng đề ra chủ trương điều chỉnh chiến lược tại hội nghị Trung ương nào sau đây?**

- a. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6 (11/1939).
- b. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 7 (11/1940).
- c. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 8 (5/1941).
- d. Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương mở rộng (12/3/1945).

**Đáp án: a**

**Câu 49: Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6 (11/1939) diễn ra tại Bà Điểm, Hóc Môn đề ra chủ trương:**

- a. Tạm gác khẩu hiệu “Cách mạng ruộng đất” và đề ra khẩu hiệu “Tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc, chống tô cao, chống lãi nặng.”

- b. Tạm gác khẩu hiệu “Lập chính quyền Xô viết công- nông- binh” và đề ra khẩu hiệu “Lập chính quyền cộng hòa dân chủ.”
- c. a và b đúng.
- d. a và b sai.

**Đáp án: c**

**Câu 50: Lần đầu tiên Ban Chấp hành Trung ương Đảng chủ trương thành lập chính quyền nhà nước với hình thức cộng hòa dân chủ tại hội nghị nào sau đây?**

- a. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 1 (10/1930)
  - b. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6 (11/1939)
  - c. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 7 (11/1940)
  - d. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 8 (5/1941)

**Đáp án: b**

**Câu 51: Ban Chấp hành Trung ương Đảng chủ trương thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tại hội nghị nào sau đây?**

- a. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 1 (10/1930).
- b. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6 (11/1939).
  - c. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 7 (11/1940).
  - d. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 8 (5/1941)

**Đáp án: d**

**Câu 52: Lá cờ đỏ sao vàng xuất hiện lần đầu tiên trong cuộc khởi nghĩa nào sau đây?**

- a. Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ.
- b. Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn.
- c. Cuộc khởi nghĩa Đô Lương.
- d. Khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Hà Nội.

**Đáp án: a**

**Câu 53: Đến năm 1941, lực lượng vũ trang ra đời từ cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn được mang tên là:**

- a. Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.

- b. Đội Cứu quốc quân.
- c. Đội Việt Nam giải phóng quân.
- d. Đội Vệ quốc đoàn.

**Đáp án: b**

**Câu 54: Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 7 (11/1940) đã quyết định vấn đề cấp thiết trước mắt là:**

- a. Phát triển ảnh hưởng của cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn.
- b. Hoãn cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ.
- c. Phát triển ảnh hưởng của cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn và tiến hành cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ
- d. Phát triển ảnh hưởng của cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn và hoãn cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ.

**Đáp án: d**

**Câu 55: Trong các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng sau đây, Hội nghị nào do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì xác định tính chất của cuộc cách mạng Đông Dương hiện tại là cuộc cách mạng chỉ giải quyết một vấn đề cấp bách "dân tộc giải phóng"?**

- a. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương (2/1930).
- b. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6(11/1939).
- c. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 7 (11/1940).
- d. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 8 (5/1941).

**Đáp án: d**

**Câu 56: Ban Chấp hành Trung ương Đảng xác định chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm. Quan điểm trên được đề ra tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ mấy?**

- a. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 1 (10/1930)
- b. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6 (11/1939)
- c. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 7 (11/1940)
- d. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 8 (5/1941)

**Đáp án: d**



**Câu 57: Tháng 10/1941, Mặt trận Việt Minh (Việt Nam độc lập đồng minh) công bố Bản Chương trình cứu nước với 44 điều nhằm thực hiện hai nhiệm vụ chính là:**

- a. Chống đế quốc và chống phong kiến.
- b. Làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập và nhân dân Việt Nam được sung sướng, tự do.
- c. Xây dựng các tổ chức cứu quốc của quần chúng và xây dựng các căn cứ cách mạng.

**Đáp án: b**

**Câu 58: Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 (05/1941) tại Pắc Bó đã nêu ra nhiệm vụ trước mắt của cách mạng nước ta là:**

- a. Đoàn kết toàn dân đánh đổ đế quốc và phong kiến.
- b. Xây dựng phong trào, củng cố lực lượng.
- c. Phát triển lực lượng vũ trang.
- d. Giải phóng dân tộc.

**Đáp án: d**

**Câu 59: Tính chất của cách mạng Đông Dương được xác định tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần 8 (5/1941) là:**

- a. Cách mạng dân tộc giải phóng.
- b. Cách mạng tư sản dân quyền.
- c. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
- d. Cách mạng xã hội chủ nghĩa.

**Đáp án: a**

**Câu 60: Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân được thành lập ngày 22/12/1944 có nhiệm vụ:**

- a. Vũ trang, tuyên truyền vận động nhân dân nổi dậy.
- b. Gây dựng cơ sở chính trị và quân sự cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền.

- c. Dìu dắt các đội vũ trang địa phương, giúp đỡ huấn luyện, trang bị vũ khí và cùng phối hợp hành động trong hoạt động quân sự.
- d. a, b và c.

**Đáp án: d**

**Câu 61: Tài liệu nào sau đây được đánh giá như một văn kiện mang tính chất Cương lĩnh quân sự đầu tiên của Đảng?**

- a. Đường sách mệnh
- b. Cách đánh du kích
- c. Con đường giải phóng
- d. Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân

**Đáp án: d**

**Câu 62: Năm 1943, Đảng đưa ra Đề cương văn hóa Việt Nam xác định nhiệm vụ của các nhà văn hóa Việt Nam giai đoạn này là:**

- a. Chống lại văn hóa nô dịch, ngu dân của bọn phát xít và tay sai.
- b. Đấu tranh vì một nền văn hóa mới, vì sự nghiệp chống Pháp- Nhật, giành độc lập, tự do.
- c. Xây dựng một nền văn hóa mới theo ba nguyên tắc; dân tộc, khoa học và đại chúng.
- d. a và c.

**Đáp án: d**

**Câu 63: Bản Chỉ thị “Nhật- Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” phản ánh nội dung của hội nghị nào sau đây?**

- a. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 (5/1941)
- b. Hội nghị Ban thường vụ Trung ương Đảng tháng 2/1943
- c. Hội nghị Ban thường vụ Trung ương Đảng tháng 3/1945
- d. Hội nghị quân sự cách mạng Bắc kỳ tháng 4/1945.

**Đáp án: c**

**Câu 64:** Khẩu hiệu nào sau đây được nêu ra trong cao trào kháng Nhật, cứu nước?

- a. "Đánh đuổi phát xít Nhật- Pháp".
- b. "Đánh đuổi phát xít Nhật".
- c. "Giải quyết nạn đói".
- d. "Chống nhổ lúa trồng đay".

**Đáp án: b**

**Câu 65:** Trong cao trào kháng Nhật, cứu nước, phong trào “Phá kho thóc, giải quyết nạn đói” đã diễn ra mạnh mẽ ở đâu?

- a. Đồng bằng Nam bộ
- b. Đồng bằng Bắc bộ và Bắc Trung bộ
- c. Đồng bằng Bắc bộ
- d. Đồng bằng Trung bộ

**Đáp án: b**

**Câu 66:** Nơi đồng chí Nguyễn Ái Quốc đặt trụ sở trong cuộc vận động giải phóng dân tộc thời kỳ 1939-1945 là:

- a. Pắc Bó.
- b. Tân Trào.
- c. Hà Nội.
- d. a, b và c.

**Đáp án: d**

**Câu 67:** Việc thành lập Chính phủ cách mạng lâm thời, quy định Quốc kỳ, Quốc ca trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 được quyết định bởi:

- a. Tổng bộ Việt Minh.
- b. Đại hội quốc dân ở Tân Trào.
- c. Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc.
- d. Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng.

**Đáp án: b**

**Câu 68:** Quốc dân Đại hội ở Tân Trào ( 8/1945) không thông qua những nội dung nào dưới đây?

- a. Quyết định Tổng khởi nghĩa.
- b. 10 chính sách của Việt Minh.
- c. Quyết định thành lập Ủy ban giải phóng ở Hà Nội.
- d. Quyết định thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng, qui định Quốc kỳ, Quốc ca.

**Đáp án: c**

**Câu 69:** Nhân dân ta phải tiến hành Tổng khởi nghĩa trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương vì:

- a. Đó là lúc so sánh lực lượng có lợi nhất cho cách mạng.
- b. Đó là lúc kẻ thù cũ đã ngã gục, kẻ thù mới chưa kịp đến.
- c. Quân Đồng minh có thể dựng ra chính quyền trái với ý chí và nguyện vọng của nhân dân ta.
- d. a, b và c.

**Đáp án: d**

**Câu 70:** Các hình thức khởi nghĩa của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là:

- a. Khởi nghĩa từ xã lên huyện - tỉnh, từ ngoại thành vào nội thành.
- b. Khởi nghĩa từ tỉnh lỵ và kết thúc ở huyện, xã.
- c. Khởi nghĩa ở thành thị và nông thôn.
- d. a, b và c.

**Đáp án: d**

**Câu 71:** Những khó khăn, thách thức đối với Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là:

- a. Các thế lực đế quốc phản động bao vây, chống phá.
- b. Kinh tế kiệt quệ và nạn đói hoành hành.
- c. Hơn 90% dân số không biết chữ.
- d. a, b và c.

**Đáp án: d**

**Câu 72: Những thuận lợi căn bản của đất nước sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945?**

- a. Cách mạng thế giới phát triển mạnh mẽ.
- b. Hệ thống chính quyền cách mạng nhân dân được thiết lập.
- c. Nhân dân quyết tâm bảo vệ chế độ mới.
- d. a, b và c.

**Đáp án: d**

**Câu 73: Sau ngày tuyên bố độc lập, Chính phủ lâm thời đã xác định các nhiệm vụ cấp bách cần giải quyết là:**

- a. Chống ngoại xâm.
- b. Chống ngoại xâm và nội phản.
- c. Diệt giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm.
- d. a, b và c.

**Đáp án: c.**

**Câu 74: Nhân dân Nam bộ đứng lên kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược bảo vệ chính quyền cách mạng vào ngày, tháng, năm nào sau đây?**

- a. Ngày 23/9/1940.
- b. Ngày 23/8/1945.
- c. Ngày 23/9/1945.
- d. Ngày 19/12/1946.

**Đáp án: c**

**Câu 75: Chỉ thị "Kháng chiến, kiến quốc" ( 25/11/1945) đã nêu ra nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng nước ta là:**

- a. củng cố chính quyền, cải thiện đời sống nhân dân.
- b. Chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản.
- c. Chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân.
- d. củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân.

**Đáp án: d.**

**Câu 76:** "Đồng bào Nam bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi".

**Đoạn văn trên được trích trong bài viết nào của Chủ tịch Hồ Chí Minh?**

- a. "Gửi đồng bào Nam bộ" (26/9/1945).
- b. "Lời kêu gọi đồng bào Nam bộ" (29/10/1945).
- c. "Thư gửi đồng bào Nam bộ" (01/6/1946).
- d. "Thư gửi đồng bào Nam bộ, chiến sĩ ở tiền tuyến và Ủy ban hành chính Nam bộ (10/3/1946).

**Đáp án: c**

**Câu 77:** Hồ Chí Minh tặng danh hiệu "Thành đồng Tổ quốc" cho đồng bào miền Nam vào thời gian nào sau đây?

- a. Tháng 9/1945.
- b. Tháng 02/1946.
- c. Tháng 9/ 1946
- d. Tháng 12/1946

**Đáp án: b**

**Câu 78:** Văn kiện chủ yếu nhất của Đảng nhằm giải quyết những vấn đề về chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam từ cuối năm 1945 đến cuối năm 1946 là:

- a. Tuyên ngôn độc lập.
- b. Chỉ thị Kháng chiến, kiến quốc.
- c. Chỉ thị Hoà để tiến.
- d. Chỉ thị Toàn dân kháng chiến.

**Đáp án: b**

**Câu 79:** Chỉ thị "Kháng chiến, kiến quốc" của Ban Thường vụ Trung ương Đảng ngày 25/11/1945 xác định kẻ thù chính của dân tộc ta lúc bấy giờ là:

- a. Quân Tưởng Giới Thạch và tay sai

- b. Thực dân Anh xâm lược
- c. Thực dân Pháp xâm lược
- d. Việt Quốc, Việt cách, Đại Việt.

**Đáp án: c**

**Câu 80** : Trong các nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng nước ta sau Cách mạng Tháng Tám, nhiệm vụ nào sau đây là nhiệm vụ bao trùm nhất?

- a. Củng cố chính quyền.
- b. Chống thực dân Pháp xâm lược.
- c. Bài trừ nội phản.
- d. Cải thiện đời sống nhân dân.

**Đáp án: a**

**Câu 81**: Từ tháng 9/1945 đến ngày 6/3/1946, Đảng ta chủ trương:

- a. Tạm hoà với Pháp để đuổi Tưởng và tay sai, tranh thủ thời gian xây dựng lực lượng.
- b. Hoà với Tưởng và hoà với Pháp.
- c. Hoà với Tưởng để tập trung chống Pháp.
- d. Kháng chiến chống Pháp và Tưởng để bảo vệ độc lập dân tộc.

**Đáp án: c**

**Câu 82**: Để gạt mũi nhọn tiến công của kẻ thù, Đảng ta tuyên bố "tự giải tán" vào ngày, tháng, năm nào?

- a. Ngày 03/9/1945.
- b. Ngày 25/5/1945.
- c. Ngày 11/11/1945.

**Đáp án: c**

**Câu 83**: Những nhân nhượng của Đảng ta với quân Tưởng và tay sai ở miền Bắc sau Cách mạng Tháng Tám là:

- a. Cho Việt Quốc, Việt Cách tham gia Quốc hội và Chính Phủ.

- b. Cung cấp lương thực và thực phẩm cho quân đội Tưởng.
- c. Chấp nhận cho quân Tưởng tiêu tiền Quan kim, Quốc tệ.
- d. a, b và c.

**Đáp án: d**

**Câu 84:** Từ ngày 06/3/1946 đến tháng 12/1946, Đảng ta thực hiện chủ trương nào sau đây?

- a. Tạm hoà với Pháp để đuổi Tưởng và tay sai, tranh thủ thời gian xây dựng lực lượng.
- b. Hoà với Tưởng và hoà với Pháp.
- c. Hoà với Tưởng để tập trung chống Pháp.
- d. Kháng chiến chống Pháp và Tưởng để bảo vệ độc lập dân tộc .

**Đáp án: a**

**Câu 85:** Nguyên tắc đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài của Đảng ta trong thời kỳ 1945 - 1946 là:

- a. Giữ vững đường lối cách mạng của Đảng. Đảng nắm công cụ của bạo lực cách mạng
- b. Đảm bảo xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân.
- c. Dĩ bất biến, ứng vạn biến.
- d. a, b và c.

**Đáp án: d**

**Câu 86:** Từ tháng 10 năm 1930 đến tháng 02 năm 1951, Đảng ta mang tên là gì?

- a. Đảng Cộng sản Việt Nam.
- b. Đảng Cộng sản Đông Dương.
- c. Đảng Lao động Việt Nam.

**Đáp án: b**

**Câu 87 :** Khẩu hiệu được Đảng ta đề ra trong Chỉ thị “Kháng chiến, kiến quốc” là:

- a. "Đoàn kết toàn dân, phụng sự Tổ quốc".



- b. "Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết" .
- c. "Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh" .
- d. "Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu làm nô lệ" .

**Đáp án: b**

**Câu 88:** Chính phủ Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do, có nghị viện, có chính phủ, có quân đội và có tài chính riêng, nằm trong khối Liên hiệp Pháp. Việt Nam đồng ý cho 15.000 quân Pháp vào miền Bắc thay thế quân Tưởng. Sau 5 năm, Pháp rút hết quân ra khỏi miền Bắc; đình chỉ xung đột ở miền Nam để tiếp tục đàm phán. Nội dung trên được qui định trong:

- a. Hiệp định Sơ bộ (ngày 6/3/1946).
- b. Hội nghị trù bị Đà Lạt (tháng 4/1946).
- c. Cuộc đàm phán Việt- Pháp ở Phôngtennoblô (từ ngày 6/7/1946 đến 10/9/1946).
- d. Tạm ước ngày 14/9/1946 .

**Đáp án: a**

**Câu 89 :** Đảng ta ký Hiệp định Sơ bộ ngày 06/3/1946 nhằm mục đích:

- a. Phối hợp với Pháp để tấn công Tưởng.
- b. Hoà với Pháp để đuổi Tưởng.
- c. Thực hiện Hoa- Việt thân thiện.
- d. Hoà với Tưởng và hoà với pháp.

**Đáp án: b**

**Câu 90:** Sau khi ký Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946), Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị:

- a. "Kháng chiến, kiến quốc".
- b. "Hòa để tiến".
- c. "Toàn quốc kháng chiến".
- d. a, b và c

**Đáp án: b**

**Câu 91 : Lần đầu tiên nhân dân cả nước bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp vào ngày, tháng, năm nào?**

- a. Ngày 02/9/1945.
- b. Ngày 25/11/1945.
- c. Ngày 06/01/1946.
- d. Ngày 06/3/1946.

**Đáp án: c**

**Câu 92: Những thành tựu căn bản của cách mạng Việt Nam trong việc xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng sau năm 1945 là:**

- a. Tổ chức tổng tuyển cử và ban hành Hiến pháp.
- b. Củng cố và mở rộng Mặt trận Việt Minh.
- c. Xây dựng và phát triển các lực lượng vũ trang nhân dân.
- d. a, b và c.

**Đáp án: d**

**Câu 93: Tính chất của nền văn hoá mới được xác định sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là:**

- a. Tính dân tộc.
- b. Tính khoa học.
- c. Tính đại chúng
- d. a, b và c.

**Đáp án: d**

**Câu 94: Bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được Quốc hội thông qua vào tháng, năm nào?**

- a. Tháng 3/1946.
- b. Tháng 6/1946.
- c. Tháng 8/1946.
- d. Tháng 11/1946.

**Đáp án: d**

**Câu 95: "Hỡi đồng bào toàn quốc! Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân**

**Pháp càng lấn tới (...) Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ..."**

**Đoạn văn trên được trích trong tác phẩm nào sau đây?**

- a. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.
- b. Chỉ thị toàn dân kháng chiến.
- c. Tác phẩm kháng chiến nhất định thắng lợi.

**Đáp án: a**

**Câu 96: Văn kiện nào dưới đây được coi như Cương lĩnh kháng chiến của Đảng ta?**

- a. Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh
- b. Chỉ thị Toàn dân kháng chiến của Trung ương Đảng
- c. Tác phẩm “Kháng chiến nhất định thắng lợi” của Tổng Bí thư Trường Chinh
- d. a, b và c

**Đáp án: d**

**Câu 97: Tại Hội nghị văn hóa toàn quốc (7/1948), Trường Chinh đã trình bày báo cáo nào sau đây?**

- a. Đề cương văn hóa Việt Nam.
- b. Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam.
- c. Chủ nghĩa Mác-Lênin và văn hoá.
- d. Nền văn hoá mới XHCN.

**Đáp án: b**

**Câu 98: Đường lối cơ bản của cuộc kháng chiến chống Pháp là toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh được thể hiện đầu tiên trong văn kiện nào sau đây?**

- a. Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- b. Chỉ thị Toàn dân kháng chiến của Ban Thường vụ Trung ương Đảng.

- c. Tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi của Trường Chinh.
- d. Chỉ thị Kháng chiến kiến quốc của Ban Thường vụ Trung ương Đảng

**Đáp án: b**

**Câu 99:** Ngày 15/10/1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị “Phá tan cuộc tấn công mùa Đông của giặc Pháp” trong đó nêu nhiệm vụ trước mắt của quân và dân ta là:

- a. Làm cho địch thiệt hại nặng nề.
- b. Giữ vững chính quyền dân chủ, phá vỡ bất cứ chính quyền bù nhìn nào do địch lập nên.
- c. Phải biết giữ gìn chủ lực của ta và nhằm vào chỗ yếu của địch mà đánh.
- d. a, b và c.

**Đáp án: d**

**Câu 100:** Mốc lịch sử đánh dấu việc đánh bại chiến lược “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp là:

- a. Chiến thắng Việt Bắc- Thu Đông (1947).
- b. Chiến thắng Biên giới- Thu Đông (1950).
- c. Chiến thắng đường 18 (3/1951).
- d. Chiến thắng Hòa Bình (2/1952).

**Đáp án: a**

**Câu 101:** Trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 -1954), chiến thắng nào sau đây đánh dấu mốc quân dân ta đã giành quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc bộ, tạo bước chuyển biến lớn của kháng chiến vào giai đoạn mới?

- a. Chiến thắng Việt Bắc Thu Đông (1947).
- b. Chiến thắng Biên giới Thu Đông (1950).
- c. Chiến thắng Hòa Bình (1952).
- d. Chiến thắng Tây Bắc (1952).

**Đáp án: b**

**Câu 102:** Năm 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra mặt trận cùng Bộ chỉ huy chiến dịch chỉ đạo và động viên bộ đội chiến đấu. Người đã có mặt trong chiến dịch nào sau đây?

- a. Chiến dịch Biên giới.
- b. Chiến dịch Đường số 4.
- c. Chiến dịch Trung du.
- d. Chiến dịch Cao - Bắc - Lạng.

**Đáp án: a**

**Câu 103:** Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng được tiến hành vào thời gian nào, tại đâu ?

- a. Tháng 3/1935, tại Ma Cao, Trung Quốc.
- b. Tháng 02/1951, tại Tân Trào, Tuyên Quang .
- c. Tháng 02/1951, tại Vinh Quang, Chiêm Hóa, Tuyên Quang.
- d. Tháng 2/1951, tại Việt Bắc.

**Đáp án: c**

**Câu 104:** Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ II (02/1951) quyết định đưa Đảng ta ra hoạt động công khai với tên gọi là:

- a. Đảng Cộng sản Việt Nam.
- b. Đảng Lao động Việt Nam.
- c. Đảng Cộng sản Đông Dương.
- d. Hội nghiên cứu Chủ nghĩa Mác.

**Đáp án: b**

**Câu 105:** Bác Hồ được bầu làm Chủ tịch Đảng ta từ thời điểm nào?

- a. Tháng 5/1941 - Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần 8, khoá I.
- b. Tháng 8/1945 - Hội nghị toàn quốc của Đảng ở Tân Trào.
- c. Tháng 02/1951 - Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ II.

- d. Tháng 9/1960 - Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ III.

**Đáp án: c**

**Câu 106 : Tại Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ II (02/1951), Đồng chí nào sau đây được bầu làm Tổng bí thư?**

- a. Hồ Chí Minh.  
b. Tôn Đức Thắng.  
c. Trường Chinh.  
d. Lê Duẩn .

**Đáp án: c**

**Câu 107: Cương lĩnh nào sau đây được xem là Cương lĩnh chính trị thứ ba của Đảng ta?**

- a. Luận cương chính trị tháng 10/1930.  
b. Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam tháng 02/1951.  
c. Cương lĩnh về ruộng đất tháng 11/1953.  
d. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

**Đáp án: b**

**Câu 108: Trong Cương lĩnh chính trị thứ ba (02/1951), Đảng ta đã khẳng định nhận thức của mình về con đường cách mạng Việt Nam. Đó là:**

- a. Con đường cách mạng vô sản.  
b. Con đường cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng.  
c. Con đường cách mạng tư sản dân quyền.  
d. Con đường cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

**Đáp án: d**

**Câu 109: Đại hội nào của Đảng đã quyết định tách Đảng Cộng sản Đông Dương thành 3 tổ chức Đảng ?**

- a. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ I (3/1935)

- b. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ II (2/1951)
- c. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ III (9/1960)
- d. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IV (12/1976)

**Đáp án: b**

**Câu 110: Trong kháng chiến chống Pháp, nhiệm vụ nào sau đây được xem là nhiệm vụ chính?**

- a. Xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng.
- b. Đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất cho dân tộc.
- c. Phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội.

**Đáp án: b**

**Câu 111: Đối tượng của cách mạng Việt Nam được xác định tại Đại hội đại biểu Đảng lần thứ II (02/1951) là:**

- a. Chủ nghĩa đế quốc xâm lược, cụ thể là thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ.
- b. Phong kiến, cụ thể là phong kiến phản động.
- c. Đế quốc và phong kiến Việt Nam.
- d. a và b.

**Đáp án: d**

**Câu 112: Thực hiện chủ trương của Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ II, vào tháng 3/1951, Mặt trận nào sau đây đã được thành lập?**

- a. Mặt trận Việt Nam độc lập đồng Minh (Việt Minh).
- b. Hội Liên Hiệp quốc dân Việt Nam (Liên Việt).
- c. Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Mặt trận Liên Việt).
- d. b và c.

**Đáp án: c**

**Câu 113: Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Mặt trận Liên Việt) là sự thống nhất của các tổ chức nào sau đây?**

- a. Tổ chức mặt trận ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia.
- b. Mặt trận Việt Minh và tổ chức Liên Việt.
- c. Mặt trận Việt Minh ở hai miền Nam- Bắc.

**Đáp án: b**

**Câu 114: Tác phẩm quan trọng của đồng chí Trường Chinh về cách mạng Việt Nam được viết trong thời kì 1946 – 1954 là:**

- a. Kháng chiến nhất định thắng lợi.
- b. Bàn về cách mạng Việt Nam.
- c. Chủ nghĩa Mác và văn hoá Việt Nam.
- d. a, b và c.

**Đáp án: d**

**Câu 115: Mối quan hệ giữa nhiệm vụ dân tộc và dân chủ trong cuộc kháng chiến chống Pháp là:**

- a. Vừa đánh đuổi thực dân, vừa tịch thu ruộng đất của giai cấp địa chủ chia cho dân cày.
- b. Hoàn thành nhiệm vụ giải phóng đất nước, củng cố và mở rộng chế độ dân chủ cộng hòa.
- c. Tịch thu ruộng đất và các hạng tài sản khác của Việt gian phản động để bổ sung ngân quỹ kháng chiến hay ủng hộ gia đình các chiến sĩ hy sinh.
- d. b và c.

**Đáp án: d**

**Câu 116: Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, đến cuối năm 1953, nhiệm vụ chống phong kiến được tiến hành bằng cách:**

- a. Thực hiện giảm tô 25%, chia lại ruộng công.
- b. Chia lại ruộng công và ban hành thuế nông nghiệp.
- c. Ban hành thuế nông nghiệp và thực hiện cải cách ruộng đất trên toàn miền Bắc.



d. Triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất ở vùng tự do.

**Đáp án: d**

**Câu 117: Nhằm đẩy mạnh thực hiện khẩu hiệu “người cày có ruộng”, tháng 11/1953, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ V đã thông qua:**

- a. Cương lĩnh ruộng đất.
- b. Chỉ thị giảm tô, giảm tức.
- c. Chính sách cải cách ruộng đất.
- d. a, b và c

**Đáp án: a**

**Câu 118: Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, khái niệm “ba vùng chiến thuật” dùng để chỉ:**

- a. Vùng núi, vùng biển, vùng trời.
- b. Vùng tự do, vùng tranh chấp, vùng địch tạm chiếm.
- c. Nông thôn rừng núi, nông thôn đồng bằng và vùng đô thị.

**Đáp án: b**

**Câu 119: Chiến dịch Điện Biên Phủ diễn ra trong khoảng thời gian nào sau đây?**

- a. Từ 13/3 đến 7/5/ 1954.
- b. Từ 30/3 đến 7/5/ 1954.
- c. Từ 26/4 đến 7/5/ 1954.

**Đáp án: a**

**Câu 120: Trên cơ sở theo dõi tình hình địch ở Điện Biên Phủ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã quyết định thay đổi kế hoạch để thực hiện phương châm:**

- a. Đánh nhanh, thắng nhanh.
- b. Chắc thắng mới đánh, không chắc không đánh.
- c. Đánh chắc, tiến chắc.
- d. Cơ động, chủ động, linh hoạt.

**Đáp án: c**

**Câu 121: Thắng lợi nào sau đây được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một Bạch Đằng, một Chi Lăng hay một Đống Đa trong thế kỷ XX và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công hiển hách, một sự kiện đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân cũ?**

- a. Thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945.
- b. Thắng lợi của thời kỳ đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946.
- c. Chiến thắng Điện Biên Phủ 1954.
- d. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

**Đáp án: c**

**Câu 122: Hiệp định Giơnevơ ký giữa ta và pháp vào năm 1954 qui định:**

- a. Các nước tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Đông Dương, Pháp rút quân khỏi Đông Dương.
- b. Việt Nam lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời để phân chia hai miền Nam- Bắc Việt Nam trong 2 năm. Tháng 7/1956, sẽ tiến hành tổng tuyển cử tự do để thống nhất Việt Nam.
- c. Lào có khu tập kết ở hai tỉnh Sầm Nưa và Phongxaly.
- d. a, b và c.

**Đáp án: d**

**Câu 123: Giải pháp ký kết Hiệp định Giơnevơ, lập lại hòa bình ở Đông Dương (21/7/1954) đã thể hiện:**

- a. Tương quan so sánh lực lượng giữa ta và địch là chênh lệch lớn
- b. Việt Nam là một nước nhỏ, lại phải đương đầu với đế quốc xâm lược lớn trong bối cảnh quan hệ quốc tế vô cùng phức tạp
- c. Cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và tự do của Việt Nam là lâu dài, gian khổ, quanh co, giành thắng lợi từng bước là vấn đề có tính qui luật.
- d. b và c.

**Đáp án: d**

**Câu 124: Từ tháng 12/1946 đến năm 1954, thủ đô của kháng chiến (nơi Trung ương Đảng và Chính phủ ở) là:**

- a. Cao Bằng - Lạng Sơn.
- b. Hà Nội - Bắc Ninh.
- c. Tuyên Quang - Thái Nguyên.
- d. Điện Biên Phủ - Lai Châu.

**Đáp án: c**

**Câu 125: Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (19/12/1946- 20/7/1954) đã để lại cho Đảng và nhân dân ta những kinh nghiệm lịch sử quý báu nào sau đây?**

- a. Xác định đúng và quán triệt đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh.
- b. Vừa kháng chiến, vừa xây dựng chế độ mới.
- c. Chủ động đề ra và thực hiện phương thức tiến hành chiến tranh và nghệ thuật quân sự sáng tạo. Nâng cao sức chiến đấu và hiệu lực lãnh đạo của Đảng trong chiến tranh.
- d. a, b, và c.

**Đáp án: d**

**Câu 126: Đặc điểm cơ bản của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ 1954 -1975 là:**

- a. Đất nước bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị- xã hội khác nhau.
- b. Miền Bắc tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, miền Nam tiếp tục thực hiện cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
- c. Đảng lãnh đạo tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng trên cả nước.
- d. a, b và c.

**Đáp án: d**

**Câu 127: Khi tiến hành phương pháp cách mạng, điều có tính nguyên tắc là:**

- a. Không được lãng quên mục đích cuối cùng.
- b. Đấu tranh giành mục tiêu cụ thể trước mắt.
- c. Biết thắng từng bước cho đúng.
- d. a và c.

**Đáp án: d**

**Câu 128: Sự kiện chính trị lớn đã diễn ra tại Hà Nội vào ngày 01/01/1955 là:**

- a. Cuộc mít tinh chào mừng Đảng, Chính phủ, Hồ chủ tịch về thủ đô.
- b. Quân ta tiến vào tiếp quản thủ đô.
- c. Đại hội thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- d. Khai mạc phiên họp đầu tiên của Chính phủ sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.

**Đáp án: a**

**Câu 129: Xét về phương pháp, Đảng ta biết làm giàu trí tuệ bằng:**

- a. Phát huy bản lĩnh sáng tạo và nghệ thuật lãnh đạo chính trị của mình.
- b. Thường xuyên đúc kết và nâng cao kinh nghiệm của cách mạng nước ta.
- c. Học tập có chọn lọc kinh nghiệm của cách mạng các nước phù hợp với điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam.
- d. a , b và c.

**Đáp án: d**

**Câu 130: Điểm xuất phát cơ bản của việc xác định đường lối cho cách mạng nước ta sau năm 1954 là :**

- a. Phân tích đặc điểm tình hình cách mạng nước ta sau khi cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc.
- b. Phân tích, cân nhắc, phán đoán thận trọng khả năng phát triển của tình hình thế giới.

- c. Thăm dò, trao đổi ý kiến với các nước xã hội chủ nghĩa anh em.
- d. a, b và c.

**Đáp án: a**

**Câu 131: Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 15 (khoá II- 01/1959) xác định con đường duy nhất của cách mạng miền Nam là:**

- a. Đẩy mạnh đấu tranh chính trị.
- b. Đẩy mạnh đấu tranh vũ trang.
- c. Sử dụng bạo lực cách mạng: kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.
- d. Kết hợp đánh lớn, đánh vừa, đánh nhỏ.

**Đáp án: c**

**Câu 132: Cao trào Đồng khởi năm 1960 đã diễn ra đầu tiên ở:**

- a. Trà Bồng (Quảng Ngãi ).
- b. Mỏ Cày (Bến Tre).
- c. Gò Quản Cung (Đồng Tháp).
- d. Tua 2 (Tây Ninh).

**Đáp án: b**

**Câu 133: Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời vào thời gian nào, tại đâu?**

- a. Tháng 10/1959, Tây Nguyên.
  - b. Tháng 01/1960, Bến Tre.
- c. Tháng 12/1960, Tây Ninh.
- d. Tháng 02/1966, Sài Gòn.

**Đáp án: c**

**Câu 134: Chiến thắng nào sau đây của quân dân miền Nam đã làm phá sản về cơ bản chiến thuật “trục thẳng vận” và “thiết xa vận” trong Chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ?**

- a. Chiến thắng Ấp Bắc.

- b. Chiến thắng Ba Gia.
- c. Chiến thắng Đồng Xoài.
- d. Chiến thắng Bình Giả.

**Đáp án: a**

**Câu 135: Khái niệm “ba mũi giáp công” trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước dùng để chỉ:**

- a. Chính trị, quân sự, kinh tế.
- b. Chính trị, quân sự, văn hoá.
- c. Chính trị, quân sự, binh vận.
- d. Chính trị, quân sự, ngoại giao.

**Đáp án: c**

**Câu 136: Chỗ dựa chủ yếu của đế quốc Mỹ trong Chiến lược chiến tranh đặc biệt là:**

- a. Quân viễn chinh Mỹ và chư hầu.
- b. Quân viễn chinh Mỹ, chư hầu và nguy quân - nguy quyền.
- c. Hệ thống áp chiến lược và vùng đô thị.
- d. Nguy quân - nguy quyền, hệ thống áp chiến lược và vùng đô thị.

**Đáp án: d**

**Câu 137: Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ III (9/1960) chủ trương:**

- a. Miền Bắc dừng lại ở sản xuất nhỏ; tập trung kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam.
- b. Tập trung xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; tiến hành “trường kỳ mai phục” ở miền Nam.
- c. Thực hiện đồng thời hai chiến lược cách mạng ở hai miền: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

**Đáp án: c**

**Câu 138: Theo Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ III (9/1960), cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam giữ vai trò:**

- a. Quyết định đối với sự phát triển của cách mạng Việt Nam.
- b. Quan trọng quyết định đối với sự phát triển của cách mạng miền Nam.
- c. Quan trọng quyết định đối với sự phát triển của cách mạng miền Bắc.

**Đáp án: b**

**Câu 139: Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng được bầu tại Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ III là:**

- a. Hồ Chí Minh.
- b. Trường Chinh.
- c. Lê Duẩn.
- d. Nguyễn Văn Linh.

**Đáp án: c**

**Câu 140: Từ năm 1961 đến 1975, cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng ở miền Nam là:**

- a. Xứ ủy Nam kỳ.
- b. Trung ương cục miền Nam.
- c. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.
- d. Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam.

**Đáp án: b**

**Câu 141: Trung ương cục miền Nam được thành lập vào thời gian nào, ai được chỉ định làm Bí thư?**

- a. Năm 1961, Nguyễn Chí Thanh.
- b. Năm 1961, Nguyễn Văn Linh.
- c. Năm 1961, Phạm Hùng.

**Đáp án: b**

**Câu 142: Đồng chí nào sau đây giữ chức vụ Bí thư Trung ương cục miền Nam thời kỳ 1964 – 1967?**

- a. Nguyễn Văn Linh.
- b. Nguyễn Chí Thanh.
- c. Phạm Hùng.

**Đáp án: b**

**Câu 143: Đồng chí nào sau đây giữ chức vụ Bí thư Trung ương cục miền Nam thời kỳ 1967 – 1975?**

- a. Nguyễn Văn Linh.
- b. Nguyễn Chí Thanh.
- c. Phạm Hùng.

**Đáp án: c**

**Câu 144: Phương châm chiến lược chung trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là:**

- a. Đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính.
- b. Càng đánh càng mạnh, cần phải cố gắng đến mức độ cao, tập trung lực lượng cả hai miền để mở những cuộc tiến công lớn.
- c. Tranh thủ thời cơ giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn trên chiến trường miền Nam.
- d. a, b và c.

**Đáp án: d**

**Câu 145: Khẩu hiệu: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” được Bác Hồ nói vào ngày, tháng, năm nào?**

- a. Ngày 02/9/1945.
- b. Ngày 19/12/1946.
- c. Ngày 26/ 3 /1961.
- d. Ngày 17/7/1966.

**Đáp án: d**



**Câu 146: Những thắng lợi lớn nào sau đây đã góp phần đánh bại chiến lược Chiến tranh cục bộ của đế quốc Mỹ trên chiến trường miền Nam Việt Nam?**

- a. Chiến thắng Núi Thành và Vạn Tường.
- b. Đánh bại hai cuộc phản công chiến lược mùa khô (1965-1966 và 1966-1967) của đế quốc Mỹ.
- c. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968.
- d. a, b, và c

**Đáp án: d**

**Câu 147: Chiến lược “phản ứng linh hoạt” của đế quốc Mỹ thực hiện ở Việt Nam bao gồm các loại hình chiến lược chiến tranh nào?**

- a. Chiến tranh đơn phương, chiến tranh đặc biệt và chiến tranh cục bộ.
- b. Chiến tranh đặc biệt, chiến tranh cục bộ và Việt Nam hoá chiến tranh.
- c. Chiến tranh cục bộ, chiến tranh Việt Nam hoá và chiến tranh phá hoại.
- d. Chiến tranh đặc biệt, chiến tranh cục bộ, chiến tranh phá hoại.

**Đáp án: d**

**Câu 148: Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968 của quân và dân ta bắt đầu vào thời gian nào sau đây?**

- a. Trưa 30/12/1967.
- b. Đêm giao thừa Tết Mậu thân (đêm 30 rạng ngày 31/1/1968).
- c. Trưa Mồng một (Âl) Tết Mậu thân.
- d. Đêm Mồng một, rạng Mồng hai (Âl) Tết Mậu thân.

**Đáp án: b**

**Câu 149: Trưởng đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tại Hội nghị ngoại giao ở Paris là:**

- a. Nguyễn Thị Định.
- b. Nguyễn Thị Bình.
- c. Nguyễn Duy Trinh.
- d. Lê Đức Thọ.

**Đáp án: b**

**Câu 150: Sau Tết Mậu thân, ngày 31/3/1968, Tổng thống Mỹ**

**Giôn-xơn tuyên bố:**

- a. Không ra tranh cử Tổng thống Mỹ nhiệm kỳ 2.
- b. Chấp nhận ngồi vào đàm phán ở Paris.
- c. Ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra.
- d. a, b và c.

**Đáp án: d**

**Câu 151: Sau khi Bác Hồ mất, đồng chí nào sau đây được bầu làm**

**Chủ tịch Đảng?**

- a. Tôn Đức Thắng.
- b. Lê Duẩn.
- c. Trường Chinh.
- d. Không bầu người nào.

**Đáp án: d**

**Câu 152: Ba hướng tiến công chiến lược chủ yếu của ta trong năm**

**1972 ở miền Nam là:**

- a. Trị Thiên – Tây Nguyên – Đồng bằng sông Cửu Long.
- b. Trị Thiên - Tây Nguyên – Đông Nam bộ.
- c. Trị Thiên - Nam Tây Nguyên – Đồng bằng sông Cửu Long.
- d. Trị Thiên - Tây Nguyên – Nam Trung bộ.

**Đáp án: b**

**Câu 153: Ngày 27/1/1973, Hiệp định Pari về “Chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam” được chính thức ký kết với các nội dung chính là:**

- a. Hoa kì và các nước khác tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam.
  - b. Hoa kì chấm dứt mọi hoạt động quân sự trên lãnh thổ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và rút hết quân đội ra khỏi miền Nam Việt Nam.
  - c. Hoa kì phải đóng góp vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh và công cuộc xây dựng sau chiến tranh ở Việt Nam và toàn Đông Dương.
- d. a, b và c.

**Đáp án: d**

**Câu 154: Từ chiến dịch nào, Bộ Chính trị Trung ương Đảng chủ trương giải phóng hoàn toàn miền Nam ngay trong năm 1975?**

- a. Chiến dịch Tây Nguyên.
- b. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.
- c. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

**Đáp án: a**

**Câu 155: Từ thắng lợi của chiến dịch nào, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam trước tháng 5 năm 1975?**

- a. Thắng lợi của chiến dịch Tây Nguyên.
- b. Thắng lợi của chiến dịch Huế - Đà Nẵng.
- c. Thắng lợi của chiến dịch Hồ Chí Minh.

**Đáp án: b**

**Câu 156: Cuộc tổng tiến công và nổi dậy năm 1975 diễn ra trong khoảng thời gian nào?**

- a. Từ 04/3/1975 đến 30/4/1975.
- b. Từ 10/3/1975 đến 1/5/1975.
- c. Từ 10/3/1975 đến 2/5/1975.

**Đáp án: a**

**Câu 157: Thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã:**

- a. Mở đầu sự sụp đổ không thể tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân cũ.
- b. Đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân cũ.
- c. Mở đầu sự sụp đổ không thể tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân mới.

**Đáp án: c**

**Câu 158: Để cách mạng thắng lợi, chúng ta cần phải:**

- a. Xác định đúng phương hướng và mục tiêu chiến lược.
- b. Xác định đúng phương hướng và mục tiêu cụ thể cho từng thời kỳ.
- c. Xác định hình thức và biện pháp để thực hiện phương hướng và mục tiêu đã định.
- d. a, b và c.

**Đáp án: d**

**Câu 159: Xét về lý luận và thực tiễn, sau năm 1954, miền Bắc nước ta đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội là đương nhiên. Vì:**

- a. Nhân dân ta chiến đấu, hi sinh không chỉ vì mục đích giành độc lập dân tộc, mà còn vì cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.
- b. Đảng ta lấy chủ nghĩa Mác- Lênin làm nền tảng tư tưởng và phấn đấu vì lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.
- c. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, chỉ có xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội mới có thể bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.
- d. a, b và c.

**Đáp án: d**

**Câu 160: Trong những đặc điểm của miền Bắc khi bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đặc điểm nào là cơ bản nhất?**

- a. Nền kinh tế sản xuất nhỏ, nông nghiệp lạc hậu, tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua thời kỳ phát triển tư bản chủ nghĩa.
- b. Đất nước bị chia cắt làm hai miền và có chiến tranh ở mỗi miền với hình thức và mức độ khác nhau.
- c. Được sự ủng hộ và viện trợ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa anh em.
- d. Các mô hình xã hội chủ nghĩa đang thực thi ở các nước xã hội chủ nghĩa đã có những nhược điểm, sai lầm; hơn nữa, điều kiện, hoàn cảnh nước ta không hoàn toàn giống các nước đó nên khó cho ta vận dụng.

**Đáp án: a**

**Câu 161: Tại hội nghị nào sau đây, Đảng ta bắt đầu xác định: Nước ta tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng - cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa?**

- a. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 6, khoá II (7/1954).
- b. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 13, khoá II (12/1957).
- c. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 14, khoá II (11/1958).
- d. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ III (9/1960).

**Đáp án: b**

**Câu 162: Nội dung chủ yếu của kế hoạch ba năm 1955 - 1957 ở miền Bắc nước ta là:**

- a. Xây dựng lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.
- b. Khôi phục kinh tế mà trọng tâm là khôi phục nông nghiệp, tiến hành đồng thời với cải cách ruộng đất.
- c. Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa.
- d. a, b và c.

**Đáp án: b**

**Câu 163:** Về kết quả của phong trào cải cách ruộng đất ở miền Bắc, Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng- khoá II (9/1956) đã đánh giá là:

- a. Thắng lợi lớn.
- b. Thắng lợi rất hạn chế, khuyết điểm và sai lầm là nghiêm trọng.
- c. Thất bại.
- d. Hoàn thành cải cách ruộng đất nhưng phạm sai lầm nghiêm trọng.

**Đáp án: d**

**Câu 164:** Hội nghị lần thứ 16 Ban Chấp hành Trung ương Đảng - khoá II đã thông qua nghị quyết quan trọng nào sau đây?

- a. Nghị quyết về hợp tác hoá nông nghiệp.
- b. Nghị quyết về cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh.
- c. Nghị quyết về ruộng đất và hợp tác hoá nông nghiệp.
- d. Nghị quyết về hợp tác hoá nông nghiệp và Nghị quyết về cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh.

**Đáp án: d**

**Câu 165:** Trong giai đoạn 1958 –1960, Đảng chủ trương cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh bằng biện pháp hòa bình với những hình thức chủ yếu nào?

- a. Hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp và hợp tác xã mua bán.
- b. Chuộc lại, trả dần.
- c. Công tư hợp doanh.
- d. b và c

**Đáp án: d**

**Câu 166:** Kế hoạch tập kích bằng máy bay chiến lược B.52 trong suốt 12 ngày đêm (từ ngày 18 đến 30/12/1972) trên bầu trời Hà Nội, Hải Phòng và một số địa phương khác, được Mỹ gọi là:

- a. Mũi tên xuyên.
- b. Sấm rền.
- c. Lainobéccơ 2 .

**Đáp án: c**

**Câu 167: Tại kỳ họp nào sau đây Quốc hội quyết định lấy tên nước ta là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam?**

- a. Kỳ họp thứ nhất của Quốc hội nước Việt Nam thống nhất (7/1976).
- b. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần IV (12/1976).
- c. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ II khoá IV (7/1977).
- d. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ III khoá IV (12/1977).

**Đáp án: a**

**Câu 168: Đại hội đại biểu Đảng lần thứ mấy được xem là Đại hội toàn thắng của sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc?**

- a. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ III (9/1960).
- b. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IV (12/1976).
- c. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ V (3/1982).
- d. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VI (12/1986).

**Đáp án: b**

**Câu 169: Mục tiêu bao trùm của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta được xác định tại Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IV (12/1976) là:**

- a. Xây dựng chế độ làm chủ tập thể XHCN.
- b. Xây dựng nền sản xuất lớn XHCN.
- c. Xây dựng nền văn hoá mới XHCN.
- d. Xây dựng con người mới XHCN.

**Đáp án: a**

**Câu 170: Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IV (12/1976) đã đề ra các biện pháp đòn bẩy để đạt mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta là:**

- a. Năm vững chuyên chính vô sản.
- b. Phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.
- c. Tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng.
- d. a, b và c.

**Đáp án: d**

**Câu 171: Quan niệm về công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa được nêu lên tại Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IV (12/1976) là:**

- a. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.
- b. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.
- c. Tập trung sức phát triển nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu.
- d. Tập trung sức người, sức của thực hiện 3 chương trình mục tiêu: lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu.

**Đáp án: b**

**Câu 172: Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ mấy đã đổi tên từ Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam?**

- a. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ III (9/1960).
- b. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IV (12/1976).
- c. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ V (3/1982).
- d. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VI (12/1986).

**Đáp án: b**

**Câu 173: Nhiệm vụ đề ra cho cách mạng nước ta trong 5 năm 1981-1985 là:**

- a. Xây dựng một bước cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.
- b. Tập trung sức phát triển nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu.



- c. Đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng, tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng.
- d. b và c.

**Đáp án: d.**

**Câu 174: Tại Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IV (12/1976), đồng chí nào sau đây được bầu làm Tổng Bí thư?**

- a. Lê Duẩn.
- b. Nguyễn Văn Linh.
- c. Trường Chinh.
- d. Đỗ Mười.

**Đáp án: a**

**Câu 175: Việt Nam trở thành thành viên thứ 149 của Liên hiệp quốc vào thời gian nào sau đây?**

- a. Tháng 4/1976.
- b. Tháng 12/1976.
- c. Tháng 7/1977.
- d. Tháng 9/1977.

**Đáp án: d**

**Câu 176: Sau khi giúp Campuchia thoát khỏi chế độ diệt chủng, vào ngày 18/02/1979, Việt Nam và Campuchia cùng ký hiệp ước mang tên:**

- a. Hiệp ước hoà bình.
- b. Hiệp ước hoà bình và hữu nghị.
- c. Hiệp ước hữu nghị và hợp tác.
- d. Hiệp ước hoà bình, hữu nghị và hợp tác.

**Đáp án: d**

**Câu 177: Hội nghị nào của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IV đề ra chủ trương đổi mới công tác kế hoạch hóa và cải tiến một cách cơ bản chính sách kinh tế để làm cho sản xuất “bung ra”?**

- a. Hội nghị BCH TƯ lần thứ 5 (12/1978)

- b. Hội nghị BCH TƯ lần thứ 6 (8/1979)
- c. Hội nghị BCH TƯ lần thứ 7 (3/1980)
- d. Hội nghị BCH TƯ lần thứ 8 (9/1980)

**Đáp án: b**

**Câu 178: Ngày 13/01/1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị 100/CT-TW về:**

- a. Quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp quốc doanh.
- b. Cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp.
- c. Mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất kinh doanh Nhà nước.
- d. a, b và c.

**Đáp án: b**

**Câu 179: Ngày 21/01/1981, Hội đồng Chính phủ ban hành quyết định 25- CP về:**

- a. Một số chủ trương và biện pháp nhằm phát huy quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp quốc doanh.
- b. Khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp.
- c. Mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất kinh doanh Nhà nước.
- d. Cả a, b và c.

**Đáp án: a**

**Câu 180: Nhận thức việc phải chia thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta thành nhiều chặng đường được nêu lên tại Đại hội đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ mấy?**

- a. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ III (9/1960).
- b. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IV (12/1976).
- c. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ V (3/1982).
- d. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VI (12/1986).

**Đáp án: c**

**Câu 181: Chủ trương: “Tập trung sức phát triển nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng, tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng” được nêu lên tại Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ mấy?**

- a. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ III (9/1960).
- b. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IV (12/1976).
- c. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ V (3/1982).
- d. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VI (12/1986).

**Đáp án: c**

**Câu 182: Hội nghị nào của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa V quyết định phải dứt khoát xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, thực hiện hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa?**

- a. Hội nghị BCHTƯ lần thứ 8 (6/1985)
- b. Hội nghị BCHTƯ lần thứ 9 (12/1985)
- c. Hội nghị BCHTƯ lần thứ 10 (5/1986)
- d. Hội nghị Bộ Chính trị (4/1988)

**Đáp án: a**

**Câu 183: Ngày 14/7/1986, tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương đặc biệt, đồng chí nào sau đây được bầu làm Tổng Bí thư?**

- a. Đỗ Mười.
- b. Nguyễn Văn Linh
- c. Trường Chinh
- d. Lê Khả Phiêu

**Đáp án: c**

**Câu 184: Trong các Đại hội sau đây, Đại hội nào đã tỏ rõ bản lĩnh độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường của Đảng ta?**

- a. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IV (12/1976).
- b. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ V (3/1982).
- c. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VI (12/1986).
- d. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VII (6/1991)

**Đáp án: c**

**Câu 185: Đại hội nào được xem là đánh dấu bước ngoặt trong sự nghiệp quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta?**

- a. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IV (12/1976).
- b. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ V (3/1982).
- c. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VI (12/1986).
- d. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VIII (6/1996).

**Đáp án: c**

**Câu 186: Cơ sở để Đảng ta hoạch định đường lối đổi mới vào năm 1986 là:**

- a. Dựa trên phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin, đổi mới tư duy, nhận thức đúng đắn về chủ nghĩa xã hội.
- b. Dựa trên những quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội.
- c. Thực tiễn của hơn ba thập kỷ xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta. Đổi mới từ các cơ sở Đảng và quần chúng nhân dân.
- d. a, b và c.

**Đáp án: d**

**Câu 187: Nội dung chính của công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa được cụ thể hoá tại Đại hội đại biểu Đảng lần VI là:**

- a. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

- b. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.
- c. Tập trung thực hiện ba chương trình mục tiêu về lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.
- d. Tập trung sức phát triển nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

**Đáp án: c**

**Câu 188: Nội dung đường lối đổi mới được đề ra tại Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VI (12/1986) bao gồm:**

- a. Đổi mới tư duy lý luận, trước hết là tư duy kinh tế. Đổi mới cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế.
- b. Đổi mới vai trò quản lý điều hành của Nhà nước.
- c. Đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng. Đổi mới quan hệ đối ngoại.
- d. a, b và c.

**Đáp án: d**

**Câu 189: Mục tiêu tổng quát trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên được xác định tại Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VI (12/1986) là:**

- a. Sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy.
- b. Ổn định mọi mặt tình hình kinh tế- xã hội.
- c. Xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo.
- d. b và c.

**Đáp án: d**

**Câu 190: Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VI (12/1986) đã bầu đồng chí nào sau đây làm Tổng Bí thư?**

- a. Lê Duẩn.
- b. Nguyễn Văn Linh.

- c. Trường Chinh.
- d. Đỗ Mười.

**Đáp án: b**

**Câu 191:** Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ mấy được triệu tập trong bối cảnh quốc tế có nhiều biến động phức tạp: Các nước xã hội chủ nghĩa đã và đang lâm vào khủng hoảng toàn diện và nghiêm trọng từ trước tới nay, chủ nghĩa xã hội đang ở giai đoạn khó khăn, thử thách gay go?

- a. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ V (3/1982).
- b. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VI (12/1986).
- c. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VII (6/1991).
- d. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VIII (6/1996).

**Đáp án: c**

**Câu 192:** Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta được thông qua tại Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ mấy?

- a. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ V (3/1982).
- b. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VI (12/1986).
- c. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VII (6/1991).
- d. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VIII (6/1996).

**Đáp án: c**

**Câu 193:** “Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động” được đề ra từ Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ mấy?

- a. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần VI (12/1986).
- b. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần VII (6/1991).
- c. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần VIII (6/1996).
- d. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần IX (4/2001).

**Đáp án: b**

**Câu 194: Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần VII (6/1991) chỉ rõ thực chất của việc đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị ở nước ta là:**

- a. Xây dựng Nhà nước pháp quyền theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
- b. Cải cách hành chính, mở rộng quan hệ đối ngoại.
- c. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.
- d. Phân định rõ và thực hiện đúng cơ chế: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

**Đáp án: c**

**Câu 195: “Nước ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội nhưng một số mặt còn chưa vững chắc”. Nhận định trên được nêu lên tại Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ mấy?**

- a. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VI (12/1986).
- b. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VII (6/1991).
- c. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VIII (6/1996).
- d. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IX (4/2001).

**Đáp án: c**

**Câu 196: Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VIII (6/1996) bầu đồng chí nào sau đây làm Tổng Bí thư?**

- a. Đỗ Mười.
- b. Nguyễn Văn Linh
- c. Lê Khả Phiêu
- d. Nông Đức Mạnh

**Đáp án: a**

**Câu 197: Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VIII xác định sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa sẽ cơ bản hoàn thành vào năm nào?**

- a. Năm 2010
- b. Năm 2015

- c. Năm 2020
- d. Năm 2030

**Đáp án: c**

**Câu 198: Những tiền đề và điều kiện thuận lợi để cách mạng nước ta chuyển sang thời kỳ mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là:**

- a. Nhân dân ta đã tạo nên những đổi mới kinh tế quan trọng.
- b. Ổn định chính trị được giữ vững. Quan hệ kinh tế đối ngoại được rộng mở.
- c. Cơ sở hạ tầng về kinh tế - xã hội có bước phát triển quan trọng.
- d. a, b và c.

**Đáp án: d**

**Câu 199: Động lực chủ yếu để phát triển đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là:**

- a. Thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.
- b. Thực hiện nhất quán nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- c. Đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh công - nông và trí thức do Đảng lãnh đạo.
- d. Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước phát triển.

**Đáp án: c**

**Câu 200: “Đối với nước ta, thế kỷ XX là thế kỷ của những biến đổi to lớn, thế kỷ đấu tranh oanh liệt giành lại độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, thế kỷ của những chiến công và thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại”. Nhận định trên được nêu lên tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ mấy?**

- a. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VI (12/1986).



- b. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VII (6/1991).
- c. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VIII (6/1996).
- d. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IX (4/2001).

**Đáp án: d**

**Câu 201:** “Thế kỷ XXI sẽ là thế kỷ nhân dân ta tiếp tục giành thêm nhiều thắng lợi to lớn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đưa nước ta sánh vai cùng các nước phát triển trên thế giới”. Dự báo trên được nêu lên tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ mấy?

- a. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VI (12/1986).
- b. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VII (6/1991).
- c. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VIII (6/1996).
- d. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IX (4/2001).

**Đáp án: d**

**Câu 202:** Mục tiêu tổng quát của chiến lược phát triển kinh tế- xã hội từ năm 2001- 2010 là:

- a. Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển. Nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của nhân dân. Đưa GDP năm 2010 lên ít nhất gấp đôi năm 2000.
- b. Tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.
- c. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản. Vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao.
- d. a, b và c.

**Đáp án: d**

**Câu 203:** Với thắng lợi nào sau đây, nhân dân ta được xem là người đi tiên phong trong việc làm tan rã chủ nghĩa thực dân cũ, tạo ra

**bước nhảy vọt trong cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức chống chủ nghĩa thực dân giành độc lập dân tộc?**

- a. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.
- b. Thắng lợi của 9 năm chống thực dân Pháp xâm lược lần thứ hai.
- c. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- d. Thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

**Đáp án: b**

**Câu 204: Với thắng lợi nào sau đây, cách mạng nước ta đã kết thúc cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước, mở ra giai đoạn cách mạng mới - giai đoạn cả nước độc lập và thống nhất, tiến lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa?**

- a. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.
- b. Thắng lợi của 9 năm chống thực dân Pháp xâm lược lần thứ hai.
- c. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- d. Thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

**Đáp án: c**

**Câu 205: Trong các thắng lợi sau đây, thắng lợi nào thể hiện sức mạnh của ý chí, của tinh thần độc lập dân tộc, đồng thời là sức mạnh của chủ nghĩa xã hội?**

- a. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.
- b. Thắng lợi của 9 năm chống thực dân Pháp xâm lược lần thứ hai.
- c. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- d. Thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

**Đáp án: c**

**Câu 206: Trong các bài học sau đây, bài học nào là bài học xuyên suốt trong quá trình cách mạng nước ta?**

- a. Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
- b. Không ngừng củng cố và tăng cường sức mạnh toàn dân. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.
- c. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố quan trọng hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng.
- d. a, b và c.

**Đáp án: d**

**Câu 207: Trong các thời kỳ sau đây, thời kỳ nào đấu tranh giành độc lập dân tộc được xem là mục tiêu hàng đầu?**

- a. Thời kỳ 1930 - 1945.
- b. Thời kỳ 1945 - 1954.
- c. Thời kỳ 1930 - 1954.
- d. Thời kỳ 1954 - 1975.

**Đáp án: c**

**Câu 208: Trong các thời kỳ sau đây, thời kỳ nào thể hiện đặc điểm độc đáo của cách mạng Việt Nam?**

- a. Thời kỳ 1930 –1945: Đấu tranh giành độc lập dân tộc.
- b. Thời kỳ 1945 - 1954: Bảo vệ chính quyền cách mạng và tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp.
- c. Thời kỳ 1954 –1975: Tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ hai chiến lược cách mạng: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.
- d. Thời kỳ 1975 đến nay: Cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc thống nhất.

**Đáp án: c**

**Câu 209: Trong các thời kỳ sau đây, thời kỳ nào giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội có mối quan hệ mật thiết, quyết định lẫn nhau và tạo nên sức mạnh tổng hợp của cách mạng?**

- a. Thời kỳ 1930 - 1945.
- b. Thời kỳ 1945 - 1954.
- c. Thời kỳ 1954 - 1975.
- d. Thời kỳ 1975 đến nay.

**Đáp án: c**

**Câu 210: Trong các thời kỳ sau đây, thời kỳ nào giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội có mối quan hệ hữu cơ lẫn nhau: Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội là cơ sở đảm bảo vững chắc cho độc lập dân tộc?**

- a. Thời kỳ 1930 - 1945.
- b. Thời kỳ 1945 - 1954.
- c. Thời kỳ 1954 - 1975.
- d. Thời kỳ 1975 đến nay.

**Đáp án: d**

**Câu 211: Những kinh nghiệm khi thực hiện đoàn kết quốc tế là:**

- a. Coi trọng tinh thần độc lập tự chủ, không lệ thuộc vào bên ngoài.
- b. Cần tranh thủ hợp tác quốc tế theo những nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng độc lập chủ quyền và lợi ích chính đáng của mỗi bên.
- c. Tuyệt đối không lơ là mất cảnh giác.
- d. Cả a, b và c.

**Đáp án: d**

**Câu 212: Luận điểm chủ yếu của Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam là:**

- a. Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định hàng đầu để đưa cách mạng Việt Nam đến thắng lợi.
- b. Đảng Cộng sản Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp Chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam.

- c. Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân, đồng thời là Đảng của dân tộc Việt Nam.
- d. Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác- Lênin làm cốt.

**Đáp án: c**

**Câu 213: Hãy kể tên những Cương lĩnh chính trị của Đảng từ năm 1930 đến nay.**

- a. Cương lĩnh tháng 2/1930, Luận cương tháng 10/1930.
- b. Cương lĩnh tháng 2/1930, Luận cương tháng 10/1930, Cương lĩnh ruộng đất.
- c. Cương lĩnh tháng 2/1930, Luận cương tháng 10/1930, Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam, Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
- d. Cương lĩnh tháng 2/1930, Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam, Cương lĩnh ruộng đất, Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

**Đáp án: c**

**Câu 214: Sắp xếp theo thứ tự thời gian những đồng chí là Tổng Bí thư Đảng ta từ năm 1930 đến năm 1975.**

- a. Trần Phú, Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Cừ, Lê Hồng Phong, Trường Chinh, Lê Duẩn.
- b. Trần Phú, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Cừ, Trường Chinh, Lê Duẩn.
- c. Trần Phú, Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập, Lê Duẩn, Trường Chinh.
- d. Trần Phú, Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Cừ, Lê Hồng Phong, Trường Chinh, Lê Duẩn.

**Đáp án: b**

**Câu 215: Sắp xếp theo thứ tự thời gian những đồng chí là Tổng Bí thư Đảng ta từ năm 1975 đến năm 2006.**

- a. Lê Duẩn, Trường Chinh, Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười, Lê Khả Phiêu, Nông Đức Mạnh.
- b. Lê Duẩn, Trường Chinh, Nguyễn Văn Linh, Lê Khả Phiêu, Đỗ Mười, Nông Đức Mạnh.
- c. Trường Chinh, Lê Duẩn, Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười, Lê Khả Phiêu, Nông Đức Mạnh.
- d. Trường Chinh, Lê Duẩn, Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười, Lê Khả Phiêu, Nông Đức Mạnh.

**Đáp án: a**

## **TRẢ LỜI NGẮN GỌN.**

**Câu 1. Nêu các sự kiện lớn của tình hình thế giới vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX và ảnh hưởng của nó đối với cách mạng Việt Nam.**

- Sự kiện:

- Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914- 1918).
- Cách mạng Tháng Mười Nga (1917) thành công.
- Quốc tế Cộng sản ra đời (3/1919).

- Ảnh hưởng: lựa chọn con đường cứu nước cho cách mạng Việt Nam.

**Câu 2. Những chuyển biến về kinh tế - xã hội ở Việt Nam vào đầu thế kỷ XX?**

- Chuyển biến về kinh tế:

- Tồn tại song song 2 phương thức sản xuất: Phương thức sản xuất phong kiến và phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.
- Kinh tế Việt Nam phụ thuộc vào kinh tế Pháp.

- Chuyển biến về xã hội:

- Về chính trị: chuyên chế về chính trị.
- Về văn hoá: thi hành chính sách ngu dân.
- Về giai cấp: phân hóa thành 5 giai cấp.
- Về mâu thuẫn: có 2 mâu thuẫn cơ bản.

**Câu 3. Các phong trào yêu nước tiêu biểu theo khuynh hướng phong kiến cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX và ý nghĩa của các phong trào đó?**

- Phong trào yêu nước tiêu biểu theo khuynh hướng phong kiến:

- Phong trào Cần Vương (1885).
- Khởi nghĩa của Phan Đình Phùng (1896).
- Khởi nghĩa Yên Thế của Hoàng Hoa Thám (1913).

- Ý nghĩa:

- Tinh thần yêu nước nồng nàn.
- Ý chí chiến đấu bất khuất, kiên cường, bền bỉ của nông dân Việt Nam.

**Câu 4. Các phong trào yêu nước tiêu biểu theo khuynh hướng dân chủ tư sản đầu thế kỷ XX?**

- Phan Bội Châu:

- Chủ trương lập chế độ quân chủ lập hiến. Năm 1904, lập Duy Tân hội để khôi phục độc lập. Năm 1906, tổ chức phong trào Đông du. (Chưa thấy được vai trò của công-nông). Năm 1912, lập ra Việt Nam Quang Phục Hội.
- Hạn chế lớn nhất: dựa vào Nhật đuổi Pháp.

- Phan Chu Trinh:

- Chủ trương “Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”. Năm 1906, tổ chức phong trào Duy Tân.
- Hạn chế: Đường lối cải lương, phản đối bạo động và chủ trương dựa vào Pháp để chống phong kiến.

**Câu 5. Vì sao trong quá trình tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn con đường cách mạng vô sản?**

Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ.

**Câu 6. Những hoạt động chính của Nguyễn Ái Quốc ở Quảng Châu năm 1925?**

- Tháng 6/1925, thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.
- Mở lớp huấn luyện cán bộ và ra tờ báo Thanh niên.

**Câu 7. Hành trang tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc khi ra đi tìm đường cứu nước?**

- Văn hoá dân tộc (Chủ nghĩa yêu nước).
- Vốn hiểu biết về Nho học, Phật học.
- Những hiểu biết ban đầu về văn hoá phương Tây.
- Nhận ra sự hạn chế của các nhà yêu nước đương thời.



**Câu 8. Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, xã hội Việt Nam có những mâu thuẫn cơ bản nào?**

- Mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai.
- Mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam (chủ yếu là nông dân) với giai cấp địa chủ phong kiến.

**Câu 9. Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, xã hội Việt Nam có những mâu thuẫn cơ bản chủ yếu nào?**

Mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược và tay sai.

**Câu 10. Hậu quả của việc thực hiện chính sách thống trị về kinh tế của thực dân Pháp ở nước ta?**

- Nền kinh tế Việt Nam tiến triển chậm chạp.
- Vừa tồn tại phương thức sản xuất phong kiến lạc hậu, vừa tồn tại phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa còn non yếu.
- Kinh tế Việt Nam phụ thuộc hoàn toàn vào nền kinh tế của thực dân Pháp.

**Câu 11. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam?**

- Đặc điểm chung: giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; có tinh thần cách mạng triệt để; có tính tổ chức và kỷ luật cao, mang bản chất quốc tế.
- Đặc điểm riêng: Do bị ba tầng áp bức bóc lột nên có tinh thần cách mạng triệt để hơn so với công nhân thế giới; ra đời trước giai cấp tư sản Việt Nam; ra đời khi Cách mạng Tháng Mười Nga đã thành công, khi phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đang phát triển mạnh; liên minh với giai cấp nông dân một cách tự nhiên và chặt chẽ.

**Câu 12. Vì sao các phong trào dân tộc theo khuynh hướng chính trị tư sản và tiểu tư sản thành thị trước ngày Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời bị thất bại?**

- Không có đường lối chính trị rõ ràng.

- Không có hệ thống tổ chức chặt chẽ.
- Hạn chế về hệ tư tưởng lỗi thời của giai cấp lãnh đạo.
- Không có khả năng tập hợp quần chúng.

**Câu 13. "Công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em". Bạn hãy cho biết tư tưởng trên của ai? Ra đời tháng, năm nào?**

- Nguyễn Ái Quốc.
- Tháng 7 năm 1921.

**Câu 14. Từ năm 1920 đến năm 1928, Nguyễn Ái Quốc đã viết hai tác phẩm nổi tiếng. Cho biết tên và năm xuất bản của hai tác phẩm ấy.**

- Tác phẩm: Bản án chế độ thực dân Pháp - xuất bản năm 1925.
- Tác phẩm: "Đường kách mệnh" - xuất bản năm 1927.

**Câu 15. Hồ Chí Minh sáng lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên vào năm nào? Cơ quan ngôn luận của tổ chức này là gì?**

- Tháng 06 năm 1925.
- Báo Thanh niên.

**Câu 16. Con đường Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác – Lênin?**

- Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi, Nguyễn Ái Quốc ngưỡng mộ Lênin, tham gia nhiều cuộc vận động ủng hộ nhân dân Nga.
- Tháng 3/1919, Quốc tế III ra đời. Nguyễn Ái Quốc tham gia vào cuộc đấu tranh giữa hai con đường: ở lại Quốc tế II hay gia nhập Quốc tế III?
- Tháng 7/1920, đọc Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương về những vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin. Luận cương ảnh hưởng quyết định đến lập trường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc: Người đến với Chủ nghĩa Mác– Lênin và tán thành Quốc tế III.

**Câu 17. Khái quát quá trình Nguyễn Ái Quốc truyền bá chủ nghĩa Mác– Lênin vào Việt Nam.**

Quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác– Lênin vào Việt Nam cũng là quá trình Người từng bước vạch ra đường lối chiến lược cho cách mạng Việt Nam.

- Truyền bá bằng sách, báo.
- Bằng việc lập ra các tổ chức như:
  - Hội liên hiệp thuộc địa.
  - Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
  - Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á Đông.

**Câu 18. Nội dung cơ bản của tác phẩm “Đường cách mệnh” của Nguyễn Ái Quốc?**

- Chỉ có cách mạng vô sản là cách mạng triệt để, vì lợi ích của đại đa số dân chúng.
- Mục tiêu và con đường đi lên của cách mạng Việt Nam là chủ nghĩa xã hội.
- Về lực lượng cách mạng: công nông là gốc của cách mạng, học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ là bầu bạn cách mạng của công, nông.
- Về phương pháp cách mạng: cách mạng bạo lực.
- Về đoàn kết quốc tế: Cách mạng Việt Nam là bộ phận của cách mạng thế giới.
- Cách mạng trước hết phải có Đảng cách mạng.

**Câu 19. Nhiệm vụ và vai trò của tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên?**

- Nhiệm vụ: truyền bá chủ nghĩa Mác– Lênin và đường lối cứu nước của Nguyễn Ái Quốc vào công nhân, nông dân, các tầng lớp nhân dân.
- Vai trò: Chuẩn bị tiền đề cho việc thành lập Đảng Cộng sản.

**Câu 20. Các tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam?**

- Đông Dương Cộng sản Đảng.
- An Nam Cộng sản Đảng.
- Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

**Câu 21. Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam được thành lập vào thời gian nào? Nhiệm vụ của chi bộ là gì?**

- Thời gian: tháng 3/1929.
- Nhiệm vụ: tích cực chuẩn bị để đi đến thành lập một đảng cộng sản thay thế cho Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

**Câu 22. Tư tưởng cơ bản về cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc?**

- Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản.
- Cách mạng giải phóng dân tộc phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo.
- Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc.
- Cách mạng giải phóng dân tộc cần tiến hành chủ động, sáng tạo.
- Cách mạng giải phóng dân tộc được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực.

**Câu 23. Vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam?**

Nguyễn Ái Quốc là người chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam .

**Câu 24. Vì sao nói: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một tất yếu lịch sử?**

- Chính sách thống trị và khai thác thuộc địa của Pháp đã làm cho xã hội Việt Nam xuất hiện hai mâu thuẫn cơ bản; Do vậy, việc giải quyết mâu thuẫn để đưa xã hội Việt Nam tiến lên theo đúng xu thế của thời đại là tất yếu khách quan.
- Khuynh hướng cứu nước theo con đường cách mạng vô sản phát triển mạnh đưa đến sự ra đời của ba tổ chức Đảng. Ba tổ chức Đảng đã hợp nhất thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là tổ chức có khả năng nắm ngọn cờ dân tộc, đấu tranh giải phóng dân tộc và đưa cách mạng Việt Nam tiến lên.

**Câu 25. Nội dung cơ bản của Chính cương vắn tắt được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng:**

- Phương hướng chiến lược của cách mạng là “Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để tiến tới xã hội cộng sản”.
- Nhiệm vụ cụ thể của cách mạng tư sản dân quyền:
  - Về chính trị: Đánh đuổi Pháp và phong kiến làm cho nước Nam độc lập.
  - Về kinh tế: Tịch thu ruộng đất của đế quốc và phong kiến để chia cho dân cày nghèo và làm của công, quốc hữu hoá toàn bộ xí nghiệp của bọn đế quốc.
  - Về văn hóa xã hội: dân chúng được tự do tổ chức, nam nữ bình quyền, phổ thông giáo dục theo hướng công nông hóa.

**Câu 26. Ý nghĩa của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng?**

- Cương lĩnh đã phát triển thêm một số luận điểm quan trọng của tác phẩm “Đường kách mệnh”.
- Vừa mới ra đời, Đảng đã sớm xác định đường lối chiến lược và phương pháp cách mạng đúng đắn. Đây là điều có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ quá trình hoạt động của Đảng.
- Cương lĩnh đáp ứng nhu cầu bức thiết của lịch sử, trở thành ngọn cờ tập hợp dân tộc.
- Cương lĩnh đánh dấu bước phát triển về chất của cách mạng Việt Nam.
- Cương lĩnh ra đời chứng tỏ: Đảng Cộng sản Việt Nam đã có những yếu tố cơ bản nhất để lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

**Câu 27. Tư tưởng cốt lõi của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng ta?**

Độc lập dân tộc gắn liền với CNXH (giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người).

**Câu 28. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời từ sự hợp nhất của những tổ chức cộng sản nào?**

Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng,  
Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

**Câu 29. Ý nghĩa của Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam?**

Hội nghị mang tầm vóc như một Đại hội thành lập Đảng. Hội nghị đã quy tụ toàn bộ phong trào công nhân và phong trào yêu nước dưới sự lãnh đạo của một đội tiên phong duy nhất cách mạng, với đường lối cách mạng đúng đắn, dẫn đến sự thống nhất về tư tưởng và hành động của phong trào cách mạng cả nước.

**Câu 30. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả của sự kết hợp của những yếu tố nào?**

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả của sự kết hợp chủ nghĩa Mác– Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam.

**Câu 31. Ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam?**

- Chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối cứu nước ở nước ta, là sự kiện có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam.
- Giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng Việt Nam.
- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả của sự kết hợp chủ nghĩa Mác– Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam.
- Xác lập vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam.

**Câu 32. Từ năm 1930 đến nay, Đảng ta có bao nhiêu Cương lĩnh chính trị? Nêu tên của những Cương lĩnh chính trị đó.**

- Có 4 Cương lĩnh chính trị.
- Tên cụ thể:
  - Chính cương văn tắt, Sách lược văn tắt, Chương trình tóm tắt (2/1930).

- Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương (10/1930).
- Chính cương Đảng Lao động Việt Nam (02/1951).
- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

**Câu 33. Tên gọi của Đảng ta qua các thời kỳ?**

- Tháng 02/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Tháng 10/1930, Đảng Cộng sản Đông Dương.
- Tháng 02/1951, Đảng Lao động Việt Nam.
- Tháng 12/1976, Đảng Cộng sản Việt Nam.

**Câu 34. Nội dung phương hướng chiến lược của cách mạng Đông Dương được nêu ra trong Luận cương chính trị tháng 10/1930.**

- Cách mạng Đông Dương lúc đầu là cuộc cách mạng tư sản dân quyền có tính chất thổ địa và phản đế. Sau khi cách mạng tư sản dân quyền thắng lợi thì sẽ tiếp tục phát triển bỏ qua thời kỳ tư bản mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa.
- Vấn đề thổ địa là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền, là cơ sở để Đảng giành quyền lãnh đạo dân cày.

**Câu 35. Ưu điểm và hạn chế của Luận cương cách mạng Đông Dương (Luận cương tháng 10/1930)?**

- Ưu điểm: Luận cương đã khẳng định lại nhiều vấn đề căn bản của cách mạng Việt Nam mà Chính cương vẫn tắt, Sách lược vẫn tắt đã nêu.
- Hạn chế: Không nhận ra mâu thuẫn giữa dân tộc với đế quốc là mâu thuẫn cơ bản chủ yếu; do đó, không nêu được vấn đề dân tộc lên hàng đầu, mà nặng về vấn đề đấu tranh giai cấp, về cách mạng ruộng đất; quá đề cao mặt hạn chế của giai cấp tư sản dân tộc và tiểu tư sản; do đó, không đề ra một chiến lược liên minh dân tộc và giai cấp rộng rãi trong cuộc đấu tranh chống đế quốc Pháp và tay sai. Hội nghị đã rất sai lầm khi thủ tiêu Chính cương vẫn tắt và Sách lược vẫn tắt.

**Câu 36. Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cao trào 1930- 1931 và Xô viết Nghệ Tĩnh?**

- Sau cuộc khủng hoảng kinh tế 1929– 1933, Pháp dồn gánh nặng khủng hoảng vào các nước thuộc địa. Nhân dân Việt Nam lâm vào cảnh khốn cùng.
- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã kịp thời lãnh đạo cuộc đấu tranh của nhân dân.
- Cuộc khởi nghĩa Yên Bái của Việt Nam quốc dân đảng bị thực dân Pháp đàn áp đẫm máu. Lòng căm thù của nhân dân ta đối với thực dân Pháp ngày càng tăng.

**Câu 37. Khái quát ý nghĩa của cao trào cách mạng 1930–1931.**

Cao trào cách mạng 1930– 1931 đã khẳng định trong thực tế:

- Đường lối cách mạng do Đảng đề ra là đúng.
- Khẳng định quyền lãnh đạo và năng lực cách mạng của giai cấp công nhân.
- Xây dựng khối liên minh công nông trên thực tế.

**Câu 38. Nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng Đông Dương được nêu lên tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I của Đảng ( 3/1935)?**

- củng cố và phát triển Đảng.
- Đẩy mạnh cuộc vận động thu phục đông đảo quần chúng.
- Mở rộng tuyên truyền chống chiến tranh, chống đế quốc; ủng hộ hoà bình, ủng hộ Liên Xô,...

**Câu 39. Khái quát hoạt động chính của Đảng lãnh đạo phong trào cách mạng từ năm 1930 đến năm 1935.**

- Lãnh đạo phong trào cách mạng rộng lớn trong cả nước (1930-1931).
- Lãnh đạo cuộc đấu tranh chống khủng bố trắng của thực dân Pháp.
- Đề ra chương trình hành động– vạch rõ nhiệm vụ trước mắt của Đảng.



- Lãnh đạo cuộc đấu tranh khôi phục phong trào.

**Câu 40. Tóm tắt hoàn cảnh lịch sử triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng vào tháng 7/1936.**

- Tình hình thế giới: Chủ nghĩa phát xít hình thành, nguy cơ chiến tranh thế giới bùng nổ; Phong trào cách mạng thế giới phát triển, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô phát triển, vận dụng Nghị quyết Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản,...
- Tình hình trong nước: Bọn cầm quyền phản động ở Đông Dương vẫn ra sức vơ vét bóc lột và khủng bố phong trào đấu tranh của nhân dân ta làm cho tình hình kinh tế và chính trị hết sức ngột ngạt,... mọi tầng lớp xã hội đều mong muốn có những cải cách dân chủ. Đảng cộng sản Đông Dương đã được khôi phục sau một thời kì đấu tranh cực kì gian khổ, đủ sức lãnh đạo nhân dân ta bước vào một thời kì đấu tranh mới.

**Câu 41. Ý nghĩa của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 7/1936?**

- Chấm dứt thời kỳ đấu tranh khôi phục phong trào, đưa cách mạng Đông Dương chuyển sang cao trào cách mạng mới.
- Thể hiện sự trưởng thành của Đảng trong việc vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác– Lênin vào điều kiện cụ thể của cách mạng nước ta.
- Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa mục tiêu chiến lược lâu dài với mục tiêu cụ thể trước mắt của cách mạng.

**Câu 42. Khái quát quá trình Đảng lãnh đạo phong trào cách mạng từ năm 1936 đến năm 1939.**

- Lãnh đạo phong trào đấu tranh đòi triệu tập Đông Dương Đại hội và đòi các quyền dân sinh, dân chủ.
- Lãnh đạo đẩy mạnh cuộc đấu tranh công khai, hợp pháp trên báo chí và nghị trường.

**Câu 43. Thành quả của cao trào cách mạng 1936– 1939?**

- Khẳng định vai trò và năng lực lãnh đạo cách mạng của Đảng.

- Xây dựng được lực lượng đấu tranh chính trị rộng lớn. Hình thành khối liên minh công- nông bền vững trong thực tiễn đấu tranh.
- Đảng tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu về phương pháp cách mạng, về xây dựng lực lượng.
- Đảng Cộng sản Đông Dương được công nhận là một bộ phận độc lập trực thuộc Quốc tế Cộng sản.

**Câu 44. Khái quát ý nghĩa của cao trào cách mạng 1936 –1939.**

- Đảng có bước trưởng thành.
- Tổ chức Đảng từng bước được phục hồi.
- Đội ngũ cán bộ đảng viên phát triển mạnh, được đào tạo rèn luyện qua thực tiễn đấu tranh cách mạng.
- Uy tín và ảnh hưởng của Đảng đối với quần chúng được nâng cao.

**Câu 45. Sau khi chiến tranh thế giới thứ II bùng nổ (09/1939), cuộc cách mạng ở Đông Dương mang tính chất là cuộc cách mạng gì? Tại sao?**

- Cách mạng giải phóng dân tộc.
- Mâu thuẫn giữa dân tộc với đế quốc xâm lược đã phát triển gay gắt quyết liệt và đòi hỏi phải được giải quyết.

**Câu 46. Nội dung chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần 6 (11/1939), lần 7 (11/1940) và lần 8 (5/1941)?**

- Xác định tính chất của cách mạng Đông Dương lúc này là cách mạng giải phóng dân tộc.
- Khởi nghĩa vũ trang được xác định là nhiệm vụ trung tâm.
- Thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh và các Hội cứu quốc.

**Câu 47. Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam vào thời gian nào? tại đâu?**

- Nguyễn Ái Quốc về nước vào ngày 28/01/1941.

- Tại Pắc Bó (xã Trường Hà, Hà Quảng, Cao Bằng).

**Câu 48. Chủ trương thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sau khi giành độc lập được Đảng ta đề ra vào tháng, năm nào? Tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ mấy?**

- Tháng 05/ 1941.
- Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần 8 (khoá I).

**Câu 49. "Hiện thời, muốn đánh Pháp - Nhật, ta chỉ cần một điều: toàn dân đoàn kết". Câu nói trên của ai? Nói vào ngày, tháng, năm nào?**

- Nguyễn Ái Quốc.
- Ngày 06/6/1941.

**Câu 50. Chính sách thống trị thời chiến của Pháp- Nhật ở Đông Dương và chủ trương chiến lược mới của Đảng?**

- Chính sách thống trị thời chiến của Pháp– Nhật ở Đông Dương.

- Diên cuồng tấn công vào Đảng Cộng sản, các tổ chức đoàn thể quần chúng và các tổ chức do Đảng lãnh đạo.
- Tổng động viên bắt lính, bắt phu.
- Tăng thuế, trưng thu, trưng dụng xí nghiệp của tư nhân cho quốc phòng.
- Vơ vét sức người, sức của ở Đông Dương phục vụ cho chiến tranh đế quốc.

Mâu thuẫn giữa dân tộc với đế quốc ngày càng gay gắt, quyết liệt và đòi hỏi phải được giải quyết.

- Chủ trương chiến lược mới của Đảng:

- Tập trung giải quyết nhiệm vụ hàng đầu là đánh đuổi đế quốc và tay sai, giành độc lập dân tộc.
- Giành quyền độc lập dân tộc cho các dân tộc ở Đông Dương theo quan điểm thực hiện quyền dân tộc tự quyết. Việt Nam sau khi đánh đuổi Pháp, Nhật sẽ lập nước Việt Nam mới theo chế độ dân chủ cộng hoà.

- Tập hợp mọi tầng lớp nhân dân vào Mặt trận dân tộc thống nhất chống đế quốc thật rộng rãi, lấy liên minh công nông làm cơ sở.
- Chuyển hình thức đấu tranh từ công khai, hợp pháp, nửa hợp pháp sang bí mật, bất hợp pháp, chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

**Câu 51. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của Mặt trận Việt Minh?**

- Mâu thuẫn giữa dân tộc với đế quốc ngày càng gay gắt. Giải phóng dân tộc trở thành nhiệm vụ hàng đầu.
- Cơ hội giải phóng dân tộc đã đến.

Do vậy, muốn đánh Pháp- Nhật chỉ cần một điều là toàn dân đoàn kết.

**Câu 52. Khái quát quá trình Đảng lãnh đạo phong trào chống Pháp - Nhật, chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa vũ trang.**

- Vận động nhân dân đấu tranh chống địch bắt lính, bắt phu,...
- Xây dựng các tổ chức Đảng và các tổ chức cứu quốc của quần chúng, phát triển lực lượng chính trị và phong trào đấu tranh của quần chúng. Xây dựng cơ sở Việt Minh ở nhiều địa phương.
- Xây dựng căn cứ địa cách mạng, tiến hành vũ trang cho quần chúng cách mạng, củng cố và phát triển lực lượng du kích. Từng bước xây dựng lực lượng vũ trang.
- Củng cố Đảng về mọi phương diện, làm cho Đảng được mạnh mẽ, trong sạch.

**Câu 53. Kể theo thứ tự tên các đồng chí Tổng Bí thư của Đảng ta từ năm 1930 đến năm 1945.**

- Trần Phú.
- Lê Hồng Phong.
- Hà Huy Tập.
- Nguyễn Văn Cừ.
- Trường Chinh.

**Câu 54. Nội dung cơ bản của chỉ thị “Nhật– Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” (12/3/1945) của Ban Thường vụ Trung ương Đảng?**

- Xác định kẻ thù chính cụ thể trước mắt và duy nhất của nhân dân Đông Dương là phát xít Nhật; thay khẩu hiệu “đánh đuổi phát xít Pháp–Nhật” bằng khẩu hiệu “đánh đuổi phát xít Nhật”.
- Phát động cao trào kháng Nhật, cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa. Đề ra những hình thức tuyên truyền đấu tranh thích hợp với thời kỳ tiền khởi nghĩa.
- Dự đoán thời cơ khởi nghĩa.
- Chỉ thị nêu rõ: Không được ỷ lại vào bên ngoài. Khi tình thế biến chuyển thuận lợi thì phải dựa vào sức mình là chính.

**Câu 55. Ý nghĩa của Chỉ thị “Nhật– Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” (12/3/1945) của Ban Thường vụ Trung ương Đảng?**

Chỉ thị thể hiện sự nhận định kiên quyết, sáng suốt và kịp thời của Đảng ta. Chỉ thị là kim chỉ nam cho mọi hành động của toàn Đảng, của Việt Minh trong cao trào kháng Nhật, cứu nước, thúc đẩy tình thế cách mạng mau chín muồi.

**Câu 56. Chỉ thị “Nhật– Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” (12/3/1945) của Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã dự kiến điều kiện khởi nghĩa như thế nào?**

- Quân đồng minh kéo vào Đông Dương đánh Nhật. Nhật kéo ra mặt trận ngăn cản, để phía sau sơ hở.
- Cách mạng Nhật bùng nổ. Chính quyền cách mạng của nhân dân Nhật được thành lập.
- Nhật bị mất nước như Pháp năm 1940. Quân đội viễn chinh Nhật hoang mang mất tinh thần.

**Câu 57. Đảng và Hồ Chí Minh đã làm gì để đón Đồng minh vào giải giáp vũ khí của quân đội Nhật tháng 8/1945?**

- Lãnh đạo quần chúng nhân dân nổi dậy, tước vũ khí của quân Nhật trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương, giành lấy chính quyền từ tay Nhật, lật đổ bọn bù nhìn tay sai của Nhật.
- Đứng ở địa vị làm chủ đất nước mà đón tiếp quân Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật trên đất nước Đông Dương.

**Câu 58. Những mốc son lịch sử đánh dấu thắng lợi trong quá trình Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước vào tháng 8/1945?**

- Ngày 19/8, giành chính quyền ở Hà Nội
- Ngày 23/8, giành chính quyền ở Huế.
- Ngày 25/8 giành chính quyền ở Sài Gòn.
- Ngày 28/8, Bảo Đại tuyên bố thoái vị, chấm dứt chế độ phong kiến ở Việt Nam.
- Ngày 2/9, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập.

**Câu 59. Tư tưởng trung tâm của bản Tuyên ngôn độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa?**

- Tuyên bố trước quốc dân và thế giới: nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời.
- Độc lập, tự do là tư tưởng trung tâm của bản Tuyên ngôn độc lập. “Tất cả dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng (...) Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập và sự thật đã trở thành nước tự do và độc lập”.

**Câu 60. Ý nghĩa lịch sử của bản Tuyên ngôn độc lập do Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tại Lễ Độc lập ngày 02/9/1945?**

Là văn kiện lịch sử có ý nghĩa sâu sắc. Đó là thiên anh hùng ca chiến đấu và chiến thắng, chứa chan sức mạnh và niềm tin, tràn đầy lòng tự hào và ý chí đấu tranh của nhân dân ta trong sự nghiệp giành và giữ nền độc lập, tự do và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Việt Nam.

**Câu 61. Những căn cứ và nội dung cơ bản của Tuyên ngôn độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa?**

- Những căn cứ:

- Tuyên ngôn độc lập của Mỹ.
- Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Pháp.
- Bản yêu sách 8 điểm của Nguyễn Ái Quốc.
- Chương trình hành động của Mặt trận Việt Minh.

- Nội dung cơ bản:

- Khẳng định quyền cơ bản của con người.
- Tuyên bố với quốc dân và thế giới:

“Nước Việt Nam đã trở thành nước tự do, độc lập”

“Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập”.

- Quyết tâm giữ vững quyền tự do và độc lập của dân tộc Việt Nam.

“Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”.

### **Câu 62. Nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945?**

- Nguyên nhân khách quan: Bối cảnh quốc tế thuận lợi:

- Nhật bị Liên Xô và các lực lượng dân chủ thế giới đánh bại.
- Nhật ở Đông Dương và tay sai tan rã.

- Nguyên nhân chủ quan:

- Là kết quả của 15 năm đấu tranh của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trải qua 3 cao trào, quần chúng cách mạng được Đảng tổ chức, lãnh đạo và rèn luyện, trở thành lực lượng chính trị hùng hậu, có lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt.
- Đoàn kết toàn dân trong tổ chức Việt Minh trên cơ sở liên minh công – nông dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.
- Đảng lãnh đạo có đường lối cách mạng đúng đắn, dày dặn kinh nghiệm đấu tranh, nắm đúng thời cơ, khôn khéo tạo nên sức mạnh tổng hợp áp đảo kẻ thù.

### **Câu 63. Bài học kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945?**

- Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, kết hợp đúng đắn hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến.
- Toàn dân nổi dậy trên nền tảng khối liên minh công- nông.
- Lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù.
- Kiên quyết dùng bạo lực cách mạng và biết sử dụng bạo lực cách mạng một cách thích hợp để đập tan bộ máy nhà nước cũ, lập ra bộ máy nhà nước của nhân dân.
- Nắm vững nghệ thuật khởi nghĩa, nghệ thuật chọn đúng thời cơ.
- Xây dựng một Đảng Mác - Lênin đủ sức lãnh đạo tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

**Câu 64. Làm rõ “Vận mệnh nước ta như ngàn cân treo sợi tóc” sau tháng 8/1945?**

- Khó khăn do thù trong giặc ngoài gây ra:
  - 20 vạn quân Tưởng kéo vào nước ta từ vĩ tuyến 16 trở ra.
  - Phía Nam vĩ tuyến 16, quân đội Anh đồng lõa và tiếp tay cho Pháp quay lại Đông Dương.
  - 6 vạn quân Nhật đang chờ giải giáp.
- Về kinh tế: mất mùa, hàng hóa khan hiếm, kho bạc trống rỗng.
- Về văn hoá: 95% dân số không biết chữ, tệ nạn xã hội nặng nề.
- Về ngoại giao: Chưa có nước công nhận và đặt quan hệ ngoại giao.

**Câu 65. Ba nhiệm vụ lớn được Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu lên ngày 03/9/1945, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời là gì ?**

- Diệt giặc đói.
- Diệt giặc dốt.
- Diệt giặc ngoại xâm.

**Câu 66. Đường lối ngoại giao của Đảng được xác định trong chỉ thị “Kháng chiến, kiến quốc” (25/11/1945)?**

Kiên trì các nguyên tắc “bình đẳng, tương trợ”, thêm bạn, bớt thù, thực hiện khẩu hiệu: “Hoa- Việt thân thiện” đối với quân đội Tưởng Giới



Thạch và chủ trương “độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế đối với pháp” .

**Câu 67. Chủ trương của Đảng trong việc xây dựng chế độ mới về kinh tế, chính trị và văn hoá trên đất nước ta sau Cách mạng Tháng Tám?**

- Kinh tế: Tăng gia sản xuất tiến tới xây dựng nền kinh tế độc lập.
- Chính trị: tiến hành Tổng tuyển cử trong cả nước (06/01/1946) và ban hành Hiến pháp.
- Văn hoá: xoá mù chữ, thực hiện phong trào bình dân học vụ; xây dựng nền văn hoá mới với 3 tính chất: tính dân tộc, tính khoa học và tính đại chúng.

**Câu 68. Chủ trương của Đảng trong việc xây dựng chế độ mới về quân sự và ngoại giao trên đất nước ta sau Cách mạng Tháng Tám?**

- Quân sự: thực hiện quân sự hoá toàn dân.
- Ngoại giao:
  - Với Pháp: giữ vững độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế.
  - Với Tưởng: thực hiện "Hoa - Việt" thân thiện.

**Câu 69. Nội dung và ý nghĩa của bản Chỉ thị “Kháng chiến, kiến quốc” (25/11/1945)?**

- Nội dung:
  - Xác định: Cách mạng Đông Dương vẫn là cách mạng giải phóng dân tộc.
  - Kẻ thù chính: Thực dân Pháp xâm lược.
  - Nhiệm vụ cơ bản trước mắt:
    - + củng cố chính quyền cách mạng (nhiệm vụ bao trùm).
    - + Chống thực dân Pháp xâm lược.
    - + Bài trừ nội phản.
    - + Cải thiện đời sống nhân dân.

- Đề ra các biện pháp về nội chính, về quân sự, về ngoại giao.

- Ý nghĩa: Đã giải quyết kịp thời những vấn đề quan trọng về chỉ đạo chiến lược và sách lược cách mạng khôn khéo trong tình thế vô cùng hiểm nghèo của nước nhà.

**Câu 70. Nguyên tắc đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài của Đảng ta trong thời kỳ 1945- 1946?**

- Giữ vững đường lối cách mạng của Đảng.
- Đảm bảo xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân.
- Lãnh đạo nhân dân chống thù trong giặc ngoài trên cơ sở "Dĩ bất biến ứng vạn biến".
- Đảng nắm công cụ của bạo lực cách mạng.

**Câu 71. Sau khi thực dân Pháp và quân đội Tưởng ký hiệp ước ở Trùng Khánh (28/02/1946), Đảng và Chính phủ ta đã tiến hành những biện pháp gì để đối phó với tình hình mới?**

Thương lượng với Pháp nhằm buộc quân Tưởng rút ngay về nước, tránh tình trạng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù, bảo toàn thực lực, tranh thủ thời gian hoà hoãn để chuẩn bị cho một cuộc chiến đấu mới.

**Câu 72. Ngày 06/3/1946, Ta và Pháp ký Hiệp định sơ bộ để tiến tới cuộc đàm phán chính thức. Hãy cho biết thời gian và địa điểm diễn ra cuộc đàm phán chính thức.**

- Từ tháng 7 đến tháng 9 năm 1946.
- Phôngtennoblô (Pháp).

**Câu 73. Vì sao sau khi giành được chính quyền, Đảng Cộng sản Đông Dương lại tuyên bố "tự giải tán" vào ngày 11/11/1945?**

Nhằm gạt mũi tiến công của kẻ thù vào Đảng

**Câu 74. Đảng lãnh đạo thực hiện sách lược hoà hoãn, tranh thủ thời gian chuẩn bị lực lượng thời kỳ 1945– 1946?**

- Hoà với Tưởng: Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mềm dẻo về thực hiện sách lược, nhân nhượng với Tưởng. Chủ trương trên đã vô

hiệu hoá các hoạt động phá hoại, từng bước đẩy lùi và làm thất bại âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng của Tưởng, bảo đảm cho nhân dân ta tập trung lực lượng kháng chiến chống thực dân Pháp ở miền Nam.

- Hoà với Pháp: nhằm mục đích buộc quân Tưởng rút ngay về nước, tránh tình trạng một lúc phải đối đầu với nhiều kẻ thù.
- Thời gian hoà bình ta có được là 16 tháng (9/1945– 12/1946).

**Câu 75. Nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc (12/1946)?**

Thực dân Pháp bội ước. Chiến sự ở miền Nam nổ ra gay gắt. Ở miền Bắc, Pháp gây ra nhiều vụ khiêu khích trắng trợn:

- Ngày 20/11/46, Pháp chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn.
- Từ ngày 07 đến 15/12/1946, Pháp chiếm Tiên Yên, Đình Lập, Hải Dương, Đà Nẵng.
- Ngày 18/12/1946, Pháp gây ra vụ thảm sát ở phố Hàng Bún, đánh chiếm trụ sở Bộ Tài chính,... gửi tới hậu thư đòi tước vũ khí tự vệ, đòi kiểm soát tình hình Hà Nội.

**Câu 76. Khẩu hiệu: “Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ” ra đời trong hoàn cảnh nào?**

Cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp đang lan ra trên cả nước ta.

**Câu 77. Ý nghĩa của “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh?**

Là tiếng gọi của non sông đất nước, là lời hịch cứu quốc, khơi dậy mạnh mẽ lòng tự hào dân tộc, truyền thống anh hùng bất khuất, kiên cường của nhân dân ta; làm cho cả nước sục sôi đứng lên chiến đấu với ý chí “quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”, vì độc lập tự do thiêng liêng của Tổ quốc.

**Câu 78. Hãy nêu mục tiêu, tính chất và mối quan hệ giữa nhiệm vụ dân tộc và dân chủ trong đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng ta.**

- Mục tiêu của cuộc kháng chiến: đánh bại thực dân phản động Pháp xâm lược nhằm giành độc lập, thống nhất.
- Tính chất cuộc kháng chiến: dân tộc giải phóng và dân chủ mới.
- Mọi quan hệ giữa nhiệm vụ dân tộc và dân chủ: hoàn thành nhiệm vụ giải phóng đất nước, củng cố và mở rộng chế độ cộng hoà dân chủ. Không tịch thu ruộng đất của địa chủ phong kiến, chỉ tịch thu ruộng đất và các hạng tài sản khác của Việt gian phản động.

**Câu 79. Hãy nêu hai vấn đề có tính chất quyết định đã được Đảng ta tiến hành khi mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc.**

- Phát động kháng chiến đúng lúc .
- Xác định về cơ bản đường lối kháng chiến .

**Câu 80. Tác phẩm nào của Trường Chinh đã làm sáng tỏ đường lối kháng chiến chống pháp? Tác phẩm đó được xuất bản lần đầu tiên vào năm nào?**

- Kháng chiến nhất định thắng lợi.
- Xuất bản năm 1947.

**Câu 81. Khối liên minh ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia thành lập (3/1951) dựa trên những nguyên tắc nào ?**

- Tự nguyện.
- Bình đẳng.
- Tương trợ và tôn trọng chủ quyền của nhau.

**Câu 82. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, cứu nước, khái niệm “lực lượng vũ trang ba thứ quân” của ta bao gồm những lực lượng nào?**

- Du kích quân (dân quân).
- Địa phương quân (bộ đội địa phương ).
- Chủ lực quân.

**Câu 83. Mặt trận Liên Việt ra đời trên cơ sở hợp nhất những tổ chức nào? Vào thời gian nào? Ai làm chủ tịch?**

- Hợp nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam.

- Vào tháng 3 năm 1951.
- Tôn Đức Thắng làm chủ tịch.

**Câu 84. Quá trình Đảng lãnh đạo thời kỳ đầu kháng chiến toàn quốc 1946 – 1950?**

- Triển khai thế trận chiến tranh nhân dân. Lực lượng vũ trang được chăm lo xây dựng, tăng cường lực lượng lãnh đạo của Đảng, phát động phong trào thi đua ái quốc, tăng gia sản xuất, luyện quân lập công.
- Cuối 1947, quân dân ta giành được thắng lợi tại Việt Bắc- đánh bại kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của thực dân Pháp.
- Tháng 10/1950, quân dân ta giành được thắng lợi trong trận Biên Giới- giáng một đòn nặng nề vào ý chí xâm lược của địch.

**Câu 85. Nội dung và ý nghĩa lịch sử của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (02/1951)?**

- Nội dung:

- Tách Đảng Cộng sản Đông Dương ra làm 3 Đảng.
- Thông qua Báo cáo chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- Báo cáo hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân, tiến tới CNXH của Trường Chinh. Thông qua Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam.
- Báo cáo về tổ chức và Điều lệ Đảng sửa đổi,...

- Ý nghĩa: Đánh dấu sự trưởng thành của Đảng ta về mọi mặt, đáp ứng yêu cầu cấp bách của thực tiễn để đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

**Câu 86. Tại Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ II (2/1951), Đảng Cộng sản Đông Dương được tách ra thành ba đảng riêng. Hãy cho biết tên gọi của 3 đảng đó.**

- Đảng Lao động Việt Nam.
- Đảng nhân dân cách mạng Lào.
- Đảng nhân dân cách mạng Campuchia.

**Câu 87. Khái quát quá trình Đảng lãnh đạo đẩy mạnh kháng chiến đi đến thắng lợi từ năm 1950 đến năm 1954?**

- Tiếp tục giải quyết nhiều vấn đề do yêu cầu thực tiễn đặt ra trên tất cả các mặt: Giải quyết nhiệm vụ về kinh tế tài chính, củng cố nội bộ, chỉnh Đảng, chỉnh quân, phát động triệt để giảm tô, tiến hành cải cách ruộng đất trong kháng chiến, ...
- Đẩy mạnh đấu tranh vũ trang: Mở chiến dịch Trung du, chiến dịch Hà Nam Ninh, chiến dịch Hòa Bình, chiến dịch Tây Bắc, chiến dịch Đông- Xuân 1953–1954 với đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

**Câu 88. Hãy cho biết thời gian diễn ra chiến dịch Điện Biên Phủ?**

Từ ngày 13/03 đến ngày 07/05/1954.

**Câu 89. Hãy trình bày nội dung cơ bản của Hiệp định Giơnevơ được ký kết vào ngày 21/7/1954.**

- Ngừng bắn trên toàn chiến trường Đông Dương. Pháp rút quân.
- Các nước tôn trọng độc lập chủ quyền của 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia.
- Việt Nam: bị chia cắt làm hai miền và vĩ tuyến 17 là giới tuyến quân sự tạm thời. Sau hai năm sẽ tiến hành tổng tuyển cử thống nhất đất nước.
- Lào: lực lượng kháng chiến có một khu tập kết ở hai tỉnh Sầm Nưa và Phôngxaly.
- Campuchia: lực lượng kháng chiến không có khu tập kết và phục viên tại chỗ

**Câu 90. Ý nghĩa thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ?**

Chiến thắng Điện Biên Phủ là thắng lợi lớn nhất của cuộc đọ sức toàn diện và quyết liệt của quân dân Việt Nam với quân đội xâm lược Pháp. Chiến công đó được ghi vào lịch sử dân tộc như một Bạch Đằng, một Chi Lăng hay một Đống Đa trong thế kỷ XX và đi vào lịch sử thế giới

như một chiến công hiển hách, báo hiệu sự thắng lợi của nhân dân các dân tộc bị áp bức, sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân.

**Câu 91. Nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945- 1954)?**

- Có sự lãnh đạo của Đảng với đường lối chính trị và quân sự đúng đắn.
- Có sự đoàn kết chiến đấu toàn dân được tổ chức tập hợp trong Mặt trận dân tộc rộng rãi dựa trên nền tảng của khối liên minh công - nông và trí thức.
- Có lực lượng vũ trang gồm 3 thứ quân làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc.
- Có chính quyền dân chủ nhân dân - chính quyền của dân, do dân và vì dân.
- Có hậu phương ngày càng mở rộng và củng cố về mọi mặt.
- Có sự liên minh chiến đấu của 3 dân tộc Việt Nam - Lào - Campuchia và được sự đồng tình ủng hộ của nhân dân các nước XHCN, các dân tộc bị áp bức và các lực lượng hoà bình tiến bộ trên thế giới.

**Câu 92. Ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945- 1954)?**

- Chấm dứt ách thống trị của thực dân Pháp trong gần một thế kỷ trên đất nước ta, giải phóng hoàn toàn miền Bắc, hoàn thành CMDTDCND trên một nửa nước. CMVN chuyển sang giai đoạn mới: giai đoạn tiến hành CMXHCN ở miền Bắc và CMDTDCND ở miền Nam, hoàn thành thống nhất nước nhà.
- Cổ vũ mạnh mẽ các dân tộc bị nô dịch vùng lên chống chủ nghĩa đế quốc, chống chủ nghĩa thực dân, vì ĐLTD và dân chủ tiến bộ, báo hiệu một thời kỳ sụp đổ từng mảng của hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, góp phần tích cực vào tiến trình phát triển của cách mạng thế giới.

**Câu 93. Kinh nghiệm lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945- 1954)?**

- Kết hợp đúng đắn nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến. Nhiệm vụ chống phong kiến phải được tiến hành có kế hoạch, từng bước để vừa phát triển lực lượng cách mạng, vừa giữ vững khối đoàn kết dân tộc.
- Xác định và quán triệt đường lối chiến tranh nhân dân: toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính.
- Vừa kháng chiến, vừa xây dựng chế độ mới, xây dựng hậu phương vững mạnh để đẩy mạnh kháng chiến.
- Kiên quyết kháng chiến lâu dài, đi từ chiến tranh du kích lên chiến tranh chính qui. Kết hợp chặt chẽ giữa chiến tranh du kích và chiến tranh chính qui.
- Xây dựng Đảng vững mạnh và bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, với đường lối chiến tranh nhân dân đúng đắn, có chủ trương và chính sách kháng chiến ngày càng hoàn chỉnh, có ý chí quyết chiến và quyết thắng kẻ thù. Có đội ngũ đảng viên dũng cảm, kiên cường.

**Câu 94. Kể tên những chiến thắng quân sự tiêu biểu đưa cuộc kháng chiến chống Pháp đến thắng lợi.**

- Chiến thắng Việt Bắc - thu đông năm 1947.
- Chiến thắng Biên Giới năm 1950.
- Chiến thắng Tây Bắc năm 1952.
- Chiến thắng Đông - Xuân năm 1953 - 1954.
- Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954.

**Câu 95. Đặc điểm tình hình nước ta sau năm 1954?**

- Ở miền Nam, Mỹ hất cẳng Pháp nhằm biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ, lập phòng tuyến ngăn chặn CNXH lan xuống các nước Đông Nam Á, lấy miền Nam làm căn cứ để tiến công miền Bắc, bao vây và uy hiếp các nước XHCN khác.



- Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, cuộc CMTDCND về cơ bản đã hoàn thành và bước vào thời kỳ quá độ tiến lên CNXH.

**Câu 96. Nội dung của đường lối chiến lược chung của cả nước do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960) xác định?**

- Đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, xây dựng miền Bắc thành căn cứ vững mạnh của cách mạng cả nước.
- Tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.
- Mỗi chiến lược có vị trí quan trọng quyết định nhằm giải quyết yêu cầu riêng của từng miền, nhưng cả 2 đều hướng vào mục tiêu chung trước mắt là thực hiện hoà bình thống nhất Tổ quốc.

**Câu 97. Ý nghĩa của đường lối chiến lược chung của cả nước do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960) xác định?**

- Thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ của Đảng.
- Là kết quả của sự vận dụng sáng tạo học thuyết Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa chiến tranh và cách mạng, giữa đấu tranh cách mạng và bảo vệ hoà bình.
- Là ngọn cờ dẫn đến thắng lợi rực rỡ của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

**Câu 98. Các nghị quyết của Đảng lãnh đạo miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ 1954 – 1960 ?**

- Hội nghị Bộ Chính trị tháng 9/1954: hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế.
- Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần 7 (03/1955), lần 8 (8/1955): Củng cố miền Bắc.
- Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 14 (11/1958): kế hoạch 3 năm phát triển kinh tế- văn hoá.

- Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 16 (4/1959): thông qua Nghị quyết về hợp tác hoá nông nghiệp và cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh.

**Câu 99. Vai trò của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc được xác định tại Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần III (9/1960)?**

Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam và đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà

**Câu 100. Khái quát quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc thời kỳ 1954 – 1965.**

- Khôi phục kinh tế (trọng tâm là nông nghiệp), hoàn thành cải cách ruộng đất (1955 -1957).
- Cải tạo XHCN trong 3 năm (1958-1960).
- Thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965).

Kết quả: “Miền Bắc đã tiến những bước dài chưa từng có trong lịch sử dân tộc. Đất nước, xã hội và con người đều đổi mới”.

**Câu 101. Vai trò của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam được xác định tại Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần III (9/1960)?**

Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam có tác dụng quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

**Câu 102. Mối quan hệ giữa cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam Việt Nam thời kỳ 1954 –1975?**

- Cách mạng hai miền có mục tiêu chung là hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên cả nước và thống nhất nước nhà.
- Mối quan hệ giữa cách mạng 2 miền là quan hệ giữa hậu phương và tiền tuyến.

- Cả hai cuộc cách mạng đều kết hợp chặt chẽ và thúc đẩy nhau cùng phát triển.

**Câu 103. Trình bày sức mạnh của đường lối gương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nước ta trong thời kỳ 1954 – 1975?**

- Huy động sức mạnh của cả dân tộc.
- Huy động được sức mạnh của ba dòng thác cách mạng thế giới.
- Sức mạnh dân tộc cùng với sức mạnh thời đại tạo thành sức mạnh tổng hợp. Nhờ đó, dân tộc ta đã đánh được Mỹ và thắng được Mỹ.

**Câu 104. Khái quát quá trình Đảng lãnh đạo đánh thắng Chiến lược chiến tranh đơn phương của đế quốc Mỹ (1954 – 1960).**

Chuyển hình thức, phương pháp và tổ chức đấu tranh của cách mạng miền Nam từ đấu tranh vũ trang sang đấu tranh chính trị là chủ yếu, thực hiện thế giữ gìn lực lượng. Rồi chuyển dần từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, đánh bại Chiến lược chiến tranh đơn phương của đế quốc Mỹ.

- 1954 – 1956: chuyển từ đấu tranh vũ trang sang đấu tranh chính trị.
- 1957 – 1958: đấu tranh chính trị là chính, xây dựng, củng cố phát triển lực lượng vũ trang, lập chiến khu, đấu tranh vũ trang ở mức độ thích hợp.
- 1959 – 1960: Nổi dậy đồng loạt bằng cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, đánh đổ chính quyền địch ở cơ sở, giành quyền làm chủ, hình thành vùng giải phóng rộng lớn. Cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

**Câu 105. Đường lối chung trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc do Đại hội đại biểu toàn quốc lần III của Đảng xác định (9/1960)?**

Đoàn kết toàn dân, phát huy truyền thống của nhân dân và đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc ở miền Bắc, củng cố miền Bắc trở thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

**Câu 106. Biện pháp thực hiện đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc do Đại hội đại biểu toàn quốc lần III của Đảng xác định (9/1960)?**

- Sử dụng chính quyền dân chủ nhân dân sang làm nhiệm vụ của chuyên chính vô sản để thực hiện cải tạo XHCN đối với nông nghiệp, thương nghiệp nhỏ và công thương nghiệp tư bản tư doanh,...
- Xây dựng lực lượng sản xuất, cơ sở vật chất kỹ thuật cho CNXH, phát triển kinh tế quốc doanh.
- Thực hiện công nghiệp hoá bằng cách ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.
- Đẩy mạnh CMXHCN về tư tưởng, văn hoá và kỹ thuật biến nước ta thành nước XHCN có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, văn hoá - khoa học tiên tiến.

**Câu 107. Đại hội nào của Đảng được coi là “Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hoà bình thống nhất nước nhà”?**

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960).

**Câu 108. Nội dung cơ bản của kế hoạch khôi phục kinh tế ở miền Bắc nước ta thời kỳ 1955–1957?**

Khôi phục kinh tế mà trọng tâm là khôi phục nông nghiệp, tiến hành đồng thời với cải cách ruộng đất .

**Câu 109. Kế hoạch cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế ở miền Bắc nước ta thời kỳ 1958 – 1960 được tiến hành như thế nào?**

- Đối với nông nghiệp: hợp tác hoá nông nghiệp.
- Đối với tiểu thủ công nghiệp và buôn bán nhỏ: hợp tác xã .
- Đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh: cải tạo hoà bình với hai hình thức: chuộc lại, trả dần và công tư hợp doanh .

**Câu 110. Biện pháp để công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta theo quan điểm của Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ III (9/1960)?**

Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

**Câu 111. Nội dung của cuộc vận động “ba xây, ba chống” trong công nghiệp và thương nghiệp ở miền Bắc nước ta được Trung ương Đảng phát động vào tháng 7/1963?**

- Ba xây :
  - + Nâng cao ý thức trách nhiệm.
  - + Tăng cường quản lý kinh tế tài chính.
  - + Cải tiến kỹ thuật.
- Ba chống:
  - + Chống quan liêu .
  - + Chống tham ô .
  - + Chống lãng phí .

**Câu 112. Nội dung cơ bản của phong trào “Ba sẵn sàng” trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước do Đoàn thanh niên phát động ngày 09/8/1964?**

- Sẵn sàng chiến đấu.
- Sẵn sàng nhập ngũ.
- Sẵn sàng đi bất cứ nơi nào khi Tổ quốc cần đến.

**Câu 113. Nội dung cơ bản của phong trào “Ba sẵn sàng” trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước do Đoàn thanh niên phát động tháng 05/1965?**

- Sẵn sàng chiến đấu, nhập ngũ.

- Sẵn sàng khắc phục mọi khó khăn, đẩy mạnh sản xuất, công tác và học tập.

- Sẵn sàng đi bất cứ nơi đâu, làm bất cứ việc gì khi Tổ quốc cần.

**Câu 114. Những điển hình thi đua xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961- 1965 )?**

- Trong nông nghiệp : Hợp tác xã Đại Phong (Quảng Bình).

- Trong công nghiệp: nhà máy cơ khí Duyên Hải (Hải Phòng).

- Trong tiểu thủ công nghiệp: Hợp tác xã Thành Công (Thanh Hóa).

- Trong quân đội: cờ ba nhất .

- Trong giáo dục: trường Bắc Lý (Hà Nam).

**Câu 115. Những thành tựu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trong thời kỳ 1954 – 1975?**

- Kiến lập mô hình kinh tế- xã hội xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ ở miền Bắc.

- Đánh thắng 2 cuộc chiến tranh phá hoại bằng phương tiện và kỹ thuật hiện đại của đế quốc Mỹ.

- Làm tròn một cách xuất sắc nghĩa vụ của hậu phương đối với tiền tuyến lớn

**Câu 116. Trong thời kỳ 1954 – 1975, trên chiến trường miền Nam, nhân dân ta đã đánh bại những chiến lược chiến tranh nào của đế quốc Mỹ?**

- Chiến tranh đơn phương (1954–1960).

- Chiến tranh đặc biệt (1961 –1965).

- Chiến tranh cục bộ (1965 – 1968).

- Việt Nam hoá chiến tranh (1969– 1975).

**Câu 117. Tư tưởng chỉ đạo cực kỳ quan trọng của Nghị quyết về Đường lối cách mạng miền Nam được thông qua tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 15 (khoá II- 01/1959)?**

- Nhân dân miền Nam phải sử dụng con đường cách mạng bạo lực để tự giải phóng mình, ngoài ra, không có con đường nào khác.

- Phương hướng phát triển cơ bản là chuẩn bị để tiến lên khởi nghĩa giành chính quyền.
- Phương thức khởi nghĩa là dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ chính quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân.

**Câu 118. Thắng lợi của phong trào cách mạng miền Nam dưới ánh sáng của Nghị quyết về Đường lối cách mạng miền Nam được thông qua tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 15 (tháng 01/1959)?**

- Cục diện cách mạng miền Nam chuyển biến rất mau lẹ: phát triển thành cao trào Đồng khởi trên toàn miền Nam.
- Vùng giải phóng ra đời trên phạm vi rộng lớn.
- Ngày 20/12/1960, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời.
- Cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

**Câu 119. Chủ trương của Hội nghị Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 01/1961 và tháng 02/1962 đối với cách mạng miền Nam?**

- Tiếp tục giữ vững tư tưởng chiến lược tiến công.
- Đấu tranh vũ trang phát triển lên song song với đấu tranh chính trị.
- Tiến công địch trên cả 3 vùng chiến lược, bằng 3 mũi giáp công.

**Câu 120. Hãy nêu những chiến thắng vang dội của lực lượng vũ trang miền Nam trong thời kỳ đánh bại Chiến lược chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ.**

- Chiến thắng Ấp Bắc năm 1963.
- Chiến thắng Bình Giã năm 1964.
- Chiến thắng Ba Gia- Đồng Xoài năm 1965.

**Câu 121. Hãy cho biết chỗ dựa chủ yếu của đế quốc Mỹ khi tiến hành Chiến lược chiến tranh đặc biệt.**

- Ngụy quân.
- Ấp chiến lược.
- Vùng đô thị.

**Câu 122. Phương châm chiến lược chung trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước được xác định tại Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 11 (3/1965) và lần thứ 12 (12/1965)?**

Đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính, càng đánh càng mạnh, cần phải cố gắng đến mức độ cao, tập trung lực lượng của cả 2 miền để mở những cuộc tiến công lớn, tranh thủ thời cơ giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn trên chiến trường miền Nam.

**Câu 123. Đảng lãnh đạo chuyển hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc thời kỳ 1965– 1975?**

- Chuyển hướng xây dựng kinh tế cho phù hợp với tình hình có chiến tranh phá hoại, bảo đảm yêu cầu chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu.
- Phải tăng cường lực lượng quốc phòng cho kịp với sự phát triển của tình hình cả nước có chiến tranh.
- Ra sức chi viện cho miền Nam với mức cao nhất.
- Phải kịp thời chuyển hướng tư tưởng và tổ chức đi đôi với chuyển hướng kinh tế và tăng cường quốc phòng cho phù hợp với tình hình mới.

**Câu 124. Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Trung ương cục miền Nam (R) được thành lập vào thời gian nào? Đồng chí nào được chỉ định làm Bí thư Trung ương Cục?**

- Tháng 10/1961.
- Nguyễn Văn Linh được chỉ định làm Bí thư Trung ương Cục .

**Câu 125. Sau chiến thắng nào quân dân miền Nam rút ra cách đánh Mỹ: “Năm thất lung địch mà đánh” và một cao trào đánh Mỹ, diệt ngụy đẩy lên mạnh mẽ trên toàn miền Nam?**



Chiến thắng Vạn Tường ở Quảng Ngãi (tháng 8/1965).

**Câu 126. Chiến thắng lớn nhất của quân dân miền Nam trên lĩnh vực đấu tranh vũ trang từ đầu năm 1969 đến cuối năm 1971 là chiến thắng gì? Tại đâu ?**

- Đánh bại cuộc hành quân Lam Sơn 719 của Mỹ - Ngụy .
- Tại đường 9 Nam Lào .

**Câu 127. Nội dung bài thơ chúc Tết của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào năm 1969?**

Năm qua thắng lợi vẻ vang,  
Năm nay tiền tuyến chắc càng thắng to,  
Vì độc lập, vì tự do,  
Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào,  
Tiến lên chiến sĩ, đồng bào,  
Bắc Nam sum họp xuân nào vui hơn.

**Câu 128. Nội dung cơ bản của Hội nghị Ban Chấp hành trung ương lần thứ 18 (1/1970)?**

Chủ trương kiên trì đẩy mạnh cuộc kháng chiến, tiếp tục phát triển chiến lược tiến công, ra sức xây dựng mọi mặt, chú trọng công tác hậu cần, đánh bại âm mưu xuống thang từng bước và kéo dài chiến tranh của Mỹ, đề phòng việc Đông Dương hoá chiến tranh của chúng.

**Câu 129. Ý nghĩa của hiệp định Paris - Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam?**

Với việc ký Hiệp định Paris, nhân dân ta đã đạt được mục tiêu quan trọng hàng đầu là đè bẹp ý chí xâm lược của Mỹ, buộc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh, rút hết quân viễn chinh và quân chư hầu ra khỏi miền Nam Việt Nam. Đây là cơ hội lớn cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta để tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

**Câu 130. Chủ trương của Hội nghị Ban Chấp hành trung ương lần thứ 21 (7/1973)?**

Bất kể trong tình huống nào cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công. Nhiệm vụ giành dân, giành quyền làm chủ, phát triển thực lực cách mạng là yêu cầu vừa bức thiết, vừa cơ bản trong giai đoạn cách mạng mới. Tư tưởng chỉ đạo của Trung ương Đảng là tích cực phản công, chuẩn bị tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

**Câu 131. Hãy kể tên các đoàn đại biểu tham dự Hội nghị bốn bên tại Paris (từ tháng 01/1969) để giải quyết vấn đề của miền Nam Việt Nam.**

- Đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
- Đoàn Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam .
- Đoàn Mỹ .
- Đoàn Ngụy quyền Sài Gòn .

**Câu 132. Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ra đời vào thời gian nào? Do ai làm chủ tịch?**

- Ngày 06 tháng 6 năm 1969.
- Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát làm Chủ tịch Chính phủ .

**Câu 133. Đồng chí nào được Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng cử làm Tư lệnh, làm Chính uỷ trong chiến dịch Hồ Chí Minh ( 4/1975 )?**

- Tư lệnh: Đại tướng Văn Tiến Dũng.
- Chính uỷ: Phạm Hùng.

**Câu 134. Sau khi Trung ương Cục được thành lập, ngay trong năm 1961, các tổ chức đoàn thể quần chúng nào đã lần lượt ra đời và phát triển làm hậu thuẫn cho sự nghiệp giải phóng miền Nam?**

- Hội phụ nữ giải phóng miền Nam (08/3/1961).
- Hội lao động giải phóng miền Nam (27/4/1961).
- Hội văn nghệ giải phóng miền Nam (17/ 7/1961).
- Ủy ban đoàn kết Á- Phi của miền Nam (20/ 7/1961).
- Ủy ban bảo vệ hoà bình thế giới của miền Nam Việt Nam (15/10/1961).

- Đoàn thanh niên nhân dân cách mạng miền Nam Việt Nam (01/11/1961).

**Câu 135. Để giải phóng hoàn toàn miền Nam, nhân dân ta đã tiến hành bao nhiêu chiến dịch? Đó là những chiến dịch nào?**

- Ba chiến dịch.
- Chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế- Đà Nẵng, chiến dịch Hồ Chí Minh.

**Câu 136. Nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước?**

- Sự lãnh đạo đúng đắn của ĐCSVN.
- Là kết quả của cuộc đấu tranh đầy hi sinh gian khổ của quân đội và nhân dân cả nước, đặc biệt là của cán bộ chiến sĩ và đồng bào yêu nước miền Nam.
- Là thắng lợi của sự nghiệp CMXHCN ở miền Bắc, của đồng bào và chiến sĩ ở miền Nam.
- Là kết quả của tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân Việt Nam- Lào – Kampuchia và sự ủng hộ to lớn của các nước XHCN, của phong trào công nhân và nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới, trong đó có nhân dân Mỹ.

**Câu 137. Ý nghĩa dân tộc và thời đại của thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước?**

- Ý nghĩa dân tộc: quét sạch bọn đế quốc xâm lược, chấm dứt ách thống trị tàn bạo hơn một thế kỷ của chủ nghĩa thực dân cũ và mới. CMDTDCND hoàn thành trên phạm vi cả nước, mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam: cả nước hoà bình, độc lập, thống nhất và đi lên CNXH.
- Ý nghĩa thời đại: nhân dân ta đã đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược qui mô lớn nhất, dài ngày nhất của chủ nghĩa đế quốc kể từ sau chiến tranh thế giới II, làm suy yếu trận địa của chủ nghĩa đế quốc, phá vỡ một phòng tuyến quan trọng của chúng ở khu vực Đông Nam Á,

mở đầu sự sụp đổ không thể tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân mới, góp phần tăng cường lực lượng của các nước XHCN, phong trào ĐLDT, dân chủ và hoà bình thế giới.

**Câu 138. Bài học kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước?**

- Giương cao ngọn cờ ĐLDT và CNXH nhằm huy động sức mạnh toàn dân đánh Mỹ, cả nước đánh Mỹ.
- Đảng đã tìm ra được phương pháp đấu tranh cách mạng đúng đắn, sáng tạo.
- Sự chỉ đạo chiến lược đúng đắn của Trung ương Đảng và công tác tổ chức chiến đấu tài giỏi của Đảng qua các cấp bộ Đảng và các cấp chỉ huy quân đội.
- Đảng ta hết sức coi trọng công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng cách mạng ở miền Nam và tổ chức xây dựng lực lượng chiến đấu trong cả nước.

**Câu 139. Đặc điểm tình hình nước ta do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12/1976) nêu ra?**

- Nền kinh tế phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ phát triển tư bản chủ nghĩa.
- Tổ quốc ta đã hoà bình, độc lập, thống nhất, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội với nhiều thuận lợi lớn, song cũng còn nhiều khó khăn do hậu quả của chiến tranh và tàn dư của chủ nghĩa thực dân mới gây ra.
- Cách mạng xã hội chủ nghĩa nước ta tiến hành trong hoàn cảnh quốc tế thuận lợi, song cuộc đấu tranh “ai thắng ai” giữa thế lực cách mạng và thế lực phản cách mạng trên thế giới còn gay go, quyết liệt.

**Câu 140. Mục tiêu của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12/1976)?**

- Xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa.
- Xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

- Xây dựng nền văn hoá mới xã hội chủ nghĩa.
- Xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

**Câu 141. Biện pháp để thực hiện các mục tiêu của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12/1976)?**

- Nắm vững chuyên chính vô sản.
- Phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.
- Tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học- kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hoá, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt.

**Câu 142. Mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm 1976 –1980 được đề ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12/1976)?**

- Xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, hình thành cơ cấu kinh tế mới trong cả nước mà bộ phận chủ yếu là cơ cấu công – nông nghiệp.
- Cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân lao động.

**Câu 143. Nội dung đường lối công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12/1976) đề ra?**

Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

**Câu 144. Đường lối kinh tế do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12/1976) đề ra?**

Đẩy mạnh công nghiệp hoá XHCN, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho CNXH; đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn XHCN; ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu kinh tế công- nông nghiệp; vừa xây dựng kinh tế Trung ương, vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế Trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ

cầu kinh tế quốc dân thống nhất; kết hợp phát triển lực lượng sản xuất với xác lập và hoàn thiện quan hệ sản xuất; kết hợp kinh tế với quốc phòng .

**Câu 145. Kết quả và ý nghĩa của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12/1976)?**

- Kết quả: Đại hội đã đề ra được đường lối chung của cuộc CMXHCN trên cả nước, đề ra được đường lối xây dựng kinh tế XHCN, bầu ra Ban Chấp hành Trung ương mới, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Đồng chí Lê Duẩn được bầu làm Tổng Bí thư.
- Ý nghĩa: Đại hội Đảng lần IV (12/1976) là Đại hội toàn thắng của sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, khẳng định và xác định đường lối đưa cả nước tiến lên CNXH.

**Câu 146. Nội dung cơ bản của Hội nghị Trung ương 2 khoá IV (7/1977)?**

Bàn về phát triển nông nghiệp. Hội nghị chủ trương: trong những năm tới, trên mặt trận kinh tế, phải nắm vững nhiệm vụ hàng đầu là phát triển vượt bậc sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp,...

**Câu 147. Nội dung cơ bản của Hội nghị Trung ương 3 khoá IV (12/1977)?**

Bàn về kế hoạch kinh tế năm 1978, về khắc phục sự trì trệ trong sản xuất và trong quản lý kinh tế.

**Câu 148. Nội dung cơ bản của Hội nghị Trung ương 4 khoá IV (7/1978)?**

Vạch ra phương hướng, nhiệm vụ, chủ trương và biện pháp thực hiện kế hoạch Nhà nước hàng năm.

**Câu 149. Nhiệm vụ cấp bách được nêu lên trong Nghị quyết 20/NQ – TƯ do Hội nghị Trung ương 6 khoá IV (8/1979) nêu ra?**

- Đẩy mạnh sản xuất, ổn định và đảm bảo đời sống nhân dân, tăng cường quốc phòng và an ninh, sẵn sàng chiến đấu chống xâm lược và bảo vệ Tổ quốc.

- Kiên trì đấu tranh khắc phục những mặt tiêu cực trong hoạt động kinh tế - xã hội.

- Động viên cao độ và tổ chức toàn dân, toàn quân đẩy mạnh sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

**Câu 150. Nội dung cơ bản của Nghị quyết 21/NQ – TU do Hội nghị Trung ương 6 khoá IV (8/1979) nêu ra?**

Bàn về phương hướng, nhiệm vụ phát triển hàng công nghiệp tiêu dùng và công nghiệp địa phương

**Câu 151. Nội dung cơ bản và ý nghĩa của chỉ thị 100 – CT/TU về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp (13/01/1981)?**

- Cải tiến mạnh mẽ các hình thức khoán của đội sản xuất đối với xã viên, mở rộng khoán sản phẩm.

- Chỉ thị đi vào cuộc sống đã tạo đà đi lên, ngăn chặn sự sa sút của nền nông nghiệp.

**Câu 152. Nội dung cơ bản và ý nghĩa của Quyết định 25 – CP, 26 - CP (01/1981) của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khoá IV?**

- NQ25 – CP (21/01/1981): về một số chủ trương và biện pháp nhằm phát huy quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp quốc doanh.

- NQ26 - CP(21/01/1981): Về mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất kinh doanh của Nhà nước nhằm thúc đẩy người lao động hăng hái sản xuất, tăng năng suất lao động, tăng thu nhập.

- Ý nghĩa: Giúp các cơ sở tháo gỡ được một phần khó khăn trong sản xuất, khuyến khích người lao động thi đua tăng năng suất, làm thêm giờ, tiết kiệm nguyên liệu, phát huy sáng kiến. Tình trạng trì trệ trong sản xuất công nghiệp giảm dần.

**Câu 153. Nội dung cơ bản của Nghị quyết số 36/NQ – TU (02/1981) của Ban Bí thư về những nhiệm vụ trước mắt của công tác tư tưởng?**

- Công tác tư tưởng giúp toàn Đảng, toàn quân, toàn dân nhận thức đúng tình hình; nhận rõ đúng sai, tìm nguyên nhân, xác định phương hướng; giữ vững cái đúng, khắc phục sai lầm; nắm vững đường lối của Đảng; chống khuynh hướng hữu hoặc “tả” trong thực hiện đường lối, chủ trương về kinh tế của Đảng; kiên quyết chống lại âm mưu của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch; tăng cường hợp tác với Liên Xô, Lào, Campuchia và các nước XHCN.
- Đề ra nhiệm vụ xây dựng Đảng về tổ chức: kiện toàn bộ máy Đảng ở các cấp.

**Câu 154. Các chủ trương của Đảng để cho sản xuất "bung ra" (1980 - 1981)?**

Công bố một loạt những quyết định mới về kinh tế:

- Bãi bỏ các trạm kiểm soát.
- Khuyến khích tận dụng ruộng đất trong nông nghiệp vào sản xuất, khuyến khích phát triển chăn nuôi trâu bò không hạn chế về số lượng.
- Mở rộng kinh doanh theo nguyên tắc hợp đồng kinh tế 2 chiều giữa Nhà nước và cơ sở sản xuất.
- Về chính sách phân phối thu nhập trong hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp: thừa nhận phân phối bằng tiền và hiện vật.

**Câu 155. Thời kỳ 1976 – 1980, trong việc thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc, nhân dân ta đã giành được những thắng lợi lớn nào?**

- Bảo vệ biên giới Tây Nam : đánh đuổi bọn Pôn Pốt ra khỏi bờ cõi nước ta.
- Bảo vệ biên giới phía Bắc: khôi phục hoà bình và an ninh biên giới, giải quyết tranh chấp về biên giới lãnh thổ.



**Câu 156. Kết quả chủ yếu sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IV (12/1976)?**

- Thành tựu: giành được thắng lợi to lớn trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và đạt thành tựu bước đầu trong công cuộc xây dựng đất nước.
- Tồn tại: lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội.

**Câu 157. Quan điểm của Đảng tại Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ V (3/1982) về vị trí của nước ta?**

“Bất chấp mọi âm mưu và thủ đoạn của kẻ thù nhằm bao vây và cô lập nước ta, vai trò và vị trí của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam không ngừng được nâng cao trên trường quốc tế”.

**Câu 158. Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới được xác định tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần V của Đảng (3/1982)?**

- Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.
- Sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

**Câu 159. Chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ở nước ta do Đại hội đại biểu toàn quốc lần V của Đảng (3/1982) xác định?**

Đại hội đại biểu toàn quốc lần V đưa ra khái niệm chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ. Đảng ta hình dung thời kỳ quá độ là lâu dài, có nhiều chặng, ta đang ở chặng đầu. Nhiệm vụ chặng đầu tiên (bao gồm những năm 80) là tạo tiền đề cơ sở vật chất chuyển sang công nghiệp hoá.

**Câu 160. Mục tiêu kinh tế và xã hội tổng quát trong những năm còn lại của chặng đường trước mắt (bao gồm những năm 80) được xác định tại Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ V ( tháng 3 năm 1982)?**

- Ổn định dân, tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân.

- Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất– kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, chủ yếu nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, hàng tiêu dùng và xuất khẩu.
- Hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở các tỉnh miền Nam, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong cả nước.
- Đáp ứng nhu cầu của công cuộc phòng thủ đất nước, củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh trật tự.

**Câu 161. Nhiệm vụ then chốt của công tác xây dựng Đảng được đề ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần V của Đảng (3/1982)?**

- Tiếp tục nâng cao tính giai cấp công nhân, tính tiên phong của Đảng.
- Xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, làm cho Đảng luôn giữ vững bản chất cách mạng và khoa học, một Đảng thực sự trong sạch, có sức chiến đấu cao, gắn bó chặt chẽ với quần chúng.

**Câu 162. Ý nghĩa của Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ V (3/1982)?**

Đại hội đã có những tìm tòi bước đi trên con đường quá độ lên CNXH, trước hết là về mặt kinh tế. Song, Đại hội chưa thấy được sự cần thiết phải duy trì nền kinh tế nhiều thành phần trong suốt thời kỳ quá độ, chưa xác định được những quan điểm cụ thể và kết hợp kế hoạch với thị trường, công tác quản lý lưu thông, phân phối vẫn một chiều do kế hoạch Nhà nước qui định, chưa có những chính sách, giải pháp đồng bộ để giải phóng lực lượng sản xuất trong nông nghiệp.

**Câu 163. Nội dung Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc cải tiến quản lý kinh tế, hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp (ngày 22/6/1985)?**

- Quyết định chuyển công tác quản lý hợp tác xã sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.
- Hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động đi đôi với việc xây dựng huyện, tăng cường cấp huyện.

**Câu 164. Kết quả và ý nghĩa của Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc cải tiến quản lý kinh tế, hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp (ngày 22/6/1985)?**

- Kết quả: Tạo điều kiện để củng cố các hợp tác xã nông nghiệp, hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm.
- Ý nghĩa: Làm cho người nông dân phấn khởi, không ngừng đầu tư cho sản xuất.

**Câu 165. Nguyên nhân chủ quan của những hạn chế và yếu kém trong thời kỳ 10 năm đầu cả nước đi lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa?**

- Những sai lầm nghiêm trọng về chủ trương, chính sách lớn; về chỉ đạo chiến lược, về tổ chức thực hiện của Đảng và Nhà nước.
- Xác định mục tiêu và bước đi không sát thực tế, không coi trọng khôi phục kinh tế là nhiệm vụ cấp bách; nông nghiệp vẫn chưa thực sự là mặt trận hàng đầu, muốn xoá bỏ ngay các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa trong vòng 5 năm; chưa biết kết hợp kế hoạch hoá với quan hệ hàng hoá - tiền tệ; mắc sai lầm nghiêm trọng trong lĩnh vực phân phối lưu thông.

**Câu 166. Nguyên nhân khách quan của những hạn chế và yếu kém trong thời kỳ 10 năm đầu cả nước đi lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa?**

- Nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội từ nền sản xuất nhỏ, nông nghiệp lạc hậu là chủ yếu, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.
- Thiên tai xảy ra dồn dập.
- Phải gánh lấy hậu quả nặng nề do cuộc chiến tranh để lại.

- Phải tiến hành cuộc đấu tranh chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ thù.
- Phải tiến hành cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

**Câu 167. Chỉ đạo của Đảng trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm 1981– 1985?**

- Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần 3, lần 5, lần 7: xác định phương hướng, nhiệm vụ kinh tế- xã hội hàng năm và mức phấn đấu cụ thể cho năm sau.
- Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần 8 (6/1985): Bàn về giá-lương- tiền.
- Ban Bí thư ra chỉ thị về cải tiến quản lý kinh tế, hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp.

**Câu 168. Kết quả thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm 1981 - 1985?**

1. Thành tựu.

- Về kinh tế: ngăn chặn được đà giảm sút những năm trước.
- Về văn hoá, y tế, giáo dục: đã có những tiến bộ góp phần xây dựng nền văn hoá mới, con người mới.
- Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc: giành được những thành tựu to lớn, thực hiện tốt nghĩa vụ quốc tế với Lào và Campuchia; quan hệ với Liên Xô và các nước XHCN thêm chặt chẽ.

2. Tồn tại:

Phải đối mặt với khủng hoảng kinh tế - xã hội, sản xuất tăng chậm, nhiều chỉ tiêu quan trọng không đạt được, phân phối lưu thông rối ren,... chưa đạt được mục tiêu ổn định kinh tế – xã hội và ổn định đời sống nhân dân.

**Câu 169. Tại sao đổi mới là đòi hỏi bức thiết của cách mạng nước ta từ thập kỷ 80 của thế kỷ XX?**

Thời kỳ 1976 - 1985, chúng ta phạm sai lầm nghiêm trọng về chủ trương, chính sách lớn, về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện của Đảng, của

Nhà nước. Xác định mục tiêu và bước đi không sát với thực tế, không coi trọng khôi phục kinh tế là nhiệm vụ cấp bách; nông nghiệp vẫn chưa thực sự là mặt trận hàng đầu, muốn xoá bỏ ngay các thành phần kinh tế trong 5 năm, chưa biết kết hợp kế hoạch với quan hệ hàng hoá- tiền tệ,...đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế- xã hội.

Thực trạng trên đòi hỏi phải đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, phải có những quyết sách khoa học để ổn định tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, vượt ra khỏi khủng hoảng để tiến lên.

**Câu 170. Các bước đột phá cục bộ quan trọng của Đảng ta dẫn đến công cuộc đổi mới toàn diện từ năm 1986 đến nay?**

- Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần 6 Khóa IV (8/1979): Đánh giá thực trạng đất nước, tập trung bàn về phương hướng phát triển hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương nhằm khắc phục tình trạng khan hiếm hàng tiêu dùng thiết yếu, tạo điều kiện cho lực lượng sản xuất bung ra.
- Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần 8 Khóa V (6/1985): Bàn về giá lương tiền, chủ trương dứt khoát xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, thực hiện đúng chế độ tập trung dân chủ, hạch toán kinh tế và kinh doanh XHCN.
- Nghị quyết Bộ Chính trị năm 1986: Tìm cách tháo gỡ khó khăn, ngăn chặn cuộc khủng hoảng kinh tế- xã hội: Chủ trương đổi mới cơ cấu kinh tế (thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần, đổi mới cơ cấu đầu tư (tập trung vào nông nghiệp), đổi mới cơ chế quản lý.

**Câu 171. Phương pháp đánh giá thực trạng đất nước được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng thực hiện như thế nào?**

Thái độ khách quan khoa học, “nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật”.

**Câu 172. Mục tiêu của cách mạng nước ta do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12/1986) nêu ra?**

- Mục tiêu tổng quát trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên: ổn định mọi mặt tình hình kinh tế – xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hoá XHCN trong chặng đường tiếp theo.

- Mục tiêu cụ thể về kinh tế – xã hội: sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy, bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý, tạo chuyển biến tốt về mặt xã hội, bảo đảm nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh.

**Câu 173. Đường lối kinh tế do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12/1986) vạch ra?**

Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế: xoá tập trung quan liêu, bao cấp; xây dựng cơ chế mới phù hợp với qui luật khách quan và trình độ phát triển của nền kinh tế. Thực hiện kế hoạch hoá theo phương thức hạch toán kinh doanh XHCN, theo nguyên tắc tập trung dân chủ, chú trọng tính kế hoạch; sử dụng đúng quan hệ hàng hoá- tiền tệ; các đơn vị sản xuất có quyền tự chủ sản xuất kinh doanh, tự chủ về tài chính; sử dụng tốt các đòn bẩy kinh tế.

**Câu 174. Những chính sách kinh tế - xã hội do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12/1986) xác định?**

- Bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh cơ cấu đầu tư.
- Xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất XHCN, sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế.
- Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.
- Phát huy mạnh mẽ động lực của khoa học - kỹ thuật.
- Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

**Câu 175. Những bài học kinh nghiệm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện được tổng kết tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12/1986)?**

- Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”.

- Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo qui luật khách quan.
- Phải biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.
- Chăm lo xây dựng Đảng ngang tầm với một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc CMXHHCN.

**Câu 176. Những bài học kinh nghiệm trình bày tại Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần VI (12/1986) được tổng kết trên những cơ sở nào?**

- Đánh giá những thành tựu, những khó khăn của đất nước do cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội tạo ra.
- Những sai lầm kéo dài của Đảng về chủ trương, chính sách lớn, về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện.

**Câu 177. Nhiệm vụ của chính sách đối ngoại được xác định tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần VI của Đảng (12/1986)?**

- Góp phần giữ vững hoà bình ở Đông Dương, Đông Nam Á và thế giới.
- Góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.
- Tăng cường tình hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.
- Bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc.

**Câu 178. Ý nghĩa lịch sử của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12/1986)?**

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI đã hoạch định đường lối đổi mới, khởi xướng công cuộc đổi mới, đã mở đường cho đất nước ta thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế – xã hội, tạo ra bước ngoặt trong sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta.

**Câu 179. Điều kiện tiên quyết để thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới, đưa đất nước ta thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội?**

- Giữ vững ổn định chính trị.
- Phát triển kinh tế - xã hội.
- Tạo môi trường quốc tế thuận lợi, phá thế bị bao vây, cấm vận.
- Xây dựng Đảng ngang tầm yêu cầu và nhiệm vụ của công cuộc đổi mới.

**Câu 180. Đặc điểm tình hình của cách mạng thế giới và nước ta thời kỳ 1986 - 1990?**

- Cách mạng thế giới: Khủng hoảng của CNXH ở các nước Đông Âu trầm trọng. Ở Liên Xô, công cuộc cải tổ không sửa chữa được những sai lầm trong quá trình xây dựng CNXH trước đây, trái lại, đất nước càng lún sâu vào khủng hoảng kinh tế, chính trị.
- Nước ta: khủng hoảng kinh tế – xã hội diễn ra nghiêm trọng. Lương thực thiếu, lạm phát cao, hiện tượng tiêu cực và tệ nạn xã hội tăng. Trên lĩnh vực chính trị đã xuất hiện sự dao động về con đường XHCN. Chủ quyền lãnh thổ trên tuyến biên giới phía Bắc và Trường Sa luôn bị xâm phạm.

**Câu 181. Nội dung cơ bản của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần 2– khoá VI (4/1987)?**

Quyết định phương hướng giải quyết vấn đề nóng bỏng và cấp bách trên mặt trận lưu thông và phân phối – thực hiện mục tiêu 4 giảm:

- Giảm tỷ lệ bội chi ngân sách.
- Giảm nhịp độ tăng giá.
- Giảm tốc độ lạm phát.
- Giảm khó khăn về đời sống của nhân dân lao động.

**Câu 182. Vì sao nói: Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần 2- khoá VI (4/1987) đánh dấu sự chuyển hướng quan trọng trong nhận thức về tư duy kinh tế?**

- Đây là lần đầu tiên Đảng ta ra một nghị quyết riêng về vấn đề phân phối lưu thông.



- Nghị quyết nêu rõ từ quan điểm, chủ trương tới các biện pháp cụ thể nhằm xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp.

**Câu 183. Những vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng được đề ra tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần 5 - khoá VI (6/1988)?**

- Phải đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức.
- Đổi mới đội ngũ cán bộ, đổi mới phong cách lãnh đạo.
- Nâng cao giác ngộ, bồi dưỡng lý tưởng, kiến thức và năng lực lãnh đạo.
- Mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ luật trong Đảng.

**Câu 184. Những nguyên tắc cơ bản về đổi mới do Hội nghị Trung ương 6 khoá VI (3/1989) nêu ra?**

- Đổi mới nhưng không xa rời con đường đã chọn.
- Trung thành và phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác- Lênin.
- Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, kiên quyết bác bỏ đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập.
- Phát huy vai trò và hiệu lực của nhà nước XHCN.
- Thực hiện tốt hơn nền dân chủ XHCN.
- Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

**Câu 185. Nội dung của Hội nghị Trung ương lần thứ 7 khoá VI (8/1989)?**

Ra Nghị quyết về một số vấn đề cấp bách về công tác tư tưởng.

**Câu 186. Nội dung của Nghị quyết Trung ương 8A (3/1990)?**

Bàn về tình hình các nước XHCN, sự phá hoại của chủ nghĩa đế quốc và nhiệm vụ cấp bách của Đảng ta.

**Câu 187. Nội dung của Nghị quyết Trung ương 8B (3/1990)?**

Bàn về tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đẩy mạnh công cuộc đổi mới.

**Câu 188. Kết quả thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm 1986 – 1990?**

- Tình hình chính trị của đất nước ổn định. Nền kinh tế có những chuyển biến tích cực.

- Sinh hoạt dân chủ trong xã hội ngày càng được phát huy.
  - Quốc phòng được giữ vững, an ninh quốc gia được đảm bảo.
- Từng bước phá thế bao vây về kinh tế và chính trị, mở rộng quan hệ quốc tế, tạo môi trường thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

**Câu 189. Các văn kiện quan trọng được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (6/1991) của Đảng?**

- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH.
- Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000.
- Báo cáo chính trị.
- Báo cáo xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng,...

**Câu 190. Những bài học của cách mạng Việt Nam được nêu trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH?**

- Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH.
- Sự nghiệp cách mạng là của dân, do dân, vì dân.
- Không ngừng củng cố và tăng cường đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế.
- Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế.
- Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

**Câu 191. Ý nghĩa của Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH?**

Cương lĩnh đã hình thành rõ nét con đường quá độ lên CNXH phù hợp với đặc điểm của nước ta.

**Câu 192. Ý nghĩa của chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000?**

Chiến lược ổn định phát triển kinh tế – xã hội đến năm 2000 đã đặt thêm mốc son mới nhằm đưa nước ta ra khỏi khủng hoảng về con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

**Câu 193. Nội dung chủ yếu của Báo cáo chính trị trình bày tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (6/1991) của Đảng?**

- Báo cáo chính trị khẳng định công cuộc đổi mới đạt những thành tựu bước đầu quan trọng, song, đất nước vẫn còn nhiều khó khăn yếu kém, chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội, nhiều vấn đề kinh tế – xã hội nóng bỏng chưa được giải quyết.
- Nêu lên những phương hướng nhiệm vụ chủ yếu của 5 năm 1991– 1995 với mục tiêu tổng quát là vượt qua khó khăn, thử thách, ổn định và phát triển kinh tế – xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay.

**Câu 194. Nội dung chủ yếu của Báo cáo về xây dựng Đảng do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (6/1991) của Đảng xác định?**

Báo cáo về xây dựng Đảng xác định nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng là: phát huy truyền thống cách mạng, tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng; xây dựng Đảng thật sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, gắn liền với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế - xã hội, cải cách bộ máy Nhà nước, đổi mới công tác quần chúng, bảo đảm cho Đảng làm tròn nhiệm vụ lãnh đạo sự nghiệp cách mạng XHCN.

**Câu 195. Những kinh nghiệm bước đầu về tiến hành công cuộc đổi mới (1986- 1990) được tổng kết tại Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VII (6/1991)?**

- Phải giữ vững định hướng XHCN trong quá trình đổi mới.
- Đổi mới toàn diện, đồng bộ và triệt để nhưng phải có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.
- Phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước về kinh tế, xã hội.
- Tiếp tục phát huy ngày càng sâu rộng nền dân chủ XHCN.

- Trong quá trình đổi mới phải quan tâm dự báo tình hình, kết hợp phát hiện và giải quyết đúng đắn những vấn đề mới nảy sinh trên tinh thần kiên định đường lối đổi mới, tăng cường tổng kết thực tiễn và không ngừng hoàn chỉnh lý luận về con đường xây dựng CNXH ở nước ta.

**Câu 196. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội được nêu lên trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (6/1991)?**

- Do nhân dân lao động làm chủ.
- Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.
- Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.
- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.
- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

**Câu 197. Những phương hướng cơ bản được nêu lên trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (6/1991)?**

- Xây dựng Nhà nước XHCN của dân, do dân, vì dân lấy liên minh công - nông và trí thức làm nền tảng do Đảng Cộng sản lãnh đạo.
- Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hoá đất nước theo hướng hiện đại gắn liền với việc phát triển một nền nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm nhằm từng bước xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho CNXH.
- Phù hợp với sự phát triển lực lượng sản xuất, thiết lập từng bước quan hệ sản xuất XHCN từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở

hữu, phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng XHCN, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

- Tiến hành cách mạng XHCN trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá làm cho thế giới quan Mác– Lênin và tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội.
- Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc.
- Xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN là 2 nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam.
- Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, ngang tầm nhiệm vụ cách mạng XHCN.

**Câu 198. Mục tiêu tổng quát của chiến lược ổn định phát triển kinh tế - xã hội từ năm 1991 đến năm 2000 được đề ra tại Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần VII (6/1991)?**

Ra khỏi khủng hoảng, ổn định tình hình kinh tế – xã hội, phấn đấu vượt qua tình trạng nghèo và kém phát triển, cải thiện đời sống của nhân dân, củng cố quốc phòng và an ninh, tạo điều kiện cho đất nước phát triển nhanh hơn vào đầu thế kỷ XXI.

**Câu 199. Ý nghĩa của Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VII (6/1991)?**

- Đại hội VII của Đảng là “Đại hội của trí tuệ- đổi mới, dân chủ- kỷ cương- đoàn kết”.
- Đại hội đã hoạch định con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với đặc điểm của Việt Nam và những giải pháp đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế- xã hội.
- Đại hội đã củng cố thêm niềm tin tưởng của nhân dân đối với công cuộc đổi mới.

**Câu 200. Phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch nhà nước 5 năm 1991– 1995 được đề ra tại Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần VII (6/1991) ?**

Mục tiêu tổng quát là vượt qua khó khăn, thử thách, ổn định và phát triển kinh tế – xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay.

**Câu 201 Nội dung cơ bản của Nghị quyết Trung ương 2 khoá VII (12/1991)?**

- Ổn định và phát triển kinh tế – xã hội.
- Xác định quan điểm, chủ trương thực hiện Nghị quyết Đại hội VII.
- Việc sửa đổi Hiến pháp.

**Câu 202. Nội dung cơ bản của Nghị quyết Trung ương 3 khoá VII về đổi mới và chỉnh đốn Đảng (6/1992 )?**

- Tình hình thế giới và chính sách đối ngoại.
- Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia.
- Đổi mới và chỉnh đốn Đảng.

**Câu 203. Nội dung cơ bản của Nghị quyết Trung ương 4 khoá VII về đổi mới và chỉnh đốn Đảng (01/1993 )?**

- Về một số nhiệm vụ văn hoá, văn nghệ những năm trước mắt.
- Về tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo.
  - Về những vấn đề cấp bách của sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân.
- Về chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình.
- Về công tác thanh niên trong thời kỳ mới.

**Câu 204. Nội dung cơ bản của Nghị quyết Trung ương 5 khoá VII (6/1993)?**

- Quyết định những chủ trương để đưa nông nghiệp và nông thôn tiến nhanh và vững chắc hơn.
- Về tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế – xã hội nông thôn.

**Câu 205. Nội dung cơ bản của Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng khoá VII (01/1994)?**

- Khẳng định: sự nghiệp đổi mới là khó khăn, song chúng ta đã giành được những thắng lợi quan trọng. Trước mắt, nhân dân ta đang đứng trước những thách thức và những cơ hội lớn.
- Hội nghị nêu rõ: trong những năm còn lại phải thúc đẩy nhanh hơn nhịp độ thực hiện những mục tiêu chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh và đề ra những nhiệm vụ chủ yếu để thực hiện thắng lợi mục tiêu chiến lược đó.
- Bầu bổ sung vào BCH Trung ương 20 uỷ viên mới.

**Câu 206. Thời cơ của sự nghiệp đổi mới được Đảng ta chỉ ra tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII (01/1994)?**

- Đảng có đường lối đúng đắn.
- Nhân dân ta cần cù, thông minh, yêu nước, có bản lĩnh và ý chí kiên cường, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.
- Các lực lượng vũ trang trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta.
- Thành tựu đổi mới tạo ra thế và lực mới cho cách mạng nước ta.
- Xu thế mở rộng quan hệ hợp tác trên thế giới và khu vực đem lại cho chúng ta thêm nguồn lực quan trọng.

**Câu 207. Thách thức của sự nghiệp đổi mới được Đảng ta chỉ ra tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII (01/1994)?**

- Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới.
- Chênh hướng XHCN.
- Nạn tham nhũng và tệ quan liêu.
- Diễn biến hoà bình.

**Câu 208. Nội dung cơ bản của Hội nghị Trung ương 7 khoá VII (7/1994)?**

Bàn về chủ trương, chính sách phát triển công nghiệp, công nghệ và xây dựng giai cấp công nhân nhằm tiến tới một bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

**Câu 209. Nội dung cơ bản của Hội nghị Trung ương 8 khoá VII (01/1995)?**

Bàn về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cải cách một bước nền hành chính nhà nước. Nêu lên những quan điểm chỉ đạo việc xây dựng và hoàn thiện nhà nước, việc cải cách hành chính và những nội dung cơ bản trong phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội và Chính phủ.

**Câu 210. Nội dung cơ bản Nghị quyết 09 - Bộ Chính trị về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay (18/02/1995)?**

- Chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam.
- Độc lập dân tộc gắn liền với CNXH là sự lựa chọn duy nhất đúng đắn.
- Chế độ ta là chế độ do nhân dân làm chủ; Nhà nước ta là nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.
- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là nhiệm vụ trọng tâm của thời kỳ quá độ.
- Nền kinh tế nước ta là nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng XHCN. Tăng trưởng kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội.
- Phát triển văn hoá, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc kết hợp với tiếp thu tinh hoa văn hoá của nhân loại.

**Câu 211. Kết quả thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm 1991– 1995?**



- Đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế, hoàn thành vượt mức nhiều chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm.
- Tạo được một số chuyên biến tích cực về mặt xã hội. Giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh. Thực hiện có kết quả một số đổi mới quan trọng về hệ thống chính trị.
- Phát triển mạnh mẽ quan hệ đối ngoại, phá thế bị bao vây cấm vận, tham gia tích cực vào đời sống cộng đồng quốc tế.

**Câu 212. Những bài học chủ yếu qua 10 năm tiến hành đổi mới của Đảng?**

- Giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH, nắm vững 2 nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, kiên trì chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị.
- Xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN. Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái.
- Mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của cả dân tộc.
- Mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.
- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.

**Câu 213. Đánh giá tổng quát đất nước sau 10 năm đổi mới và 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII của Đảng?**

Công cuộc đổi mới trong 10 năm qua đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa quan trọng. Nhiệm vụ do Đại hội VII đề ra cho 5 năm 1991– 1995 đã được hoàn thành về cơ bản. Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc. Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hoá đã cơ bản được hoàn thành, cho phép chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước,... xét trên tổng thể, việc hoạch định và thực hiện đường lối đổi mới những năm qua về cơ bản là đúng đắn, đúng định hướng XHCN, tuy trong quá trình thực hiện có một số khuyết điểm, lệch lạc lớn và kéo dài dẫn đến chệch hướng ở lĩnh vực này hay lĩnh vực khác, ở mức độ này hay mức độ khác.

**Câu 214. Kết quả thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm 1996 – 2000?**

- Kinh tế vẫn tăng trưởng khá, GDP tăng bình quân hàng năm là 6,94%.
- Văn hoá, xã hội có những tiến bộ, đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện.
- Tình hình chính trị, xã hội cơ bản ổn định, quốc phòng an ninh được tăng cường.
- Quan hệ đối ngoại và việc chủ động hội nhập kinh tế quốc tế được mở rộng và thu nhiều kết quả tốt.

**Câu 215. Những văn kiện quan trọng được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (6/1996)?**

- Báo cáo chính trị.
- Phương hướng nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội 5 năm (1996- 2000).
- Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi).

**Câu 216. Đặc điểm nổi bật của tình hình thế giới được xác định tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (6/1996)?**

- CNXH lâm vào thoái trào, nhưng tính chất thời đại - quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên CNXH – vẫn không thay đổi.

- Chiến tranh cục bộ, hoạt động can thiệp lật đổ, khủng bố vẫn xảy ra ở nhiều nơi.
- Cách mạng khoa học công nghệ thúc đẩy quá trình quốc tế hoá nền kinh tế và đời sống xã hội, song chênh lệch giàu nghèo ngày càng lớn, cạnh tranh kinh tế gay gắt.
- Cộng đồng thế giới đứng trước nhiều vấn đề có tính toàn cầu.
- Hoà bình, ổn định, hợp tác là đòi hỏi bức xúc của các dân tộc.
- Các nước có chế độ chính trị khác nhau vừa hợp tác, vừa đấu tranh trong cùng tồn tại hoà bình, độc lập tự chủ, chống áp đặt và can thiệp của nước ngoài. Các lực lượng cách mạng kiên trì mục tiêu hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.
- Thời cơ lớn được tạo ra do xu thế tích cực của thế giới, nhưng trước hết là do thành tựu đổi mới của nước ta. Thách thức vẫn là 4 nguy cơ: tụt hậu ngày càng xa về kinh tế so với các nước trong khu vực, chênh hướng XHCN, nạn tham nhũng- tệ quan liêu, diễn biến hoà bình.

**Câu 217. Nội dung đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá được xác định tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (6/1996)?**

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhằm xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Đến năm 2020, phấn đấu đưa nước ta về cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

**Câu 218: Ý nghĩa của Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần VIII (6/1996)?**

- Đại hội đánh dấu bước ngoặt chuyển đất nước ta sang thời kỳ mới – thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh theo định

hướng xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân ta, vì tình hữu nghị và sự hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

- Đại hội có ý nghĩa quyết định đối với vận mệnh dân tộc và tương lai của đất nước vào lúc chúng ta sắp bước vào thế kỷ XXI.

**Câu 219. Nội dung cơ bản của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần 2 khoá VIII (12/1996)?**

Thông qua nghị quyết:

- Về định hướng chiến lược phát triển Giáo dục- Đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000.
- Về định hướng chiến lược phát triển khoa học - công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000.

**Câu 220. Nội dung cơ bản của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần 3 khoá VIII (6/1997)?**

Thông qua Nghị quyết:

- Về phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch vững mạnh.
- Về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Có chiến lược cán bộ đúng đắn, xây dựng đội ngũ cán bộ đủ đức, đủ tài là điều kiện quyết định thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

**Câu 221. Nội dung cơ bản của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần 4 khoá VIII (12/1997)?**

Tập trung bàn về các nhiệm vụ kinh tế và một số vấn đề xã hội liên quan để tiếp tục cụ thể hoá đường lối Đại hội VIII, về đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, đồng thời xem xét và quyết định nhân sự các cấp cao của Đảng.

**Câu 222. Nội dung cơ bản của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần 5 khoá VIII (7/1998)?**

Thông qua Nghị quyết về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển kinh tế - xã hội.
- Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa thống nhất trong đa dạng.
- Quan điểm chỉ đạo là xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Xây dựng và phát triển văn hoá là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.
- Văn hoá là một mặt trận, xây dựng và phát triển văn hoá là một sự nghiệp cách mạng lâu dài đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng.

**Câu 223. Nội dung và ý nghĩa của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần 6 lần 2, khoá VIII (02/1999)?**

- Nội dung: Phải tiến hành cuộc vận động xây dựng chính đôn Đảng, tự phê bình và phê bình nhân kỷ niệm 30 năm thực hiện Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và kỷ niệm 70 năm thành lập Đảng. Cuộc vận động được tiến hành trong 2 năm, từ 19/5/1999 đến 19/5/2001, sau đó, trở thành nền nếp thường xuyên.
- Ý nghĩa: Cuộc vận động xây dựng chính đôn Đảng thể hiện trách nhiệm và tình cảm của Đảng đối với Bác Hồ, đối với nhân dân. Cuộc vận động liên quan đến vận mệnh của Đảng, của chế độ, hạnh phúc của đồng bào và việc hoàn thành thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đổi mới toàn diện và sâu sắc đất nước.

**Câu 224. Đường lối kinh tế của nước ta được xác định tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần IX của Đảng (4/2001)?**

- Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đưa nước ta trở thành nước công nghiệp.
- Ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời, xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng XHCN.

- Phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững.
- Tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hoá, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường, kết hợp phát triển kinh tế – xã hội với tăng cường an ninh quốc phòng.

**Câu 225. Ý nghĩa của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (4/2001)?**

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX là Đại hội của trí tuệ, dân chủ, đoàn kết. Đổi mới thể hiện ý chí kiên cường và niềm hy vọng lớn lao của cả dân tộc trong thời điểm lịch sử trọng đại bước vào thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới.

**Câu 226. Những bài học chủ yếu qua 15 năm tiến hành đổi mới do Đại hội IX của Đảng tổng kết?**

- Trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Đổi mới phải dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn luôn sáng tạo.
- Đổi mới phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.
- Đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới.

**Câu 227. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (4/2001) đánh giá thế giới trong thế kỷ XX như thế nào?**

Ghi đậm trong lịch sử loài người những dấu ấn cực kỳ sâu sắc:

- Thế kỷ khoa học công nghệ tiến nhanh chưa từng thấy, giá trị sản xuất vật chất tăng hàng chục lần so với thế kỷ trước; kinh tế phát triển mạnh mẽ xen lẫn với những cuộc khủng hoảng lớn của chủ nghĩa tư bản

thế giới, và sự phân hoá gay gắt về giàu nghèo giữa các nước, các khu vực.

- Thế kỷ diễn ra 2 cuộc chiến tranh thế giới đẫm máu do chủ nghĩa đế quốc gây ra cùng hàng trăm cuộc xung đột vũ trang.
- Thế kỷ chứng kiến một phong trào cách mạng sâu rộng trên phạm vi toàn thế giới, mặc dù vào thập niên cuối, CNXH hiện thực tạm thời lâm vào thoái trào.

**Câu 228. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (4/2001) đánh giá xu thế của thế giới trong thế kỷ XXI như thế nào?**

Tiếp tục biến đổi mạnh mẽ và sâu sắc.

- Khoa học và công nghệ sẽ có bước tiến nhảy vọt. Kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất.
- Toàn cầu hoá kinh tế là một xu thế khách quan.
- Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn.
- Thế giới đứng trước nhiều vấn đề toàn cầu mà không một quốc gia riêng lẻ nào có thể tự giải quyết nếu không có sự hợp tác đa phương.
- Chủ nghĩa tư bản hiện đại đang nắm ưu thế về vốn, khoa học và công nghệ, thị trường, song không thể khắc phục nổi những mâu thuẫn vốn có.
- Các quốc gia độc lập ngày càng tăng cường cuộc đấu tranh để tự lựa chọn và quyết định con đường phát triển của mình. CNXH trên thế giới có điều kiện và khả năng tạo ra bước phát triển mới.

**Câu 229. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (4/2001) đánh giá Việt Nam trong thế kỷ XX và trước mắt như thế nào?**

Với những thắng lợi giành được trong thế kỷ XX, nước ta từ một nước thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường XHCN, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới. Nhân dân ta từ thân phận

nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Đất nước ta từ một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu đã bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

**Câu 230. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (4/2001) đánh giá ý nghĩa thành tựu của đất nước 5 năm 1996 – 2001 như thế nào?**

- Kinh tế tăng trưởng khá.
- Văn hoá, xã hội có những tiến bộ; đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện.
- Tình hình chính trị- xã hội cơ bản ổn định; quốc phòng và an ninh được tăng cường.
- Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được chú trọng; hệ thống chính trị được củng cố.
- Quan hệ đối ngoại không ngừng được mở rộng, hội nhập kinh tế quốc tế được tiến hành chủ động và đạt nhiều kết quả tốt.

**Câu 231. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (4/2001) khẳng định về tư tưởng Hồ Chí Minh như thế nào?**

- Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi.
- Là cơ sở để tăng cường sự thống nhất về nhận thức tư tưởng, hành động trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân.
- Là bước phát triển quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta.
- Giúp chúng ta tăng thêm tự hào, tự tin vào một tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta.

**Câu 232. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (4/2001) khẳng định về con đường đi lên CNXH ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn như thế nào?**



- Tiếp tục khẳng định Cương lĩnh xây dựng đất nước... là ngọn cờ chiến đấu vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng nước Việt Nam từng bước quá độ lên CNXH.
- Xây dựng CNXH bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, tất yếu phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ.
- Trong thời kỳ quá độ có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế, giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau, nhưng cơ cấu, tính chất, vị trí của các giai cấp trong xã hội ta đã thay đổi rất nhiều cùng với những tiến bộ to lớn về kinh tế - xã hội.
- Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng XHCN; khắc phục tình trạng nghèo nàn, kém phát triển; thực hiện công bằng xã hội,...
- Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết dân tộc trên cơ sở liên minh công – nông và trí thức do Đảng Cộng sản lãnh đạo.
- Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN- nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.
- Tăng trưởng kinh tế gắn liền với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển.

**Câu 233: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (4/2001) xác định mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2001– 2005 như thế nào?**

Phân đấu đạt nhịp độ tăng tổng sản phẩm trong nước bình quân 7,5%.

- Tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững.
- Tạo chuyển biến mạnh về Giáo dục – Đào tạo, Khoa học và Công nghệ.
- Tạo nhiều việc làm, cơ bản xoá đói, giảm số hộ nghèo.
- Đẩy lùi các tệ nạn xã hội.
- Ổn định và cải thiện đời sống nhân dân.
- Hình thành một bước quan trọng thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN.
- Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia.

**Câu 234. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (4/2001) đề ra mục tiêu tổng quát trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội năm 2001– 2010 như thế nào?**

Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường, thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN được hình thành về cơ bản; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao.

**Câu 235. Kể tên các thành phần kinh tế ở nước ta được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (4/2001) xác định.**

- Kinh tế nhà nước.
- Kinh tế tập thể.
- Kinh tế cá thể, tiểu chủ.
- Kinh tế tư bản tư nhân.
- Kinh tế tư bản nhà nước.
- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

**Câu 236. Thời gian họp và chủ đề của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng?**

- Thời gian: Ngày 19 đến 22/04/2001.
- Chủ đề: “Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN”.

**Câu 237. Nội dung cơ bản của Nghị quyết Trung ương 3 khoá IX (9/2001) về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả của các doanh nghiệp nhà nước?**

Nghị quyết khẳng định: kinh tế nhà nước phải giữ vai trò chủ đạo. Doanh nghiệp nhà nước phải đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả, giữ vị trí then chốt trong nền kinh tế của Nhà nước.

**Câu 238. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần 5 khoá IX (02/2002) đã ban hành các nghị quyết quan trọng nào?**

- Nghị quyết về đẩy nhanh, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn thời kỳ 2001– 2010 nhằm phát huy năng lực của các thành phần kinh tế.
- Nghị quyết về đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.
- Nghị quyết về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân.

**Câu 239. Nội dung cơ bản của Nghị quyết Trung ương 5 khoá IX (02/2002) về đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể?**

- Thống nhất nhận thức về các quan điểm phát triển kinh tế tập thể.
- Xác lập môi trường thể chế và tâm lý xã hội thuận lợi cho kinh tế tập thể phát triển.
- Sửa đổi, bổ sung một số cơ chế, chính sách.
- Nâng cao vai trò quản lý của Nhà nước.
- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của liên minh hợp tác xã Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đối với phát triển kinh tế tập thể.

**Câu 240. Nội dung cơ bản của Nghị quyết Trung ương 5 khoá IX (02/2002) về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân?**

- Thống nhất về các quan điểm chỉ đạo phát triển kinh tế tư nhân.
- Tạo môi trường thuận lợi về thể chế và tâm lý xã hội cho sự phát triển kinh tế tư nhân.
- Sửa đổi, bổ sung một số cơ chế, chính sách.
- Tiếp tục hoàn thiện và tăng cường quản lý Nhà nước.
- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và các hiệp hội doanh nghiệp đối với việc phát triển kinh tế tư nhân.

**Câu 241. Nội dung cơ bản của Nghị quyết Trung ương 5 khoá IX (02/2002) về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới?**

- Tình hình tư tưởng, lý luận và công tác tư tưởng, lý luận.
- Phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu và giải pháp công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới.
- Tổ chức thực hiện.

**Câu 242. Nội dung cơ bản của Nghị quyết Trung ương 5 khoá IX (02/2002) về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn?**

- Đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước.
- Đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của tổ chức Đảng ở cơ sở.
- Đổi mới và nâng cao hiệu lực của chính quyền cơ sở.
- Đổi mới công tác Mặt trận và các đoàn thể nhân dân.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở.
- Đổi mới sự chỉ đạo của cấp trên đối với cơ sở.

**Câu 243. Những thành tựu về giáo dục được kết luận tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần 6 khoá IX (7/2002)?**

Qua 5 năm thực hiện nghị quyết, nền giáo dục nước nhà có bước phát triển mới. Nước ta đã đạt chuẩn quốc gia về xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, tiến hành phổ cập trung học cơ sở ở một số tỉnh, thành phố, trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên, chất lượng giáo dục toàn diện có chuyển biến bước đầu. Sự nghiệp giáo dục ngày càng được đề cao và được toàn xã hội quan tâm.

**Câu 244. Những hạn chế về giáo dục được kết luận tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 6 khoá IX (7/2002)?**

Nền giáo dục còn đứng trước nhiều khó khăn, yếu kém, nhất là về chất lượng và quản lý nhà nước về giáo dục. Thi cử còn nặng nề. Xu hướng thương mại hoá một số hoạt động giáo dục đã gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng, chưa có giải pháp hữu hiệu để ngăn chặn. Cơ cấu giáo dục còn bất hợp lý, mất cân đối giữa đào tạo nghề với đại học, giữa các ngành nghề, còn chênh lệch lớn giữa các vùng; nhiều nhu cầu nhân lực của nền kinh tế chưa được đáp ứng.

**Câu 245. Những thành tựu về khoa học và công nghệ được kết luận tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần 6 khoá IX (7/2002)?**

Trong 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khoá VIII, khoa học và công nghệ nước ta đã có những đóng góp thiết thực cho việc phát triển kinh tế – xã hội. Khoa học xã hội và nhân văn đã có những đóng góp quan trọng trong việc khẳng định chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, con đường đi lên CNXH ở nước ta, tham gia vào việc xây dựng Cương lĩnh chính trị của Đảng, xây dựng các văn kiện Đại hội Đảng và hoạch định đường lối, chính sách. Các ngành kinh tế đã chủ động ứng dụng tiến bộ khoa học, đổi mới công nghệ. Trình độ công nghệ ở một số ngành được nâng lên đáng kể; đã có một số mặt hàng xuất khẩu có khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới. Tiềm lực khoa học và công nghệ có bước phát triển mới.

**Câu 246. Những hạn chế về khoa học và công nghệ được kết luận tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần 6 khoá IX (7/2002)?**

Hoạt động khoa học chưa gắn kết chặt chẽ với quá trình phát triển kinh tế – xã hội. Đầu tư ngân sách và đầu tư của xã hội cho phát triển khoa học và công nghệ còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học công nghệ phục vụ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Trình độ công nghệ, cơ sở vật chất kỹ thuật ở nước ta còn thấp so với các nước trong khu vực. Đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ còn thiếu; cơ cấu ngành nghề và phân bố còn nhiều bất hợp lý. Công tác quản lý còn mang tính hành chính; thị trường khoa học – công nghệ chưa phát triển; chưa có cơ chế, chính sách đủ mạnh để vừa khuyến khích, vừa đòi hỏi doanh nghiệp đổi mới công nghệ; thiếu chính sách đối với cán bộ khoa học – công nghệ, nhất là đối với các nhà khoa học có tài và có trình độ cao.

**Câu 247. Nội dung kết luận của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần 6 khoá IX (7/2002) về công tác tổ chức cán bộ?**

- Sau 10 năm thực hiện, tổ chức và cán bộ của hệ thống chính trị ở nước ta đã từng bước được đổi mới. Cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ thể hiện ngày càng cụ thể, rõ nét hơn, đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế thị trường, mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tạo ra tiền đề để tiếp tục hoàn thiện mô hình của hệ thống chính trị ở nước ta trong thời kỳ mới. Đội ngũ cán bộ có bước trưởng thành và tiến bộ, là lực lượng nòng cốt cùng với nhân dân tạo nên thành tựu to lớn trong những năm qua.

- Công tác tổ chức và cán bộ còn nhiều yếu kém, khuyết điểm. Công tác xây dựng Đảng về tổ chức chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Chính phủ còn nhiều đầu mối trực thuộc; việc phân cấp quản lý giữa các bộ và chính quyền địa phương chưa rõ ràng; thủ tục hành chính còn rườm rà và nhiều biểu hiện

tiêu cực; hiệu lực và hiệu quả quản lý của chính quyền các cấp còn nhiều mặt yếu kém,...

**Câu 248. Mục tiêu cơ bản của việc “Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 khoá IX (3/2003)?**

Củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

**Câu 249. Những quan điểm cơ bản của Nghị quyết Trung ương 7 khoá IX (3/2003) về công tác dân tộc?**

- Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là vấn đề cấp bách.
- Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển.
- Phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và an ninh - quốc phòng trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi.
- Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc và miền núi.
- Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành, của toàn bộ hệ thống chính trị.

**Câu 250. Quan điểm, chính sách đối với tôn giáo theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 khoá IX (3/2003)?**

- Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

- Đảng và Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc: đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau; đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo.
- Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng. Mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh là điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các tôn giáo với sự nghiệp chung.
- Công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị.
- Vấn đề theo đạo và truyền đạo: mọi tín đồ đều có quyền truyền đạo tại gia đình và cơ sở thờ tự hợp pháp theo qui định của pháp luật.

**Câu 251. Nội dung cơ bản của Nghị quyết Trung ương 8 khoá IX (7/2003) về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới?**

- Bảo vệ Tổ quốc XHCN, tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ là nhiệm vụ trọng yếu và thường xuyên của Đảng, Nhà nước và toàn dân, trong đó, quân đội nhân dân và công an nhân dân là lực lượng nòng cốt.
- Mục tiêu của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc: bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ; bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; bảo vệ lợi ích quốc gia dân tộc; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và nền văn hoá; giữ vững ổn định chính trị và môi trường hoà bình, phát triển đất nước theo định hướng XHCN.

**Câu 252. Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp hiện nay ở nước ta được xác định tại Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IX?**

- Thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo đúng định hướng XHCN, khắc phục tình trạng nước nghèo, kém phát triển.
- Thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức, bất công.
- Đấu tranh, ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động sai trái, tiêu cực.



- Đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch.
- Bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nước ta thành nước XHCN phồn vinh, nhân dân hạnh phúc.

**Câu 253. Quan điểm của Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IX về việc xác lập chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất chủ yếu?**

Chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất chủ yếu từng bước được xác lập và sẽ chiếm ưu thế tuyệt đối khi CNXH được xây dựng xong về cơ bản. Việc xây dựng quan hệ sản xuất XHCN phải qua nhiều bước, nhiều hình thức từ thấp đến cao với những bước đi vững chắc. Tiêu chuẩn căn bản để đánh giá hiệu quả xây dựng quan hệ sản xuất theo định hướng XHCN là thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, thực hiện công bằng xã hội.

**Câu 254. Cuộc vận động đổi mới, chỉnh đốn Đảng được nêu ra lần đầu tiên trong kỳ họp nào của Đảng? Nội dung cơ bản là gì?**

- Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII.
- Cuộc vận động tiến hành trong 2 năm (19/5/1999– 19/5/2001). Mục đích là để xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao uy tín và thanh danh của Đảng; thực hiện mối quan hệ máu thịt với nhân dân, Đảng – dân một ý chí.

**Câu 255. Nêu quan điểm của Đảng về chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực được trình bày trong văn kiện Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam?**

- Khẳng định thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển.
- Nhiệm vụ đối ngoại trong thời gian tới: tiếp tục giữ vững môi trường hoà bình, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi để đẩy mạnh phát triển

kinh tế – xã hội, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm độc lập và chủ quyền quốc gia, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

**Câu 256. Vai trò của giáo dục – đào tạo đối với công nghiệp hoá, hiện đại hoá được xác định trong văn kiện Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam như thế nào?**

Giáo dục– đào tạo là quốc sách hàng đầu, phát triển giáo dục– đào tạo là một động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, là điều kiện để phát huy nguồn lực con người - yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững.

**Câu 257. Đại hội IX của Đảng nói về vai trò của chủ nghĩa Mác– Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam như thế nào?**

Chủ nghĩa Mác– Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động của toàn Đảng, toàn dân.

**Câu 258. Nêu thứ tự năm và nơi họp của các Đại hội Đảng. Ai được bầu làm Tổng bí thư?**

- Đại hội I: tháng 03/1935– Macao – Lê Hồng Phong.( Năm 1936-1938: Hà Huy Tập; Năm 1938-1940: Nguyễn Văn Cừ; Năm 1940-1951: Trường Chinh)
- Đại hội II: tháng 02/1951– Tuyên Quang- Trường Chinh.
- Đại hội III: tháng 09/1960 – Hà Nội – Lê Duẩn.
- Đại hội IV: tháng 12/1976 – Hà Nội – Lê Duẩn.
- Đại hội V: tháng 03/1982- Hà Nội– Lê Duẩn. (Tháng 7/1986: Trường Chinh).
- Đại hội VI: tháng 12/1986 – Hà Nội - Nguyễn Văn Linh.
- Đại hội VII: tháng 6/1991 – Hà Nội - Đỗ Mười.
- Đại hội VIII: tháng 6/1996- Hà Nội- Đỗ Mười (Tháng 12/1997: Lê Khả Phiêu).

- Đại hội IX: tháng 4/2001 – Hà Nội - Nông Đức Mạnh.
- Đại hội X: tháng 4/2006 – Hà Nội - Nông Đức Mạnh.

**Câu 259. Những thắng lợi to lớn có ý nghĩa dân tộc và thời đại sâu sắc của cách mạng nước ta trong thế kỷ XX?**

- Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thành lập nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, mở ra kỷ nguyên mới: kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với CNXH.
- Thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và bảo vệ Tổ quốc, đưa cả nước tiến lên CNXH.
- Thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước quá độ lên CNXH.

**Câu 260. Những văn kiện quan trọng được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (4/2006)?**

- Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 – 2010.
- Báo cáo công tác xây dựng Đảng.
- Báo cáo về một số vấn đề bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng và dự thảo Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi).
- Báo cáo về kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII trên lĩnh vực đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong nhiệm kỳ Đại hội IX.
- Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX.

**Câu 261. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (4/2006) đánh giá thành tựu của đất nước 5 năm 2001– 2005 như thế nào?**

- Nền kinh tế vượt qua thời kỳ suy giảm, đạt tốc độ tăng trưởng khá cao, năm sau cao hơn năm trước, bình quân trong 5 năm là 7, 51% và phát triển tương đối toàn diện.

- Văn hoá và xã hội có tiến bộ trên nhiều mặt; gắn việc phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội có chuyển biến tốt, nhất là trong công cuộc xoá đói giảm nghèo; đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện.
- Chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng và an ninh được tăng cường; quan hệ đối ngoại có bước phát triển mới.
- Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có tiến bộ trên cả 3 lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp.
- Sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc được phát huy.
- Công tác xây dựng Đảng đạt một số kết quả tích cực.

**Câu 262. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (4/2006) đã chỉ ra nguyên nhân dẫn đến những thành tựu của đất nước ta từ năm 2001 đến năm 2005 là gì?**

- Đường lối đúng đắn của Đảng.
- Sự quản lý thống nhất theo pháp luật của Nhà nước.
- Sự điều hành năng động của Chính phủ và sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân.
- Sự tác động tích cực của những cơ chế, chính sách đã ban hành.
- Kết quả đầu tư trong nhiều năm làm cho năng lực sản xuất của nhiều ngành và toàn bộ nền kinh tế tăng khá.

**Câu 263. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (4/2006) đã chỉ ra những khuyết điểm, yếu kém của đất nước từ năm 2001 đến năm 2005 như thế nào?**

- Tăng trưởng kinh tế chưa tương xứng với khả năng; chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn kém; cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm.
- Cơ chế, chính sách về văn hoá – xã hội chậm đổi mới; nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết tốt.
- Các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại còn một số mặt hạn chế.

- Tổ chức và hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân còn một số khâu chậm đổi mới.
- Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng chưa đạt yêu cầu.

**Câu 264. Nguyên nhân chủ quan của những khuyết điểm, yếu kém từ năm 2001 đến năm 2005?**

- Tư duy của Đảng trên một số lĩnh vực chậm đổi mới; một số vấn đề ở tầm quan điểm, chủ trương lớn chậm làm rõ nên chưa đạt được sự thống nhất cao về nhận thức và thiếu dứt khoát trong hoạch định chính sách, chỉ đạo điều hành.
- Sự chỉ đạo tổ chức thực hiện chưa tốt, nhất là trong 3 lĩnh vực: xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, tạo bước chuyển mạnh và phát triển nguồn nhân lực, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị.
- Một bộ phận cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ chủ chốt các cấp yếu kém về phẩm chất, năng lực và tinh thần trách nhiệm, vừa thiếu tính tiên phong gương mẫu, vừa không đủ trình độ năng lực hoàn thành nhiệm vụ.

**Câu 265. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (4/2006) đánh giá thế nào về những thành tựu của 20 năm đổi mới?**

Hai mươi năm qua, với sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, công cuộc đổi mới ở nước ta đã đạt những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử.

**Câu 266. Hãy nêu những thành tựu của 20 năm đổi mới được xác định tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (4/2006)?**

- Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, có sự thay đổi cơ bản và toàn diện.
- Kinh tế tăng trưởng khá nhanh; sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá phát triển, kinh tế thị trường định hướng XHCN đang đẩy mạnh.
- Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt.

- Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường.
- Chính trị - xã hội ổn định.
- Quốc phòng và an ninh được giữ vững.
- Vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng nâng cao.
- Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên rất nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp.
- Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội XHCN ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản.

**Câu 267. Những bài học lớn của 20 năm đổi mới được xác định tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (4/2006)?**

- Trong quá trình đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.
- Đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới.
- Phát huy cao độ nội lực, đồng thời ra sức khai thác ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.
- Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ XHCN, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

**Câu 268. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (4/2006) đánh giá xu thế của thế giới trong những năm sắp tới như thế nào?**

- Hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn.
- Kinh tế thế giới và khu vực tiếp tục phục hồi và phát triển, nhưng vẫn tiềm ẩn những yếu tố bất trắc khó lường.

- Toàn cầu hoá kinh tế tạo ra cơ hội nhưng cũng chứa đựng nhiều yếu tố bất bình đẳng, gây khó khăn, thách thức cho các quốc gia, nhất là các nước đang phát triển.
- Khoa học và công nghệ sẽ có những bước đột phá mới.
- Những cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, tranh chấp về lãnh thổ và tài nguyên thiên nhiên tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp.
- Nhiều vấn đề toàn cầu bức xúc đòi hỏi các quốc gia và các tổ chức quốc tế phải phối hợp giải quyết.
- Ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương và Đông Nam Á xu thế hoà bình, hợp tác và phát triển tiếp tục gia tăng, nhưng luôn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định.

**Câu 269. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (4/2006)**

**đánh giá tình hình Việt Nam trong những năm sắp tới như thế nào?**

- Những thành tựu trong 5 năm 2001– 2005 và 20 năm đổi mới tạo thêm nhiều thuận lợi cho đất nước ta đổi mới, phát triển kinh tế- xã hội với nhịp độ nhanh hơn, chất lượng cao hơn.
- Nước ta đang đứng trước nhiều thách thức lớn, đan xen nhau, tác động tổng hợp và diễn biến phức tạp, không thể coi thường bất cứ thách thức nào.
- Nguy cơ tụt hậu về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới vẫn tồn tại.
- Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên gắn liền với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí vẫn diễn ra nghiêm trọng chưa được ngăn chặn có hiệu quả.
- Những biểu hiện xa rời mục tiêu, lý tưởng của CNXH chưa được khắc phục.

- Các thế lực thù địch vẫn ráo riết thực hiện âm mưu diễn biến hoà bình, gây bạo loạn lật đổ, sử dụng các chiêu bài dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo hòng làm thay đổi chế độ chính trị ở nước ta.

**Câu 270. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (4/2006) đánh giá thế nào về công tác xây dựng Đảng?**

Xây dựng Đảng với vai trò là nhiệm vụ then chốt càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là vấn đề sống còn đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.



## TỰ LUẬN

**Chủ đề 1: Các cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đã tác động đến sự chuyển biến về xã hội, các giai cấp và mâu thuẫn của xã hội Việt Nam như thế nào?**

Sau khi cơ bản hoàn thành giai đoạn vũ trang xâm lược nước ta, Pháp tiến hành các cuộc khai thác và thiết lập bộ máy thống trị. Chính sách cai trị của Pháp đã tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội Việt Nam.

1. Sự chuyển biến về xã hội: Trình bày sự chuyển biến trên các lĩnh vực.

a. Trên lĩnh vực kinh tế:

- Pháp tiến hành các cuộc khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- Mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hoá ế thừa của chính quốc.
- Duy trì hình thức bóc lột phong kiến.
- Thiết lập phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Với chính sách cai trị như vậy, nền kinh tế Việt Nam vẫn lạc hậu và hoàn toàn phụ thuộc vào nền kinh tế Pháp.

b. Trên lĩnh vực chính trị:

- Thực hiện chính sách cai trị trực tiếp và thẳng tay đàn áp.
- Thi hành chế độ chuyên chế về chính trị.
- Thu tiêu mọi quyền tự do và dân chủ.
- Thực hiện chính sách chia để trị.

c. Trên lĩnh vực văn hoá:

- Thi hành chính sách ngu dân, nô dịch, gây tâm lý tự ty vong bản.
  - Ngăn chặn mọi ảnh hưởng của nền văn hoá dân chủ, tiến bộ vào Việt Nam.
- Khuyến khích cờ bạc, rượu chè, hút xách, mê tín dị đoan,...
- Lập ra nhà tù nhiều hơn trường học.

Kết luận: Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, xã hội Việt Nam đã chuyển từ chế độ phong kiến độc lập thành chế độ thuộc địa nửa phong kiến.

## 2. Sự chuyển biến về giai cấp:

### a. Sự chuyển biến về giai cấp:

Xã hội Việt Nam phong kiến độc lập chỉ có hai giai cấp cơ bản là giai cấp địa chủ phong kiến và giai cấp nông dân. Khi trở thành xã hội thuộc địa nửa phong kiến, bên cạnh hai giai cấp cũ, xã hội Việt Nam đã xuất hiện các giai cấp mới. Đó là sự xuất hiện của giai cấp tư sản, giai cấp tiểu tư sản và giai cấp công nhân.

### b. Đặc điểm của từng giai cấp:

- Giai cấp địa chủ phong kiến:

- Cấu kết chặt chẽ với Pháp, làm tay sai cho Pháp.
- Quyền lợi kinh tế gắn liền với quyền lợi của Pháp.
- Mâu thuẫn với Pháp về quyền lợi kinh tế và chính trị (do Pháp thực hiện chính sách độc quyền về kinh tế và chuyên chế về chính trị).

- Giai cấp tư sản Việt Nam:

- Hình thành và phát triển trong quá trình khai thác của Pháp ở Việt Nam.
- Giai cấp này được chia làm hai loại: Tư sản mại bản và tư sản dân tộc.

\* Tư sản mại bản: Giai cấp này thu gom nguyên liệu cho đế quốc, góp vốn cùng với đế quốc kinh doanh công thương nghiệp hoặc bao thầu những công trình xây dựng của bọn thực dân.

\* Tư sản dân tộc Việt Nam: Giai cấp này chỉ nắm những thành phần kinh tế phụ. Có mâu thuẫn về quyền lợi với đế quốc và phong kiến nên có khuynh hướng dân tộc và dân chủ. Song, do có liên hệ kinh tế với đế quốc và địa chủ nên họ có thái độ cải lương. Mặt cải lương của họ là chủ yếu.

- Giai cấp tiểu tư sản Việt Nam:

- Bao gồm nhiều tầng lớp: thợ thủ công, tiểu thương, tiểu chủ, viên chức, trí thức, sinh viên, học sinh,...
- Địa vị kinh tế bấp bênh.
- Có ý tưởng dân tộc, dân chủ, tự do, có tinh thần yêu nước,... nên họ hăng hái tham gia cách mạng.
- Dễ ngã nghiêng dao động và kém bền bỉ.

- Giai cấp nông dân Việt Nam:

- Chiếm 90% dân số.
- Bị đế quốc, phong kiến và tư sản áp bức bóc lột nặng nề. Một bộ phận phá sản phải bỏ ruộng đồng vào làm thuê cho các nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ,... và trở thành công nhân.
- Không chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa cải lương tư bản và không đi theo giai cấp tư sản.
- Có tinh thần cách mạng dõng dạc. Là lực lượng to lớn của cách mạng.

- Giai cấp công nhân Việt Nam:

- Là sản phẩm trực tiếp của chính sách khai thác của thực dân Pháp ở Việt Nam.
- Mang đầy đủ đặc điểm của giai cấp vô sản hiện đại: tiên tiến, triệt để cách mạng, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, có tinh thần đoàn kết quốc tế,...
- Có những đặc điểm riêng: xuất thân từ nông dân, có tinh thần cách mạng triệt để do mối thù dân tộc và thù giai cấp hoà làm một, ra đời trước giai cấp tư sản Việt Nam, bước lên vũ đài chính trị sau khi Cách mạng Tháng Mười Nga thành công.

Trong tất cả các giai cấp thì giai cấp công nhân Việt Nam là giai cấp duy nhất xứng đáng nắm lấy ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

3. Những mâu thuẫn của xã hội Việt Nam:

- Mâu thuẫn cũ - mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến- vẫn tồn tại.

- Xuất hiện mâu thuẫn cơ bản mới: Mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai. Mâu thuẫn này ngày càng gay gắt và trở thành mâu thuẫn cơ bản chủ yếu.

Kết luận: Xã hội Việt Nam muốn phát triển đi lên phải giải quyết đồng thời cả hai mâu thuẫn. Cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc không tách rời cuộc đấu tranh giành dân chủ tự do.

**Chủ đề 2: Tại sao trong quá trình đi tìm đường cứu nước (1911 - 1920) Nguyễn Ái Quốc đã chọn con đường cách mạng vô sản?**

1. Phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX:

Năm 1858, thực dân Pháp nổ tiếng súng đầu tiên xâm lược nước ta. Nhân dân ta không ngừng đứng lên đấu tranh bảo vệ Tổ quốc. Song, các phong trào yêu nước ở Việt Nam cho đến những năm đầu thế kỷ XX vẫn chưa giành được thắng lợi nào. Trong đó phải kể đến một số phong trào sau:

a. Phong trào Đông Du (1906 - 1908): Do Phan Bội Châu lãnh đạo.

- Phong trào mở đầu cho cuộc vận động giải phóng dân tộc theo khuynh hướng dân chủ tư sản.
- Chủ trương đưa một số thanh niên tiên tiến đi du học và dùng văn thơ yêu nước để thức tỉnh quốc dân.

b. Phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục (1907):

- Diễn ra dưới các hình thức tuyên truyền cải cách văn hoá, xã hội, hô hào thực nghiệp.
- Đả phá tư tưởng và lễ thói phong kiến.
- Cổ vũ lòng yêu nước.
- Vận động học chữ quốc ngữ.

c. Phong trào Duy Tân (1906 - 1908):

- Vận động cải cách văn hoá, xã hội.

- Động viên lòng yêu nước, đả kích bọn vua quan phong kiến.
- Đề xướng tư tưởng dân chủ tư sản với các yêu cầu “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”.

Kết luận: Tất cả các phong trào đều thất bại và đều bị thực dân Pháp thẳng tay đàn áp. Vấn đề độc lập dân tộc vẫn không được giải quyết trước hết là do không có một đường lối cách mạng đúng đắn dưới sự chỉ đạo của một hệ tư tưởng tiên tiến, cách mạng và khoa học.

## 2. Con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc - con đường cách mạng vô sản:

### a. Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước và bắt gặp chủ nghĩa Mác- Lênin:

- Nguyễn Ái Quốc nghiên cứu các cuộc cách mạng điển hình trên thế giới: cách mạng Anh, Pháp, Mỹ, Cách mạng tháng Mười Nga. Người đi đến kết luận: chỉ có Cách mạng Tháng Mười là triệt để nhất.
- Tháng 7/1920, Nguyễn Ái Quốc đọc Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương về những vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin. Luận cương ảnh hưởng quyết định đến lập trường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc: Người đến với Chủ nghĩa Mác- Lênin và tán thành Quốc tế III.
- Người tìm thấy con đường duy nhất đúng đắn để cứu nước, cứu dân. Đó là: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”.

### b. Nguyễn Ái Quốc chọn con đường cách mạng vô sản:

Sự chọn lựa của Nguyễn Ái Quốc dựa trên hai căn cứ chủ yếu:

- Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới giải phóng triệt để giai cấp vô sản và nhân dân lao động khỏi ách áp bức, bóc lột, bắt công, ... mới đem lại cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân và đưa nhân dân lao động lên vai trò làm chủ của xã hội. Độc lập dân tộc chỉ có gắn với chủ nghĩa xã hội thì mới vững chắc.
- Cách mạng tháng Mười năm 1917 thành công đã mở ra thời đại mới- thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Tính chất

của thời đại mới đã tạo ra khả năng hiện thực cho các dân tộc lạc hậu tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Kết luận: Con đường cách mạng vô sản- Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội- là con đường hợp quy luật khách quan của cách mạng nước ta, đáp ứng khát vọng ngàn đời của nhân dân ta. Đó là: độc lập cho dân tộc, ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân.

**Chủ đề 3: Trình bày quá trình chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản ở Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc.**

### 1. Quá trình chuẩn bị về tư tưởng, chính trị:

Đó là quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác Lênin vào Việt Nam bằng sách, báo với những nội dung cơ bản như:

- Cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận của cách mạng vô sản.
- Cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa quan hệ khăng khít với cách mạng vô sản ở chính quốc.
- Vạch trần bản chất xâm lược, phản động, bóc lột, đàn áp tàn bạo của chủ nghĩa thực dân.
- Chỉ ra đường lối chiến lược cách mạng ở các nước thuộc địa là làm cách mạng giải phóng dân tộc tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Song, trước hết phải giải phóng dân tộc, phải đánh đuổi bọn đế quốc, giành lấy độc lập, tự do.
- Giai cấp công nhân có sứ mệnh lãnh đạo cách mạng đến thắng lợi cuối cùng.
  - Về lực lượng cách mạng: công nông là gốc của cách mạng, học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ là bầu bạn cách mạng của công, nông.
  - Về phương pháp cách mạng: cách mạng bạo lực.
  - Cách mạng muốn thắng lợi trước hết phải có Đảng cách mệnh.

- Về đoàn kết quốc tế: Cách mạng Việt Nam là bộ phận của cách mạng thế giới.

Như vậy, hệ thống quan điểm và lý luận về con đường cách mạng của Hồ Chí Minh được truyền vào Việt Nam đã trở thành tư tưởng cách mạng hướng đạo phong trào dân tộc và các tổ chức chính trị theo khuynh hướng cách mạng vô sản, dẫn đến sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam.

## 2. Quá trình chuẩn bị về tổ chức:

### a. Thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên:

- Nhiệm vụ: Truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam, dẫn dắt phong trào giải phóng dân tộc đi đúng hướng, bồi dưỡng phong trào công nhân mau phát triển.
  - Biện pháp: thực hiện chủ trương "vô sản hoá".
  - Kết quả:
    - Chủ nghĩa Mác - Lênin thực sự thâm nhập vào phong trào công nhân. Phong trào công nhân phát triển mạnh và trở thành phong trào mang tính chất tự giác. Phong trào đòi hỏi phải có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.
    - Chủ nghĩa Mác- Lênin thâm nhập vào phong trào yêu nước. Phong trào phát triển cả về số lượng và chất lượng. Phong trào đòi hỏi phải có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.
- Trước đòi hỏi của phong trào, ba tổ chức Cộng sản đã lần lượt ra đời: Đông Dương Cộng sản đảng (06/1929), An Nam Cộng sản đảng (08/1929) và Đông Dương Cộng sản liên đoàn (09/1929).

### b. Chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam:

- Yêu cầu của lịch sử lúc bấy giờ là phải hợp nhất ba tổ chức lại thành một.
- Từ ngày 06/01 đến ngày 07/02/1930, Nguyễn Ái Quốc đã chủ trì Hội nghị hợp nhất ba tổ chức Cộng sản thành một Đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Kết luận: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam gắn liền với tên tuổi của Nguyễn Ái Quốc- Người chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

**Chủ đề 4: Trình bày các yếu tố hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam và ý nghĩa của việc thành lập Đảng năm 1930.**

1. Các yếu tố hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam:

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả của sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam.

a. Chủ nghĩa Mác-Lênin:

- Chủ nghĩa Mác-Lênin được truyền bá vào Việt Nam bằng sách, báo. Qua sách, báo, nhân dân ta nhận rõ hơn tội ác của thực dân Pháp, bước đầu hiểu về Cách mạng Tháng Mười và Lênin, khơi sâu lòng căm thù bọn thực dân đế quốc, làm bừng sáng trong nhận thức về con đường cách mạng duy nhất đúng đắn - con đường của chủ nghĩa Mác - Lênin.
- Chủ nghĩa Mác - Lênin được truyền bá vào Việt Nam thông qua hoạt động của tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (06/1925). Nhiệm vụ của tổ chức này là truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.
- Chủ nghĩa Mác - Lênin đã thực sự thâm nhập vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

b. Phong trào công nhân Việt Nam:

- Phong trào công nhân Việt Nam trước khi tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin:
  - Là phong trào riêng bên cạnh các phong trào tư sản, tiểu tư sản khác.
  - Giai cấp công nhân chưa trở thành một lực lượng chính trị độc lập.
  - Phong trào đấu tranh còn mang tính tự phát.
- Phong trào công nhân Việt Nam sau khi tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin:



- Phong trào phát triển nhảy vọt và trở thành nòng cốt của phong trào cách mạng trong nước.
- Chủ nghĩa Mác - Lênin trở thành hệ tư tưởng cách mạng duy nhất lãnh đạo toàn bộ phong trào công nhân.
- Phong trào đấu tranh mang tính chất tự giác.

c. Phong trào yêu nước Việt Nam:

- Phong trào yêu nước Việt Nam trước khi tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin: Phong trào diễn ra liên tục, sôi nổi, mang nhiều màu sắc khác nhau.

- Phong trào yêu nước Việt Nam sau khi tiếp thu chủ nghĩa Mác- Lênin:

- Chủ nghĩa Mác - Lênin trở thành hệ tư tưởng lãnh đạo phong trào.
- Phong trào phát triển mạnh. Tính chất nhân dân và tinh thần chiến đấu vì mục đích giành độc lập dân tộc có xu thế vươn lên.

Như vậy, sau khi chủ nghĩa Mác - Lênin thâm nhập, phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam có chuyển biến rõ rệt. Thực tiễn phong trào đòi hỏi phải có sự lãnh đạo của một chính Đảng. Trước yêu cầu đó, ba tổ chức Cộng sản lần lượt ra đời.

Sự tồn tại và hoạt động cùng một lúc ba tổ chức Cộng sản đã làm yếu phong trào cách mạng và làm lợi cho kẻ thù. Yêu cầu bức thiết của cách mạng Việt Nam lúc này là phải có một Đảng Cộng sản thống nhất trong cả nước.

Trước yêu cầu mới của lịch sử, Hồ Chí Minh đã tổ chức Hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản thành một Đảng Cộng sản duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả của sự kết hợp bởi ba yếu tố: chủ nghĩa Mác - Lênin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

2. Ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930:

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp ở nước ta trong thời đại mới, là kết quả của sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước trong những năm đầu của thế kỷ XX.

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Sự ra đời của Đảng đã chấm dứt thời kỳ bế tắc, khủng hoảng về đường lối cứu nước hơn hai phần ba thế kỷ, kể từ khi thực dân Pháp xâm lược.
- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời chứng tỏ giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng Việt Nam.
- Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam gắn liền với tên tuổi Hồ Chí Minh - Người đã sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta.

**Chủ đề 5: Trình bày nội dung cơ bản về đường lối cách mạng Việt Nam được nêu lên trong Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt và được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng tháng 02/1930.**

Hội nghị thành lập Đảng tháng 2/1930 đã thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt. Hai văn kiện trên đã nêu lên những nội dung cơ bản về đường lối cách mạng Việt Nam của Đảng.

**1. Chính cương vắn tắt:**

- Đảng chủ trương làm “tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để tiến tới xã hội cộng sản”.
- Nhiệm vụ của cuộc cách mạng về phương diện chính trị, kinh tế, xã hội là:
  - Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến, làm cho nước Nam hoàn toàn độc lập; dựng ra chính phủ công nông binh; tổ chức ra quân đội công nông.
  - Tịch thu toàn bộ sản nghiệp lớn của bọn đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho chính phủ công nông binh, tịch thu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công và chia cho dân nghèo, tiến hành cách mạng ruộng đất, miễn thuế cho dân nghèo, mở mang công nghiệp và nông nghiệp, thi hành luật ngày làm tám giờ.

- Dân chúng được tự do tổ chức, nam nữ bình quyền, phổ thông giáo dục theo hướng công nông hoá.

Các nhiệm vụ đề ra bao gồm cả hai nội dung dân tộc và dân chủ, chống đế quốc và chống phong kiến, trong đó, nổi bật lên là nhiệm vụ chống đế quốc và tay sai phong kiến, giành độc lập cho toàn thể nhân dân.

## 2. Sách lược văn tắt:

- Đảng chủ trương tập hợp đại bộ phận giai cấp công nhân, nông dân và phải dựa vào hạng dân cày nghèo, lãnh đạo họ làm cách mạng ruộng đất; Đảng phải hết sức lôi kéo tiểu tư sản, trí thức, trung nông... về phía giai cấp vô sản; đối với phú nông, trung tiểu chủ và tư bản Việt Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng hoặc làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào ra mặt phản bội thì đánh đổ. Trong khi liên lạc với giai cấp phải cẩn thận, không được đi vào đường lối thoả hiệp.
- Đảng là đội tiên phong của giai cấp vô sản, phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng.
- Đảng phải liên kết với các dân tộc bị áp bức và quần chúng vô sản trên thế giới, nhất là giai cấp vô sản Pháp.

Kết luận: Chính cương văn tắt và Sách lược văn tắt do Hồ Chí Minh soạn thảo là Cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đó là Cương lĩnh cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn và sáng tạo, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại mới, nhuần nhuyễn về quan điểm giai cấp, thấm đượm tinh thần dân tộc. Độc lập dân tộc gắn liền với định hướng tiến lên chủ nghĩa xã hội là tư tưởng cốt lõi của Cương lĩnh.

**Chủ đề 6: Trình bày nội dung cơ bản của bản Luận cương chính trị (10/1930) của Đảng Cộng sản Đông Dương.**

## 1. Hoàn cảnh lịch sử:

- Phong trào cách mạng phát triển mạnh và tiến dần lên thành cao trào.
- Chính cương, Sách lược vắn tắt mới nêu lên những nét phác thảo về con đường của cách mạng Việt Nam.
- Tháng 04/1930, Trần Phú về nước, được bổ sung vào Ban Chấp hành lâm thời và được phân công cùng Ban Thường vụ Trung ương dự thảo Luận cương chính trị của Đảng.
- Từ ngày 14 đến ngày 31/10/1930, Ban Chấp hành Trung ương họp Hội nghị lần thứ nhất tại Hương cảng do Trần Phú chủ trì. Hội nghị quyết định đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản Đông Dương, thông qua Nghị quyết “Về tình hình hiện tại ở Đông Dương và nhiệm vụ cần kíp của Đảng”, thông qua Điều lệ Đảng và Luận cương chính trị của Đảng.

## 2. Nội dung Luận cương chính trị:

- Về mâu thuẫn giai cấp: Mâu thuẫn diễn ra gay gắt "một bên thì thợ thuyền, dân cày và các phân tử lao khổ; một bên thì địa chủ, phong kiến, tư bản và đế quốc chủ nghĩa".
- Về phương hướng chiến lược cách mạng Đông Dương: Trong lúc đầu sẽ làm cách mạng tư sản dân quyền có tính chất thổ địa và phản đế. Tư sản dân quyền cách mạng là thời kỳ dự bị để làm xã hội cách mạng. Sau khi tư sản dân quyền thắng lợi sẽ tiếp tục phát triển bỏ qua thời kỳ tư bản mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa .
- Về nhiệm vụ cách mạng: Sự cốt yếu của cách mạng tư sản dân quyền là đánh đổ các di tích phong kiến, thực hành thổ địa triệt để; tranh đấu để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Hai nhiệm vụ chiến lược đó có quan hệ khăng khít với nhau, trong đó vấn đề thổ địa là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền", là cơ sở để Đảng giành quyền lãnh đạo dân cày.
- Về lực lượng cách mạng: "Giai cấp vô sản và nông dân là hai động lực chính của cách mạng tư sản dân quyền, trong đó giai cấp vô sản là động lực chính và mạnh, là giai cấp lãnh đạo cách mạng, nông dân là động

lực mạnh của cách mạng, còn những giai cấp và tầng lớp khác ngoài công nông như tư sản thương nghiệp thì đứng về phía đế quốc chống cách mạng, còn tư sản công nghiệp thì đứng về phía quốc gia cải lương và khi cách mạng phát triển cao thì họ theo đế quốc. Trong giai cấp tiểu tư sản, bộ phận thủ công nghiệp thì có thái độ do dự; tiểu tư sản thương gia thì không tán thành cách mạng; tiểu tư sản trí thức thì có xu hướng quốc gia chủ nghĩa và chỉ có thể hăng hái tham gia chống đế quốc trong thời kì đầu. chỉ có các phần tử lao khổ ở đô thị như những người bán hàng rong, thợ thủ công nhỏ, trí thức thất nghiệp thì mới đi theo cách mạng mà thôi."

- Về phương pháp cách mạng: lúc thường thì tùy theo tình hình mà đặt khẩu hiệu "phần ít" để dắt vô sản giai cấp và dân cày ra chiến trường cách mạng. Đến lúc có tình thế cách mạng, Đảng phải lập tức lãnh đạo quần chúng sử dụng bạo lực cách mạng giành chính quyền.

- Về lãnh đạo cách mạng: Điều kiện cốt yếu cho thắng lợi của cách mạng Đông Dương là cần phải có một Đảng Cộng sản có đường lối chính trị đúng, có kỷ luật tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng và từng trải tranh đấu mà trưởng thành. Đảng là đội tiên phong của giai cấp vô sản, lấy chủ nghĩa Mác- Lênin làm nòng cốt.

- Về quan hệ quốc tế: Cách mạng Đông Dương là một bộ phận của cách mạng thế giới; vì thế vô sản Đông Dương phải liên lạc mật thiết với vô sản thế giới, nhất là vô sản Pháp.

### 3. Nhận xét:

#### a. Ưu điểm:

Luận cương đã khẳng định lại nhiều vấn đề căn bản thuộc về chiến lược cách mạng ở nước ta mà Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt đã nêu.

#### b. Hạn chế:

Hạn chế của Luận cương chính trị là không đặt vấn đề dân tộc lên hàng đầu mà nặng về vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp. Luận cương không đề ra được một liên minh dân tộc và giai cấp rộng rãi trong cuộc

đấu tranh chống đế quốc Pháp và tay sai, chưa đánh giá đúng mức vai trò cách mạng của giai cấp tiểu tư sản; phủ nhận mặt tích cực của tư sản dân tộc, cường điệu mặt hạn chế của họ; chưa thấy được khả năng phân hoá và lôi kéo một bộ phận giai cấp địa chủ vừa và nhỏ trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

**Chủ đề 7: Trình bày hoàn cảnh lịch sử và nội dung sự điều chỉnh chiến lược cách mạng của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6 (11/1939).**

**1. Hoàn cảnh lịch sử:**

- Chiến tranh thế giới thứ 2 bùng nổ, Pháp tham chiến. Ở Đông Dương, Pháp thi hành chính sách cai trị thời chiến.
- Chính sách cai trị của thực dân Pháp đã làm đảo lộn mọi mặt đời sống của nhân dân ta.
- Chính sách cai trị của Pháp đã làm cho mâu thuẫn giữa dân tộc ta với đế quốc Pháp xâm lược phát triển ngày càng gay gắt, quyết liệt.

Sự chuyển biến của tình hình đòi hỏi Trung ương Đảng phải kịp thời điều chỉnh chiến lược cách mạng, định ra chủ trương, chính sách mới phù hợp.

- Tháng 11/1939, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 6 diễn ra tại Bà Điểm, Hóc Môn do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chủ trì.

**2. Nội dung sự điều chỉnh chiến lược cách mạng của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 6 (11/1939):**

**a. Nhân định:**

- Đông Dương bị lôi cuốn vào guồng máy chiến tranh do đế quốc gây ra. Chế độ cai trị ở Đông Dương trở thành chế độ phát xít. Dưới ách thống trị phát xít, nhân dân Đông Dương sẽ rơi vào cảnh đói rét, phá sản, chết chóc hàng loạt.

- Hội nghị dự đoán: Nhật sẽ vào Đông Dương và Pháp sẽ đầu hàng Nhật.
- So với thời kỳ chiến tranh thế giới thứ nhất, cách mạng Đông Dương có nhiều nhân tố mới thuận lợi: Bọn đế quốc đang lún sâu trong cuộc tổng khủng hoảng kinh tế, bọn tay sai hoàn toàn lộ mặt phản động, nhân dân sẽ vùng dậy đánh đổ đế quốc, Đảng Cộng sản Đông Dương là Đảng triệt để cách mạng và tận tụy vì dân; phong trào cách mạng thế giới đang phát triển mạnh,...
- Mâu thuẫn giữa dân tộc với đế quốc là mâu thuẫn chủ yếu và gay gắt nhất, mâu thuẫn này phát triển đến mức đối kháng quyết liệt và đòi hỏi phải được giải quyết.

**b. Chủ trương:**

Chuyển hướng chỉ đạo chiến lược nhằm tập trung giải quyết nhiệm vụ hàng đầu là đánh đổ đế quốc và tay sai, giành lại độc lập dân tộc.

- Tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất chỉ tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc.
- Thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận Dân chủ. Lực lượng chính của Mặt trận là: công nhân, nông dân, đoàn kết với các tầng lớp tiểu tư sản thành thị và nông thôn, đồng minh trong chốc lát hoặc cô lập giai cấp tư sản bản xứ, trung, tiểu địa chủ.

Mặt trận do giai cấp công nhân lãnh đạo.

- Chủ trương chuyển hướng về tổ chức: vừa xây dựng tổ chức hợp pháp, đơn giản rộng rãi, vừa xây dựng các đoàn thể quần chúng cách mạng bí mật. Xoay tất cả các cuộc đấu tranh vào hướng trung tâm là chống đế quốc và tay sai.
- Về xây dựng Đảng: Đảng phải liên lạc mật thiết với quần chúng. Phải khôi phục hệ thống tổ chức Đảng. Phải vũ trang lý luận cách mạng. Phải thực hiện phê và tự phê bình. Phải đấu tranh chống khuynh hướng hữu và "tả" khuynh.

### 3. Ý nghĩa:

- Hội nghị Trung ương Đảng lần 6 (11/1939) đánh dấu bước chuyển hướng quan trọng về đường lối và phương hướng cách mạng trong thời kỳ cách mạng chuyển từ đấu tranh dân sinh, dân chủ sang trực tiếp đánh đổ đế quốc và tay sai.
- Hội nghị sớm nêu ra phương hướng chiến lược tập trung mũi nhọn của cách mạng vào đế quốc và tay sai, chuẩn bị điều kiện trực tiếp cho việc giành chính quyền.
- Chủ trương của Hội nghị đã góp phần làm phong phú kho tàng lý luận của Đảng ta về cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

**Chủ đề 8: Hội nghị lần thứ 8 (05/1941) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng do Nguyễn Ái Quốc chủ trì đã đề ra những vấn đề cơ bản về chiến lược cách mạng giải phóng dân tộc ở nước ta như thế nào?**

### 1. Hoàn cảnh lịch sử:

- Diễn biến của cuộc chiến tranh thế giới thứ II mở ra nhiều cơ hội mới cho phong trào giải phóng dân tộc.
- Phong trào đấu tranh của nhân dân ta ngày càng phát triển đòi hỏi Đảng phải có chỉ đạo sát sao, nhạy bén và tập trung hơn nữa.
- Ngày 08/02/1941, Nguyễn Ái Quốc bí mật về nước ở vùng Pắc Bó. Người bắt tay ngay vào việc xây dựng nghị quyết và chuẩn bị triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 8.
- Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 8 diễn ra tháng 5/1941 tại Pắc Bó, Cao Bằng do Nguyễn Ái Quốc chủ trì.



2. Những vấn đề cơ bản về chiến lược cách mạng giải phóng dân tộc ở nước ta được đề ra tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần 8 (05/1941):

- Đặt ngọn cờ giải phóng dân tộc lên hàng đầu:
  - Tạm gác nhiệm vụ cách mạng ruộng đất.
  - Thống nhất lực lượng cách mạng trên toàn cõi Đông Dương.
- Giành quyền độc lập tự do cho các dân tộc Đông Dương theo quan điểm thực hiện quyền dân tộc tự quyết. Ở Việt Nam, sau khi đánh đuổi Pháp - Nhật sẽ lập nên nước Việt Nam mới theo chế độ Dân chủ Cộng hoà.
- Hội nghị xác định tính chất của cuộc cách mạng: Lúc này, cách mạng Đông Dương mang tính chất là “cách mạng dân tộc giải phóng”.
- Về Mặt trận: Phải có một tên mới có tính chất dân tộc hơn, có sức mạnh hiệu triệu đồng bào trong nước. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 8 chủ trương lấy tên là Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh gọi tắt là Mặt trận Việt Minh. Các giới quần chúng được tổ chức và tập hợp trong các Hội cứu quốc: Hội Nông dân cứu quốc, Hội Thanh niên cứu quốc, Hội Phụ nữ cứu quốc,...
- Hội nghị xác định vị trí, điều kiện, hình thức khởi nghĩa:
  - Nhận định điều kiện để cuộc khởi nghĩa nổ ra thắng lợi: giai cấp thống trị lâm vào khủng hoảng đến cực điểm, nhân dân không thể sống dưới ách thống trị của Nhật - Pháp, sẵn sàng vùng dậy khởi nghĩa, phe dân chủ đại thắng ở mặt trận Thái Bình Dương, Mặt trận cứu quốc đã thống nhất trên toàn quốc.
  - Ra sức chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, đi từ khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền ở địa phương, tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.
- Về xây dựng Đảng: Yêu cầu của công tác xây dựng Đảng lúc này là nhằm làm cho Đảng có đủ năng lực lãnh đạo cách mạng Đông Dương đi đến toàn thắng.

- Tổ chức Đảng ở miền Nam giúp đỡ việc xây dựng Đảng ở Campuchia.
- Tổ chức Đảng ở miền Trung giúp việc xây dựng Đảng ở Lào.

### 3. Ý nghĩa:

- Sự điều chỉnh chiến lược cách mạng tư sản dân quyền của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần 8 (5/1941) chính là sự kế tục và hoàn chỉnh tư tưởng cách mạng giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh đã vạch ra trong Cương lĩnh tháng 02/1930. Đây là bước trưởng thành vượt bậc của Đảng ta về lãnh đạo chính trị, về xây dựng đường lối cách mạng giải phóng dân tộc.
- Sự điều chỉnh chiến lược trên rất đúng đắn, sáng tạo, phát huy được tiềm năng, sức mạnh của toàn dân tộc, trực tiếp dẫn đến thành công của cuộc tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945.

**Chủ đề 9: Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta chuẩn bị lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang để tiến lên khởi nghĩa giành chính quyền trong thời kỳ 1939 - 1945 như thế nào?**

Cuộc vận động giải phóng dân tộc thời kỳ 1939 - 1945 dưới sự lãnh đạo của Đảng diễn ra sôi động, khẩn trương và hiệu quả. Thể hiện qua các hoạt động như sau:

#### 1. Xây dựng lực lượng chính trị quần chúng:

Nêu cao ngọn cờ cứu quốc, Đảng vận động xây dựng lực lượng quần chúng.

- Tổ chức các đoàn thể cứu quốc ở các nông thôn và đô thị. Trên cơ sở đó, xây dựng Mặt trận Việt Minh các cấp trong cả nước.
- Ngày 25/10/1941, Mặt trận Việt Minh ra đời có hệ thống từ Trung ương đến cơ sở.
- Một số tổ chức chính trị yêu nước ra đời và tham gia làm thành viên của Mặt trận Việt Minh.

- Lực lượng chính trị quần chúng ngày càng đông đảo và được rèn luyện trong đấu tranh chống Pháp - Nhật theo khẩu hiệu của Mặt trận Việt Minh.

## 2. Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng và đấu tranh vũ trang:

- Xây dựng trên cơ sở lực lượng chính trị của quần chúng với các hình thức và qui mô thích hợp.
- Từng bước tổ chức lực lượng vũ trang trong các đội du kích: đội cứu quốc quân, đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân tiến lên thành đội giải phóng quân.
- Lập các chiến khu, căn cứ địa cách mạng: Bắc Sơn - Vũ Nhai - Cao Bằng.
- Công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang diễn ra sôi nổi trong các khu căn cứ nhất là ở Cao - Bắc - Lạng vào năm 1944.

Kết luận: Chủ trương xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, phát triển lực lượng rộng khắp từ nông thôn, rừng núi đến đô thị trong thời kỳ 1939 - 1945 đã đáp ứng yêu cầu phát triển của tình hình, chuẩn bị gấp rút tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

**Chủ đề 10: Trình bày hoàn cảnh lịch sử, nội dung và ý nghĩa của Chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" ngày 12/03/1945 của Ban Thường vụ Trung ương Đảng.**

### 1. Hoàn cảnh lịch sử:

- Mâu thuẫn giữa Nhật và Pháp ngày càng gay gắt, quyết liệt. Tình thế thất bại của Nhật ở mặt trận Thái Bình Dương buộc Nhật phải lật đổ Pháp để độc chiếm Đông Dương.
- Đêm 09/03/1945, Nhật nổ súng đánh Pháp trên toàn Đông Dương. Pháp đầu hàng Nhật.

- Ngày 12/03/1945, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp và ra Chỉ thị “Nhật- Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”.

## 2. Nội dung Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”:

- Nhận định: Sự kiện ngày 09/03/1945 đã tạo ra cơ hội tốt cho các điều kiện khởi nghĩa nhanh chóng chín muồi. Đó là: sự khủng hoảng chính trị do cuộc đảo chính gây ra, nạn đói ghê gớm và chiến tranh đã đến giai đoạn quyết liệt.

- Xác định kẻ thù chính:

- Kẻ thù chính cụ thể trước mắt và duy nhất lúc này là phát xít Nhật
- Thay khẩu hiệu: “Đánh đuổi phát xít Nhật- Pháp”  
bằng khẩu hiệu: “đánh đuổi phát xít Nhật”
- Nêu khẩu hiệu: “Thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân Đông Dương”

- Thay đổi hình thức đấu tranh cho phù hợp với thời kỳ tiền khởi nghĩa:

- Tập dượt quần chúng tiến lên khởi nghĩa giành chính quyền.
- Đẩy mạnh tuyên truyền xung phong có vũ trang.
- Xây dựng các đội tự vệ cứu quốc, đội du kích.
- Thành lập căn cứ địa cách mạng.
- Phát động chiến tranh du kích ở những nơi có điều kiện.
- Giải phóng từng vùng, mở rộng căn cứ địa để chủ động chuyển sang hình thức khởi nghĩa khi có điều kiện.

- Dự kiến điều kiện để tiến hành tổng khởi nghĩa. Đó là khi:

- Quân đồng minh kéo vào Đông Dương đánh Nhật đã bám chắc tiến sâu vào nước ta, quân Nhật kéo ra mặt trận ngăn cản quân đồng minh để phía sau sơ hở.
- Cũng có thể là cách mạng Nhật bùng nổ, chính quyền cách mạng của nhân dân Nhật được thành lập hoặc Nhật bị mất nước và quân đội Nhật mất tinh thần.

Hội nghị cũng lưu ý, nêu cao tinh thần tích cực, chủ động, dựa vào sức mình là chính, không ỷ lại vào người mà tự bó tay mình.

### 3. Ý nghĩa của Chỉ thị:

- Chỉ thị thể hiện rõ sự lãnh đạo sáng suốt, kiên quyết và kịp thời của Đảng.

- Chỉ thị là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Đảng trong cao trào kháng Nhật, cứu nước, dẫn đến thắng lợi trực tiếp của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng 8/1945.

**Chủ đề 11: Phân tích ý nghĩa lịch sử và những bài học kinh nghiệm của cách mạng Tháng Tám năm 1945.**

### 1. Ý nghĩa lịch sử:

#### a. Ý nghĩa trong nước:

Cách mạng Tháng Tám đánh dấu một sự biến đổi to lớn trong lịch sử tiến hoá của dân tộc Việt Nam:

- Đập tan chính quyền thực dân phong kiến, đập tan xiềng xích nô lệ của chủ nghĩa đế quốc trong gần một thế kỷ.
- Lập nên nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà- nhà nước Dân chủ nhân dân đầu tiên ở khu vực Đông- Nam châu Á.
- Nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước.
- Việt Nam từ một nước vừa mang tính thuộc địa, vừa mang tính phong kiến trở thành một nước độc lập, tự do.
- Đảng ta từ một Đảng hoạt động không hợp pháp trở thành Đảng lãnh đạo chính quyền trong cả nước.
- Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đã mở ra kỷ nguyên mới: Kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

#### b. Ý nghĩa thế giới:

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là thắng lợi đầu tiên của chủ Mác-Lênin ở một nước vừa mang tính thuộc địa, vừa mang tính phong kiến.

- Với thắng lợi đó, Đảng và nhân dân ta đã góp phần làm phong phú kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin.
- Để lại nhiều kinh nghiệm quý báu cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và giành quyền dân chủ.
- Mở ra thời kỳ suy sụp và tan rã của chủ nghĩa thực dân cũ.
- Góp phần cổ vũ, thúc đẩy phong trào đấu tranh giành độc lập của các dân tộc trên bán đảo Đông Dương và các dân tộc bị áp bức chống nô dịch của chủ nghĩa đế quốc.
- Cách mạng Tháng Tám thành công chứng tỏ: Trong thời đại ngày nay, cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo hoàn toàn có khả năng giành được thắng lợi ở một nước thuộc địa bị đế quốc và tay sai bao vây từ bốn phía.

## 2. Bài học kinh nghiệm:

- Đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, giữ vững ngọn cờ độc lập dân tộc, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến.
- Toàn dân nổi dậy trên nền tảng liên minh công- nông.
- Lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù, tập trung ngọn lửa đấu tranh vào kẻ thù chủ yếu trước mắt.
- Kiên quyết dùng bạo lực cách mạng và biết sử dụng bạo lực cách mạng một cách thích hợp để đập tan bộ máy nhà nước cũ, lập ra bộ máy nhà nước của nhân dân.
- Nắm vững nghệ thuật khởi nghĩa, nghệ thuật chọn đúng thời cơ.
- Xây dựng Đảng Mác- Lênin đủ sức lãnh đạo tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

**Chủ đề 12: Phân tích hoàn cảnh lịch sử của cách mạng nước ta sau khi cách mạng Tháng Tám thành công và nội dung cơ bản**

**của Chỉ thị “Kháng chiến, kiến quốc” ngày 25/11/1945 của Ban Thường vụ Trung ương Đảng.**

1. Hoàn cảnh lịch sử của cách mạng nước ta sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công:

a. Những khó khăn:

- Do thù trong, giặc ngoài gây ra: các nước đế quốc và các lực lượng phản động liên kết nhau bao vây, chống phá quyết liệt.
  - Đế quốc Anh đồng lõa tiếp tay cho thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn và các tỉnh Nam Bộ, bắt đầu cuộc xâm lược nước ta lần thứ hai.
  - Hai mươi vạn quân đội Quốc dân đảng Trung Hoa chiếm đóng miền Bắc Việt Nam từ vĩ tuyến 16 trở ra.
  - Sáu vạn quân Nhật đang chờ giải giáp.
- Khó khăn về kinh tế, văn hoá, chính trị:
  - Kinh tế: Nghèo nàn, xơ xác, tiêu điều, lũ lụt, hạn hán, mất mùa, kho bạc trống rỗng.
  - Văn hoá: Các di sản văn hoá nô dịch quá nặng nề.
  - Chính trị: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà chưa được các nước trên thế giới công nhận và đặt quan hệ ngoại giao.

b. Những thuận lợi:

- Cách mạng Tháng Tám đem lại cho cách mạng Việt Nam thế và lực mới
  - Đảng ta trở thành Đảng cầm quyền.
  - Nhân dân trở thành người làm chủ đất nước, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và quyết tâm bảo vệ thành quả cách mạng.
- Chính quyền nhân dân tuy còn non trẻ nhưng được xây dựng có hệ thống từ trên xuống dưới và được nhân dân ủng hộ.
- Đảng ta do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu đã thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, thêm bạn bớt thù, huy động mọi sức mạnh dân tộc, dùng sách lược đấu tranh linh hoạt và khôn khéo để từng bước vượt qua

nguy hiểm, chủ động trước mọi tình thế và giữ vững chính quyền, đưa cách mạng tiến lên.

## 2. Nội dung cơ bản của Chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc” (25/11/1945):

Chỉ thị nêu rõ nhiệm vụ chiến lược và nhiệm vụ cần thiết của cách mạng nước ta.

### a. Xác định tính chất của cuộc cách mạng:

“Cách mạng Đông Dương lúc này vẫn là cuộc cách mạng dân tộc giải phóng”.

### b. Xác định kẻ thù chính của cách mạng:

- Kẻ thù chính lúc này là thực dân Pháp.
- Tập trung ngọn lửa đấu tranh vào thực dân Pháp.
- Lập mặt trận dân tộc thống nhất chống Pháp, mở rộng Việt Minh bao gồm mọi tầng lớp nhân dân. Thống nhất Mặt trận Việt- Miên- Lào chống Pháp xâm lược.

### c. Nhiệm vụ của nhân dân cả nước:

- Củng cố chính quyền cách mạng. Đây là nhiệm vụ bao trùm.
- Chống thực dân Pháp.
- Bài trừ nội phản.
- Cải thiện đời sống nhân dân.

### d. Các biện pháp để thực hiện nhiệm vụ:

- Về nội chính: xúc tiến bầu cử Quốc hội, lập Chính phủ chính thức, lập Hiến pháp, xử lý bọn phản động, củng cố chính quyền nhân dân.
- Về quân sự: động viên lực lượng toàn dân, kiên trì kháng chiến, tổ chức và lãnh đạo kháng chiến lâu dài.
- Về ngoại giao: kiên trì nguyên tắc “bình đẳng tương trợ”, thêm bạn bớt thù. Thực hiện khẩu hiệu “Hoa - Việt thân thiện” với Tưởng, chủ trương “độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế” với Pháp.



### 3. Ý nghĩa:

Chi trị “Kháng chiến, kiến quốc” đã giải quyết kịp thời nhiều vấn đề quan trọng về chỉ đạo chiến lược và sách lược cách mạng trong tình thế mới vô cùng phức tạp và khó khăn của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà vừa mới khai sinh.

**Chủ đề 13: Phân tích những kinh nghiệm lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng trong giai đoạn 1945 – 1946 .**

1. Đảng đã dựa chắc vào khối đại đoàn kết toàn dân, tạo nên sức mạnh vật chất và tinh thần để vượt qua khó khăn, đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài .

- Phân tích khó khăn và thuận lợi của nước ta sau Cách mạng tháng Tám 1945.

- Đảng và chính quyền cách mạng đã phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, tăng cường thực lực, vượt qua khó khăn, bảo vệ thành quả cách mạng (về chính trị, về quân sự, về kinh tế, về văn hoá,...)

2. Đảng lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù, xác định đúng kẻ thù chủ yếu để cô lập và tập trung mũi nhọn đấu tranh vào chúng, hoà hoãn với kẻ thù có thể hoà hoãn và biết nhân nhượng có nguyên tắc:

- Đảng xác định những mâu thuẫn trong hàng ngũ của kẻ thù:

- Mâu thuẫn giữa Anh – Pháp với Mỹ - Tưởng .
- Mâu thuẫn giữa tay sai Pháp với tay sai Tưởng.
- Mâu thuẫn trong nội bộ Pháp và trong nội bộ Tưởng.

- Phân tích từng kẻ thù (Anh, Tưởng, bọn Việt Quốc, Việt cách, Đại Việt.., Mỹ, Pháp..). Chỉ ra kẻ thù chính lúc này là thực dân Pháp xâm lược. Phải tập trung mũi nhọn đấu tranh vào chúng.

- Hoà với kẻ thù có thể hoà hoãn:

- Từ tháng 9/1945 đến ngày 6/3/1946: hoà với Tưởng để tập trung sức đánh Pháp, hạn chế khả năng phá hoại của Tưởng và tay sai (nêu nội dung).
  - Từ ngày 6/3/1946 đến tháng 12/1946: tạm hoà với Pháp để đuổi Tưởng, quét sạch bọn tay sai của Tưởng, tranh thủ thời gian xây dựng lực lượng (nêu nội dung).
- Nhân nhượng có nguyên tắc:
- Bảo đảm chính quyền của dân, do dân và vì dân.
  - Bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng.
  - Nắm vững những công cụ bạo lực: bộ đội, công an,...

### 3. Đảng tranh thủ khả năng hoà bình, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng ứng phó với khả năng chiến tranh lan ra cả nước:

Sau Cách mạng Tháng Tám, tình hình có hai khả năng: chiến tranh và hoà bình. Đảng đã dùng mọi biện pháp tranh thủ khả năng hoà bình. Hoà với Tưởng và hoà với Pháp, ta có 16 tháng hoà bình. Trong thời gian đó, Đảng ra sức xây dựng lực lượng về mọi mặt, sẵn sàng chủ động đối phó kịp thời khi chiến tranh lan ra cả nước.

Kết luận: Lênin nói: một cuộc cách mạng chỉ có giá trị khi nó biết tự bảo vệ. Từ tháng 9/1945 đến tháng 12/1946, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta biết tự bảo vệ và đã bảo vệ thành công thành quả của Cách mạng Tháng Tám.

**Chủ đề 14: Trình bày nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng Cộng sản Đông Dương khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ (12/1946).**

#### 1 Hoàn cảnh lịch sử:

- Tình hình nước ta sau ngày ký Hiệp định sơ bộ.
  - Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng tại Hà Đông quyết định phát động toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Đêm

19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

## 2. Nội dung cơ bản đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng Cộng sản Đông Dương:

Làm rõ các nội dung cơ bản sau:

- Mục tiêu của cuộc kháng chiến: đánh bại thực dân phản động Pháp xâm lược nhằm giành độc lập và thống nhất

- Tính chất của cuộc kháng chiến: dân tộc giải phóng và dân chủ mới. Giải phóng dân tộc là yêu cầu cấp thiết, trọng tâm cải cách dân chủ là từng bước thực hiện người cày có ruộng.

- Phương châm của cuộc kháng chiến: toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính (phân tích từng ý).

- Chính sách của kháng chiến:

- Đoàn kết toàn dân, đoàn kết quốc tế, thêm bạn bớt thù.
- Xây dựng thực lực kháng chiến về mọi mặt.
- Tập trung mũi nhọn đấu tranh vào bọn phản động thực dân Pháp xâm lược.

## 3. Kết luận:

Điều cơ bản có tính quyết định khi mở đầu cuộc kháng chiến đã được tiến hành là phát động kháng chiến đúng lúc và xác định về cơ bản đường lối kháng chiến.

Đường lối kháng chiến là ngọn cờ chỉ đạo quân và dân ta chiến đấu và chiến thắng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.

**Chủ đề 15: Trình bày nội dung cơ bản của bản Chính cương Đảng Lao động Việt Nam do Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ II (02/1951) thông qua.**

## 1. Hoàn cảnh lịch sử:

- Vào năm 1951, tình hình quốc tế, tình hình cách mạng và kháng chiến của 3 nước Đông Dương đã có sự thay đổi và trưởng thành vượt bậc.
- Nhu cầu của cuộc kháng chiến đòi hỏi Đảng phải bổ sung, phát triển và điều chỉnh đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã vạch ra từ ngày thành lập Đảng.
- Trước yêu cầu của cách mạng 3 nước Đông Dương, Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ II được triệu tập vào tháng 2/1951. Đại hội đã thông qua nhiều văn kiện quan trọng. Đặc biệt là Chính cương Đảng Lao động Việt Nam.

## 2. Nội dung cơ bản Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam:

### a. Xác định đối tượng của cách mạng Việt Nam:

Có hai đối tượng:

- Đối tượng chính: Bọn đế quốc xâm lược. Cụ thể lúc này là đế quốc Pháp và bọn can thiệp Mỹ.
- Đối tượng phụ: Bọn phong kiến. Cụ thể lúc này là phong kiến phản động.

### b. Nêu lên nhiệm vụ cơ bản hiện nay của cách mạng Việt Nam:

- Đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất thực sự cho dân tộc.
- Xoá bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến làm cho người cày có ruộng.
- Phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội.

Ba nhiệm vụ trên có quan hệ khăng khít với nhau. Song nhiệm vụ chính trước mắt là hoàn thành giải phóng dân tộc.

### c. Xác định lực lượng của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân:

- Lực lượng bao gồm các giai cấp: công nhân, nông dân, tiểu tư sản thành thị, tiểu tư sản trí thức, tư sản dân tộc, những thân sĩ yêu nước và tiến bộ.

- Nền tảng là công nhân, nông dân, lao động trí thức.
- Lãnh đạo cách mạng: giai cấp công nhân.

Với việc giải quyết nhiệm vụ và sắp xếp lực lượng như trên thì cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua Đảng Lao động Việt Nam, sau khi giành được thắng lợi trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân nhất định sẽ tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

### 3. Ý nghĩa:

“Chính cương Đảng Lao động Việt Nam” đã hoàn chỉnh thêm một bước đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân được vạch ra trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

Đường lối đó đã soi đường dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ

**Chủ đề 16: Trình bày chủ trương và biện pháp thực hiện từng bước khẩu hiệu “người cày có ruộng” trong quá trình kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.**

### 1. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược lần 2:

#### a. Tính chất cuộc kháng chiến: dân tộc và dân chủ.

- Chống đế quốc, giải phóng dân tộc: hàng đầu.
- Chống phong kiến: thực hiện từng bước và phục tùng nhiệm vụ chống đế quốc.

#### b. Chủ trương:

- Trong tiến trình kháng chiến, Đảng lãnh đạo từng bước việc đem lại quyền dân chủ, nhất là quyền lợi ruộng đất cho nông dân.
- Không tịch thu ruộng đất của địa chủ, mà chỉ tịch thu ruộng đất và các hạng tài sản khác của đế quốc và bọn Việt gian phản quốc đem chia cho dân cày.

Đây là một chủ trương đúng đắn, phù hợp với hoàn cảnh cuộc chiến tranh giải phóng ở Việt Nam.

## 2. Biện pháp thực hiện từng bước khẩu hiệu “người cày có ruộng” trong quá trình kháng chiến:

### a. Từ 1947 - 1953:

- Thực hiện giảm tô 25%
- Tịch thu ruộng đất của bọn thực dân, lấy đất của bọn Việt gian chia cho nông dân không có ruộng hoặc thiếu ruộng.
- Tạm cấp đất vắng chủ.
- Chia lại ruộng đất cho công bằng, hợp lý.

### b. Từ năm 1953 - 1954:

- Chủ trương thực hiện triệt để giảm tô.
- Chủ trương cải cách ruộng đất ngay trong kháng chiến.
- Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần 5 thông qua Cương lĩnh ruộng đất và quyết định thực hiện cải cách ruộng đất ở vùng tự do. Mục đích: nhằm xoá bỏ quyền chiếm hữu ruộng đất của thực dân Pháp, của giai cấp địa chủ phong kiến, thực hiện chế độ sở hữu ruộng đất của nông dân, thực hiện người cày có ruộng, giải phóng sức sản xuất để phát triển mạnh mẽ kinh tế, cải thiện đời sống, bồi dưỡng sức dân, đẩy mạnh kháng chiến để thắng lợi hoàn toàn.

### 3. Kết quả:

Quá trình thực hiện từng bước khẩu hiệu “người cày có ruộng” trong những năm kháng chiến đã làm cho quan hệ sở hữu ruộng đất ở nông thôn có sự thay đổi quan trọng. Qua cuộc vận động, phát động quần chúng triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất đã khơi dậy một luồng sinh khí mới trong nhân dân lao động. Đông đảo nông dân hăng hái sản xuất, đóng góp vượt mức sức người, sức của cho những chiến dịch phản công và tiến công mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ.

**Chủ đề 17: Trình bày chủ trương và sự chỉ đạo quân sự của Đảng trong cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 – 1954.**

## 1. Âm mưu của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ:

Thực hiện kế hoạch quân sự Nava với hai bước:

### a. Bước 1:

Trong Thu- Đông 1953 và Xuân 1954, giữ vững thế phòng ngự chiến lược ở 18<sup>0</sup> vĩ tuyến Bắc trở ra, tiến công bình định miền Nam, miền Trung Đông Dương, xoá bỏ vùng tự do liên khu V.

### b. Bước 2:

Nếu đạt được bước 1, sẽ chuyển sang tiến công chiến lược miền Bắc, giành thắng lợi quân sự to lớn, buộc ta phải đàm phán theo những điều kiện có lợi cho chúng.

## 2. Chủ trương của Đảng trong cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 - 1954.

### a. Chủ trương tiến công Đông - Xuân 1953 - 1954:

- Sử dụng một bộ phận chủ lực mở những cuộc tiến công vào những hướng địch sơ hở.
- Tranh thủ cơ hội tiêu diệt địch ở những hướng địch có thể đánh sâu vào vùng tự do của ta.
- Đẩy mạnh chiến tranh du kích khắp các chiến trường sau lưng địch.
- Giữ vững quyền chủ động, đánh địch trên cả hai mặt: chính diện và sau lưng địch, phối hợp trên phạm vi cả nước và trên toàn Đông Dương.

### b. Phương châm: “Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt”.

### c. Nguyên tắc chỉ đạo chiến lược và chỉ đạo tác chiến:

- Tiêu diệt sinh lực địch.
- Bồi dưỡng lực lượng ta.
- Đánh ăn chắc, đánh chắc thắng, đánh tiêu diệt, chọn nơi địch sơ hở và tương đối yếu mà đánh.
- Giữ vững quyền chủ động, kiên quyết buộc địch phải phân tán lực lượng.

### 3. Sự chỉ đạo quân sự của Đảng trong cuộc tiến công chiến lược Đông- Xuân 1953- 1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ 1954:

#### a. Trong Đông- Xuân 1953- 1954:

- Đẩy mạnh đấu tranh nhân dân, đẩy mạnh đấu tranh vũ trang và chiến tranh du kích ở mọi chiến trường.
- Nâng cao chất lượng chiến đấu của 3 thứ quân; khoét sâu hơn nữa các mặt yếu của địch.
- Tổ chức các chiến dịch phản công, đánh địch ngay từ khi chúng mới đến; đẩy mạnh hoạt động ở vùng sau lưng địch, đánh vào hậu cứ binh đoàn cơ động của chúng.

#### b. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ:

- Ngày 6/12/1953, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Đây là chủ trương kiên quyết, linh hoạt, sáng tạo và kịp thời vì có phá tan Điện Biên Phủ mới có phá tan được hình thức phòng ngự cao nhất của địch, mới phá được kế hoạch Nava, phá được âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh của chúng.
- Để tạo thuận lợi cho trận quyết chiến chiến lược Điện Biên Phủ, các đơn vị chủ lực phối hợp mở đợt tiến công mạnh mẽ trên các chiến trường.

Với cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 - 1954 mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ đã đập tan kế hoạch Nava - cố gắng cao nhất và cũng là cố gắng cuối cùng của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.

**Chủ đề 18: Phân tích chủ trương đấu tranh ngoại giao, ký kết Hiệp định Giơnevơ của Đảng và Chính phủ ta vào năm 1954.**

#### 1. Chủ trương đấu tranh ngoại giao của Đảng và Chính phủ:

- Mở cuộc tiến công trên mặt trận ngoại giao, phối hợp với cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 - 1954 để kết thúc chiến tranh.



- Chiến thắng to lớn 1953 - 1954 mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ đã tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao giành thắng lợi.
- Tiến tới giải pháp hoà bình cho vấn đề Đông Dương.

## 2. Lập trường đàm phán của Việt Nam tại Hội nghị Giơnevơ:

### a. Nội dung đàm phán:

Đình chỉ chiến sự trên toàn bán đảo Đông Dương đi đôi với một giải pháp chính trị cho vấn đề Việt Nam, Lào và Campuchia trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của mỗi nước ở Đông Dương. Đây là những nội dung cơ bản được thể hiện trong lập trường 8 điểm mà trưởng đoàn đại biểu Việt Nam đã trình bày tại Hội nghị.

- Pháp phải công nhận chủ quyền, độc lập của Việt Nam trên khắp lãnh thổ Việt Nam và chủ quyền, độc lập của hai nước Lào, Campuchia.
- Ký một hiệp ước về việc rút quân đội ngoại quốc ra khỏi nước Việt Nam, Lào, Campuchia.
- Tổ chức tổng tuyển cử ở 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia.
- Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Pathet Lào, Campuchia xét vấn đề gia nhập Liên hiệp Pháp.
- Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Pathet Lào, Campuchia công nhận quyền lợi kinh tế và văn hoá của Pháp. Quan hệ kinh tế giữa 3 nước với Pháp sẽ được quy định trên nguyên tắc bình đẳng, hai bên cùng có lợi.
- Hai bên cam kết không truy tố những người hợp tác với bên kia trong chiến tranh.
- Hai bên trao đổi tù binh.
- Ngừng bắn trên toàn Đông Dương.

### b. Kết quả đàm phán:

- Trải qua 8 phiên họp toàn thể, 23 phiên họp căng thẳng và phức tạp, ngày 21/7/1954 Hiệp định Giơnevơ đã được ký kết.
- Nội dung hiệp định:

- Các nước tôn trọng quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, nhân dân Lào, nhân dân Campuchia.
- Ngừng bắn hoàn toàn ở Việt Nam và trên toàn Đông Dương.
- Pháp rút quân.
- Vĩ tuyến 17 là giới tuyến quân sự tạm thời chia Việt Nam làm 2 miền. Tiến tới một cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước sau 2 năm để thống nhất nước nhà.
- Lào có một khu tập kết lực lượng kháng chiến gồm 2 tỉnh Sầm Nưa và Phong Sa Lý.
- Ở Campuchia, lực lượng kháng chiến không có khu tập kết và phục viên tại chỗ.

c. Ý nghĩa của việc ký hiệp định Giơnevơ.

Cùng với chiến thắng Điện Biên Phủ và thắng lợi trên toàn chiến trường 3 nước Đông Dương, Hiệp định Giơnevơ đã góp phần chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ ở Đông Dương, giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tạo điều kiện để miền Bắc tiến lên xây dựng CNXH.

**Chủ đề 19: Trình bày ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).**

1. Ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp:

a. Ý nghĩa trong nước:

- Nhân dân ta đã bảo vệ và phát triển thành quả của Cách mạng Tháng Tám.
- Chấm dứt ách thống trị của thực dân Pháp trên đất nước ta.
- Giải phóng hoàn toàn miền Bắc, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên nửa nước.
- Cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới: giai đoạn tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà.

b. Ý nghĩa thế giới:

- Cổ vũ mạnh mẽ các dân tộc bị nô dịch vùng lên chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân vì độc lập, tự do, dân chủ và tiến bộ.
- Báo hiệu thời kỳ sụp đổ từng mảng của hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ.
- Góp phần tích cực vào tiến trình phát triển của cách mạng thế giới.

2. Bài học kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống Pháp:

a. Kết hợp chặt chẽ và đúng đắn 2 nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến:

- Chống đế quốc: Hàng đầu.
- Chống phong kiến: Tiến hành có kế hoạch từng bước để vừa phát triển lực lượng cách mạng, vừa giữ vững khối đoàn kết dân tộc.

b. Xác định và quán triệt đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính.

Đường lối trên là kết quả của việc vận dụng sáng tạo nguyên lý chiến tranh cách mạng của chủ nghĩa Mác- Lênin, kế tục và phát triển kinh nghiệm kháng chiến chống xâm lược của dân tộc, kinh nghiệm toàn dân nổi dậy của Tổng khởi nghĩa năm 1945.

c. Vừa kháng chiến, vừa xây dựng chế độ mới.

- Tạo nên hậu phương vững mạnh, có khả năng đáp ứng nhu cầu ngày càng to lớn của cuộc kháng chiến.
- Kết hợp chặt chẽ kháng chiến với xây dựng, xây dựng để kháng chiến.

d. Kinh nghiệm về sự quán triệt tư tưởng chiến lược kháng chiến gian khổ, lâu dài:

- Tư tưởng của một nước yếu chống lại nước mạnh.
- Trên cơ sở tư tưởng đó mà biết chủ động tấn công địch từ nhỏ đến lớn, từ chiến tranh du kích lên chiến tranh chính quy, kết hợp chiến

tranh chính quy với chiến tranh du kích một cách nhịp nhàng cân đối trên từng chiến trường và trên phạm vi cả nước.

e. Kinh nghiệm về xây dựng Đảng vững mạnh:

- Đảm bảo Đảng lãnh đạo toàn diện trên mọi mặt của cuộc kháng chiến.
- Có đội ngũ đảng viên phát triển với số lượng cần thiết và có đầy đủ phẩm chất cách mạng, gắn bó với quần chúng, với lực lượng vũ trang, bám sát cơ sở sản xuất và chiến đấu, xứng đáng là người lãnh đạo quần chúng trong cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

**Chủ đề 20: Trình bày đường lối cách mạng Việt Nam sau năm 1954 được Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ III (9/1960) thông qua.**

1. Đặc điểm tình hình nước ta sau năm 1954:

Đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị- xã hội khác nhau.

- Miền Bắc:
  - Đến ngày 16/5/1955 toàn bộ quân Pháp rút khỏi miền Bắc.
  - Tình hình chính trị- xã hội nhanh chóng ổn định.
  - Những nhiệm vụ còn lại của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân được gấp rút hoàn thành, mở ra tiền đề cho bước phát triển mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Miền Nam: Mỹ nhảy vào thay Pháp, thực hiện âm mưu biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ.

Đất nước đứng trước thảm họa bị chia cắt lâu dài. Tình hình đó đặt cho Đảng yêu cầu bức bách là phải vạch ra một đường lối chiến lược đúng đắn để đưa cách mạng tiến lên sao cho phù hợp với tình hình mới của đất nước và với xu thế phát triển chung của thời đại.

2. Nội dung cơ bản của đường lối:

Trải qua nhiều hội nghị Trung ương Đảng và Bộ Chính trị, đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới từng bước được hình thành và đến Đại hội III của Đảng (9/1960) được nhất trí thông qua với các nội dung cơ bản sau:

- Cách mạng Việt Nam có hai chiến lược khác nhau tiến hành đồng thời ở hai miền:
    - Cách mạng xã hội chủ nghĩa miền Bắc: xây dựng miền Bắc thành căn cứ địa vững mạnh của cách mạng cả nước.
    - Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam: nhằm giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trên cả nước.
  - Vị trí cách mạng từng miền:
    - Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng cả nước và đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà.
    - Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam có tác dụng quyết định trực tiếp trong việc đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng ở miền Nam.
  - Mối quan hệ giữa cách mạng hai miền:
    - Liên hệ mật thiết, gắn bó, thúc đẩy lẫn nhau cùng phát triển.
    - Quan hệ giữa hậu phương và tiền tuyến.
    - Cả hai đều hướng vào mục tiêu chung là hòa bình thống nhất nước nhà.
- c. Kết luận:
- Đường lối trên thể hiện tinh thần độc lập tự chủ của Đảng ta, là kết quả của sự vận dụng sáng tạo học thuyết Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào điều kiện cụ thể của cách mạng nước ta.
  - Thực tiễn lịch sử nước ta chứng minh:

- Đường lối trên phản ánh đúng quy luật vận động của cách mạng từng miền và phù hợp với xu hướng phát triển chung cả nước trong thời kỳ 1954 – 1975.
- Đường lối đó phù hợp với xu thế phát triển chung của thời đại.

Với đường lối đó, cách mạng Việt Nam đã phát huy sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc và của thời đại để đánh Mỹ và thắng Mỹ.

**Chủ đề 21: Trình bày nội dung cơ bản về đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam do Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15 (01/1959) khoá II đề ra.**

1. Hoàn cảnh lịch sử:

- Mỹ-Diệm thực hiện chính sách phát xít hoá. Ra sức khủng bố và tiêu diệt cách mạng miền Nam.

- Sự chuyển biến của phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam đòi hỏi Đảng phải có một quyết định mới, phù hợp.

Trước yêu cầu của cách mạng miền Nam, tháng 01/1959, Hội nghị 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá II) đã thông qua Nghị quyết về “đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam”.

2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết:

a. Tính chất của xã hội miền Nam:

- Miền Nam trở thành xã hội thuộc địa và là căn cứ quân sự của Mỹ.

- Những mâu thuẫn của xã hội miền Nam:

- Mâu thuẫn giữa nhân dân miền Nam với đế quốc Mỹ. Đây là mâu thuẫn chủ yếu.
- Mâu thuẫn giữa nông dân với phong kiến.

b. Lực lượng tham gia cách mạng ở miền Nam:

Bao gồm các giai cấp: công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc, nhân sĩ yêu nước.

- Động lực: công nhân, nông dân, tiểu tư sản; lấy liên minh công-nông làm cơ sở.

- Lực lượng lãnh đạo: giai cấp công nhân.

- Cơ sở vững chắc: miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

c. Đối tượng cách mạng miền Nam: là đế quốc Mỹ, tư sản mại bản, địa chủ phong kiến và tay sai của đế quốc Mỹ.

d. Tính chất của cách mạng miền Nam: Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

e. Nhiệm vụ cách mạng miền Nam:

- Nhiệm vụ cơ bản:

- Giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng.
- Hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, xây dựng nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

- Nhiệm vụ trước mắt:

- Đoàn kết toàn dân đấu tranh chống Mỹ xâm lược và gây chiến tranh.
- Đánh đổ tập đoàn thống trị độc tài Ngô Đình Diệm.
- Thành lập chính quyền liên hiệp dân tộc dân chủ ở miền Nam, thực hiện độc lập dân tộc và các quyền tự do, dân chủ cho nhân dân.
- Cải thiện đời sống nhân dân, giữ vững hoà bình, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ.
- Phải thành lập Mặt trận dân tộc dân chủ ở miền Nam để đoàn kết nhân dân miền Nam, lấy liên minh công-nông làm cơ sở.
- Xây dựng Đảng bộ miền Nam thật vững mạnh, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp Đảng.

f. Tư tưởng chỉ đạo của nghị quyết 15:

Nhân dân miền Nam phải dùng con đường cách mạng bạo lực để tự giải phóng mình. Ngoài ra, không có con đường nào khác.

- Phương hướng phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam: chuẩn bị tiến lên khởi nghĩa giành chính quyền.
- Phương thức khởi nghĩa: Dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ chính quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân.
- Quá trình khởi nghĩa giành chính quyền: lâu dài, gian khổ, kết hợp nhiều hình thức đấu tranh từ thấp đến cao.
- Dự kiến: vì phải đương đầu với một tên đế quốc hiếu chiến nên trong điều kiện nào đó, cuộc khởi nghĩa có thể chuyển thành đấu tranh vũ trang lâu dài, nhưng cuối cùng nhất định thắng lợi sẽ đến với nhân dân ta.

### 3. Ý nghĩa:

- Dưới ánh sáng của Nghị quyết 15, từ cuối năm 1959, cách mạng miền Nam đã có những bước phát triển nhảy vọt: Từ những cuộc khởi nghĩa ở địa phương, bước sang 1960, đã phát triển thành cao trào Đồng khởi trên toàn Miền.
- Đường lối trên là căn cứ để Đảng lãnh đạo, chỉ đạo thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

**Chủ đề 22: Trình bày nội dung cơ bản về đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc do Đại hội đại biểu Đảng lần thứ III ( 9/1960) đề ra.**

### 1. Đặc điểm tình hình miền Bắc khi bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội:

- Nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, tiến lên chủ nghĩa xã hội không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.
- Đất nước bị chia làm hai miền và có chiến tranh với những hình thức và mức độ khác nhau.



- Các mô hình xã hội chủ nghĩa đang được thực thi ở các nước xã hội chủ nghĩa có những nhược điểm, sai lầm và đang biến dạng nên rất khó cho ta học tập rút kinh nghiệm.
- Được sự ủng hộ hết lòng và sự viện trợ to lớn về mọi mặt của các nước xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung cơ bản về đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc do Đại hội đại biểu Đảng lần thứ III đề ra:

a. Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là một quá trình cải biến cách mạng về mọi mặt:

- Là quá trình đấu tranh gay go giữa hai con đường tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực.
- Đưa miền Bắc từ nền kinh tế chủ yếu dựa trên sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất tiến lên nền kinh tế xã hội chủ nghĩa dựa trên sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, từ nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

b. Cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội là 2 mặt của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về quan hệ sản xuất:

- Hai mặt đó quan hệ mật thiết, tác động và thúc đẩy nhau cùng phát triển.
- Cải tạo xã hội chủ nghĩa đi trước một bước để mở đường.

c. Công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ:

- Nhằm xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội.
- Điểm mấu chốt trong công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa là: Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra mức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

d. Đồng thời với cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về kinh tế, phải tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực văn hoá - tư tưởng.

Nhằm thay đổi căn bản đời sống tư tưởng, tinh thần và văn hoá của toàn xã hội phù hợp với chế độ mới.

e. Định hướng và mục tiêu:

- Đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.
- Xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc ở miền Bắc, xây dựng miền Bắc thành cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thực hiện hoà bình, thống nhất nước nhà.

f. Biện pháp chiến lược để đạt được mục tiêu:

- Sử dụng chính quyền dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản để tổ chức tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- Thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa với nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ và công thương nghiệp tư bản tư doanh, đồng thời phát triển kinh tế quốc doanh.
- Thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa bằng cách ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.
- Đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa về văn hoá, tư tưởng và kỹ thuật.
- Yêu cầu cần đạt được của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội: Biến nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học tiên tiến.

3. Nhận xét:

- Đường lối trên còn đại thể, chưa rõ ràng, không thoát khỏi những mô hình sai trái của các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới lúc bấy giờ.
- Chưa thấy được sự cần thiết cần phải chia thời kỳ quá độ ra thành từng chặng đường với những mục tiêu và yêu cầu cụ thể.
- Tư duy lý luận về kinh tế còn yếu kém, tư tưởng chủ quan nóng vội nên không giải quyết đúng mối quan hệ có tính quy luật giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất (chủ trương dùng quan hệ sản xuất đi trước để mở đường, nôn nóng muốn xác lập chế độ công hữu, muốn xoá bỏ nhanh các thành phần kinh tế khác).

- Chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hoá ngay từ đầu khi tiền đề vật chất chưa được tạo ra và hoàn cảnh chiến tranh chưa cho phép thực hiện.

**Chủ đề 23: Phân tích chủ trương và hiệu quả của cuộc vận động cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp và công thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Bắc của Đảng trong thời kỳ 1954 – 1975.**

1. Hoàn cảnh lịch sử:

a. Miền Bắc

- Thắng lợi trong công cuộc khôi phục kinh tế.
- Trong quá trình cải cách ruộng đất, bên cạnh những kết quả đạt được, Đảng ta đã phạm phải một số sai lầm nghiêm trọng, phổ biến và kéo dài trong chỉ đạo thực hiện cải cách ruộng đất.

b. Miền Nam:

- Mỹ - Diệm phá hoại Hiệp định Giơnevơ, từ chối hiệp thương tổng tuyển cử.
- Thắng tay đàn áp đồng bào miền Nam yêu nước.

c. Các nước xã hội chủ nghĩa:

Thi đua lao động xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Hoàn cảnh lịch sử lúc bấy giờ đã làm nảy sinh trong Đảng tâm lý nóng vội: Muốn miền Bắc phải nhanh chóng lớn mạnh về mọi mặt để thực hiện thắng lợi mục tiêu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

2. Chủ trương cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc trong thời kỳ 1954 -1975:

a. Chủ trương cải tạo XHCN ở miền Bắc:

Chuyển từ chủ trương: “Củng cố miền Bắc, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, đưa miền Bắc tiến dần từng bước lên chủ nghĩa xã hội” thành chủ trương: “Đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa” đưa miền Bắc “tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội”.

b. Cải tạo xã hội chủ nghĩa được xem là nhiệm vụ trọng tâm trong thời kỳ này:

- Nhằm tạo tiền đề và điều kiện để triển khai xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ tiếp theo.
- Cải tạo xã hội chủ nghĩa tiến hành đồng thời nhiệm vụ hoàn thiện quan hệ sản xuất.
  - Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp là trọng tâm. Giải pháp thích hợp nhất đối với nước ta là con đường hợp tác hoá, thực hiện hợp tác hoá trước khi cơ giới hoá. Từ nền kinh tế nông nghiệp hợp tác mà thúc đẩy việc cải tạo và phát triển các ngành kinh tế khác.
  - Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh. Cải tạo hoà bình bằng chính sách “chuộc lại và trả dần”, đồng thời, sắp xếp công ăn việc làm cho tư sản và gia đình họ.

### 3. Hiệu quả:

Trên lĩnh vực nông nghiệp: Phong trào hợp tác hoá phát triển nhanh: năm 1960, có 85.8% hộ với 76% diện tích ruộng đất tham gia hợp tác xã, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được thiết lập dưới hình thức hợp tác xã.

Trên lĩnh vực công thương nghiệp tư bản tư doanh: Diễn ra theo hình thức chủ yếu là xí nghiệp công tư hợp doanh. Hình thức này đã giải phóng được hơn một vạn lao động khỏi ách bóc lột tư sản, tạo ra được khả năng tổ chức lại sản xuất và nâng cao năng suất lao động.

**Chủ đề 24: Trình bày nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước do Hội nghị lần thứ 11 (3/1965) và lần thứ 12 (12/1965) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng vạch ra.**

## 1. Hoàn cảnh lịch sử:

- Bị thất bại trong Chiến lược chiến tranh đặc biệt, Mỹ ồ ạt đưa quân viễn chinh và chực hầu vào miền Nam với quy mô ngày càng lớn để tiến hành chiến tranh cục bộ.
- Mỹ mở rộng cuộc chiến tranh ra miền Bắc bằng không quân và hải quân nhằm ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam, phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, làm lung lay quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta, buộc ta phải kết thúc chiến tranh theo điều kiện do Mỹ đưa ra.

Nhân dân cả nước đứng trước thử thách mới cực kỳ nghiêm trọng.

## 2. Nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước do Hội nghị lần thứ 11 (3/1965) và lần thứ 12 (12/1965) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng vạch ra:

Trung ương Đảng liên tiếp mở hai Hội nghị toàn thể. Hội nghị lần thứ 11 (3/1965) và Hội nghị lần thứ 12 (12/1965) đề ra quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ.

Hội nghị đề ra nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước:

### a. Nhiệm vụ của cả nước:

Chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc từ Nam chí Bắc. Kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào, nhằm bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

### b. Chủ trương cho cách mạng miền Nam:

- Nhận định: Mỹ đưa quân vào miền Nam nhưng tương quan so sánh lực lượng giữa ta và địch không thay đổi lớn.
- Tư tưởng chỉ đạo chiến lược: Giữ vững và phát triển thế tiến công, kiên quyết tiến công và liên tục tiến công.
- Phương châm chiến lược:

- Đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính.
- Càng đánh càng mạnh, cần phải cố gắng đến mức độ cao, tập trung lực lượng của cả hai miền để mở những cuộc tiến công lớn.
- Tranh thủ thời cơ giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn trên chiến trường miền Nam.

- Phương châm đấu tranh:

- Kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị.
- Triệt để thực hiện ba mũi giáp công.

c. Chủ trương cho cách mạng miền Bắc:

- Đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.
- Bảo vệ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- Tích cực chuẩn bị đề phòng để đánh bại địch trong trường hợp chúng liều lĩnh mở rộng chiến tranh cục bộ ra cả nước.
- Thực hiện chuyển hướng kinh tế, đảm bảo tiếp tục xây dựng miền Bắc vững mạnh về kinh tế và quốc phòng trong điều kiện có chiến tranh phá hoại, động viên sức người, sức của ở mức cao nhất để chi viện đặc lực cho cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam.

3. Ý nghĩa lịch sử:

- Chủ trương của Trung ương Đảng trong Nghị quyết 11, 12 đã phản ánh quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân ta trong việc kiên trì con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa và quyết tâm đánh Mỹ giải phóng miền Nam.
- Dưới ánh sáng của Nghị quyết 11, 12 của Trung ương Đảng, nhân dân đã ta đánh bại Chiến lược chiến tranh cục bộ ở miền Nam và chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ.

**Chủ đề 25: Phân tích chủ trương và ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh ngoại giao ký Hiệp định Paris ngày 27/1/1973 của Đảng.**

## 1. Phân tích chủ trương đấu tranh ngoại giao của Đảng.

### a. Cơ sở đề ra chủ trương:

- Xuất phát từ âm mưu của đế quốc Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam Việt Nam: Dùng thủ đoạn chính trị, quân sự, ngoại giao tạo ra “thế mạnh” buộc ta phải chấp nhận một giải pháp chính trị có lợi cho Mỹ.
- Xuất phát từ quan điểm của Trung ương Đảng:
  - Giành thắng lợi tới mức nào đó sẽ mở ra mặt trận ngoại giao, tiến tới giải pháp chính trị có lợi cho ta, tiến tới thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà.
  - Xuất phát từ truyền thống yêu chuộng hoà bình và theo xu thế chung giải quyết xung đột bằng thương lượng.

### b. Chủ trương:

Để đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi, Đảng chủ trương đẩy mạnh kháng chiến trên cả 3 mặt: chính trị, quân sự, ngoại giao.

- Nhiệm vụ của mặt trận đấu tranh ngoại giao: Phát huy thế chủ động tiến công, không ngừng đẩy mạnh hoạt động, góp phần tích cực vào cuộc chiến đấu của toàn dân nhằm đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ đến thắng lợi, giải phóng hoàn toàn miền Nam, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa.
- Phương châm: Kiên trì đường lối độc lập, tự chủ của Đảng và Nhà nước, không ngừng tăng cường đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa, với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, với nhân dân yêu chuộng hoà bình và công lý trên thế giới trong đó có nhân dân tiến bộ Mỹ.
- Phương hướng hoạt động:
  - Cự lực tố cáo tội ác của đế quốc Mỹ và đòi chấm dứt chiến tranh.

- Nêu cao lập trường chính nghĩa và ý chí quyết chiến quyết thắng của nhân dân ta, nêu cao thiện chí của ta trong thương lượng nhằm giải quyết đúng đắn vấn đề Việt Nam.
- Tích cực tranh thủ sự giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa, sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân thế giới. Mở rộng mặt trận nhân dân thế giới chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới.

- Kết quả đạt được:

- Những hoạt động tích cực trên mặt trận ngoại giao cùng với thắng lợi của nhân dân hai miền Nam, Bắc trong năm 1972 đã buộc Mỹ phải chấm dứt ném bom đánh phá miền Bắc không điều kiện và phải ký Hiệp định Paris ngày 27/1/1973.
- Nội dung hiệp định:
  - + Hoa Kỳ tôn trọng độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.
  - + Chấm dứt chiến tranh xâm lược, chấm dứt dính líu về quân sự và không can thiệp vào nội bộ của miền Nam Việt Nam.
  - + Tôn trọng quyền tự quyết và đảm bảo quyền tự do dân chủ cho nhân dân miền Nam.
  - + Nhân dân miền Nam có quyền quyết định tương lai chính trị của mình thông qua tổng tuyển cử thực sự tự do dân chủ. Việc thống nhất Việt Nam được thực hiện bằng phương pháp hòa bình.
  - + Nghĩa vụ của Hoa Kỳ là sẽ đóng góp vào việc hàn gắn lại vết thương chiến tranh và công cuộc xây dựng sau chiến tranh ở Việt Nam và trên toàn Đông Dương.

## 2. Ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh ngoại giao ký Hiệp định Paris của Đảng:

Việc ký Hiệp định Paris đánh dấu thắng lợi có ý nghĩa quyết định của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta:

- Nhân dân ta đã đè bẹp ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ.



- Tạo điều kiện để nhân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

**Chủ đề 26: Trình bày chủ trương và sự chỉ đạo quân sự của Đảng trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975.**

1. Hoàn cảnh lịch sử:

- Sau ngày ký Hiệp định Paris, nhân dân miền Nam nhanh chóng giành thắng lợi to lớn trên khắp chiến trường.
- Ngày 06/01/1975, quân dân ta đánh chiếm và giải phóng tỉnh Phước Long.

Những thắng lợi trên đã tạo ra thời cơ thuận lợi hơn bao giờ hết để quân dân ta tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

2. Chủ trương của Đảng trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975. Hội nghị Bộ Chính trị 01/1975:

a. Nhận định:

“Chưa bao giờ ta có đầy đủ điều kiện về quân sự, chính trị, có thời cơ chiến lược to lớn như hiện nay để hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, tiến tới hoà bình, thống nhất Tổ quốc”.

b. Đề ra quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam:

- Kế hoạch 2 năm 1975 - 1976:

- Năm 1975: tranh thủ bất ngờ tấn công lớn và rộng khắp.
- Năm 1976: tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

- Bộ Chính trị còn dự kiến một phương hướng hành động linh hoạt là: “ Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975”.

### 3. Sự chỉ đạo quân sự của Đảng trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975:

Tiến hành cuộc tiến công vào năm 1975 với ba chiến dịch lớn.

#### a. Chiến dịch Tây Nguyên:

- Chấp hành quyết định của Bộ Chính trị, Đảng chỉ đạo chọn Tây Nguyên làm chiến trường trọng điểm và mở chiến dịch Tây Nguyên bằng cuộc tiến công vào Buôn Mê Thuột (10/3/1975). Sau 2 ngày, ta hoàn toàn làm chủ Buôn Mê Thuột.

- Chiến thắng Buôn Mê Thuột đã làm cho Kon Tum, Pleiku bị cô lập và toàn bộ hệ thống phòng ngự chiến lược Tây Nguyên bị rung chuyển mạnh. Quân nguy buộc phải rút khỏi Gia Lai, Kon Tum, thực hiện kế hoạch co cụm để tránh nguy cơ bị tiêu diệt lớn.

Chiến thắng Tây Nguyên đã đưa cuộc chiến tranh cách mạng chuyển sang giai đoạn mới: từ tiến công có ý nghĩa chiến lược đã phát triển thành cuộc tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.

#### b. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng:

- Tranh thủ thời cơ địch rút lui dồn sức co cụm cố thủ ở Huế và Đà Nẵng, Đảng chủ trương nhanh chóng triển khai cuộc tổng tiến công và nổi dậy bằng chiến dịch Huế- Đà Nẵng.

- Kết quả:

Ngày 26/3/1975, ta giải phóng cố đô Huế.

Ngày 29/3/1975, ta đập nát căn cứ quân sự liên hợp Đà Nẵng.

Chiến dịch Huế - Đà Nẵng đại thắng đã đẩy quân nguy đứng trước nguy cơ bị sụp đổ hoàn toàn.

#### c. Chiến dịch Hồ Chí Minh:

- Hội nghị Bộ Chính trị ngày 31/3/1975 quyết định giải phóng Sài Gòn trước tháng 5/1975. Đảng chỉ đạo tập trung mọi lực lượng cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng.

- Chiến dịch đánh vào Sài Gòn - Gia Định mang tên chiến dịch Hồ Chí Minh.

- Phương châm của chiến dịch: thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng.
- Sau khi siết chặt vòng vây bao quanh Sài Gòn, khống chế đường không, chặn đứng đường thủy, cắt đứt đường bộ, các binh đoàn chủ lực của ta chia làm 5 cánh quân lớn đồng loạt tiến vào Sài Gòn - Gia Định. Trưa ngày 30/4/1975, toàn bộ quân địch đầu hàng không điều kiện. Quân ta tiếp tục tiến công tiêu diệt quân địch còn lại ở các tỉnh Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Cửu Long và các hải đảo.

Kết luận: Dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng, qua 55 ngày đêm chiến đấu với 3 chiến dịch lớn, quân dân ta đã giành thắng lợi trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975, đập tan hoàn toàn bộ máy ngụy quyền Sài Gòn, quét sạch chủ nghĩa thực dân mới, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

**Chủ đề 27: Trình bày thành quả của sự nghiệp xây dựng miền Bắc trong thời kỳ 1954-1975 và vai trò của miền Bắc đối với thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.**

1. Thành quả của sự nghiệp xây dựng miền Bắc trong thời kỳ 1954 - 1975:

a. Trên lĩnh vực kinh tế:

- Đảm bảo sản xuất vẫn duy trì, phát triển và trình độ sản xuất được nâng lên một bước (ngay cả trong thời kỳ có chiến tranh ác liệt).
- Mọi người đều có ăn, có mặc, những nhu cầu thiết yếu trong đời sống nhân dân được đảm bảo. Con cái mọi nhà đều được học hành.
- Cơ sở vật chất kỹ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội được xây dựng.
  - Trong công nghiệp: đã xây dựng những cơ sở đầu tiên của các ngành công nghiệp nặng như: điện, than, cơ khí, hoá chất, luyện kim,...
  - Trong nông nghiệp: nhiều công trình thủy lợi được xây dựng đảm bảo tưới tiêu cho hàng chục vạn hecta đất canh tác.

b. Trên lĩnh vực chính trị - xã hội:

- Lối sống mới trở thành phổ biến, mọi người đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau.
- Những giá trị tinh thần của dân tộc được phát huy cao độ: nhường cơm xẻ áo, xả thân vì Tổ quốc,...
- Cơ cấu giai cấp có sự thay đổi lớn:
  - Giai cấp bóc lột bị xoá bỏ.
  - Giai cấp công nhân trưởng thành về số lượng lẫn chất lượng.
  - Giai cấp nông dân nắm giữ quyền sở hữu tập thể về tư liệu sản xuất chủ yếu.
  - Khôi liên minh công - nông được củng cố.
  - Trí thức xã hội chủ nghĩa được tăng cường.
- Sự nghiệp văn hoá, y tế, giáo dục phát triển nhanh.

c. Trên lĩnh vực quốc phòng:

- Tiềm lực kinh tế, quốc phòng được xây dựng.
- Tiếp thu và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ của quốc tế.

Nhờ vậy, miền Bắc đã đứng vững trong chiến tranh và đánh thắng hai cuộc chiến tranh phá hoại bằng kỹ thuật và phương tiện hiện đại nhất của đế quốc Mỹ, mà tiêu biểu là đập tan cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của chúng vào năm 1972.

- Thực hiện một cách xuất sắc vai trò của hậu phương lớn đối với miền Nam.

2. Vai trò của miền Bắc đối với thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước:

“Miền Bắc đã dốc vào chiến tranh cứu nước và giữ nước với toàn bộ sức mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa và đã làm tròn một cách xuất sắc nghĩa vụ căn cứ địa cách mạng của cả nước, xứng đáng là pháo đài vô địch của chủ nghĩa xã hội”.

- Với việc thực hiện một cách xuất sắc vai trò của hậu phương lớn, nhân dân miền Bắc đã góp phần để nhân dân miền Nam giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

- Mỗi bước trưởng thành của cách mạng miền Nam đều gắn với bước đi trên con đường xã hội chủ nghĩa miền Bắc.
- Phong trào hợp tác hoá nông nghiệp ở miền Bắc đã tạo ra một lực lượng xã hội đủ sức đáp ứng yêu cầu của cuộc chiến tranh trên cả nước. Miền Bắc đã huy động 2/3 thanh niên trong toàn dân vào bộ đội và thanh niên xung phong.
- Miền Bắc đã xây dựng được lực lượng vũ trang phần lớn có trình độ cấp 3 và đại học nên có khả năng tiếp thu nhanh và sử dụng thành thạo các kỹ thuật quốc phòng hiện đại, đã phát huy tác dụng to lớn trong chiến tranh nhất là vào thời kỳ cuối, khi tác chiến đã phát triển lên trình độ hợp đồng binh chủng.

Kết luận:

Những thành tựu đạt được tuy còn rất thấp, còn xa với những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, nhưng đặt vào hoàn cảnh lịch sử lúc bấy giờ, thì những thành tựu đó có giá trị thật lớn lao. Nó vừa thể hiện tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội trong điều kiện đất nước có chiến tranh, vừa là nhân tố tạo nên sức mạnh hậu phương miền Bắc trong thời kì chống Mỹ, cứu nước.

**Chủ đề 28: Trình bày ý nghĩa lịch sử và bài học của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.**

1. Ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước:

a. Trong nước:

- Quét sạch bọn đế quốc xâm lược ra khỏi đất nước ta, chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ và mới.
- Tổ quốc hoàn toàn độc lập và thống nhất.
- Cuộc Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã hoàn thành trong cả nước, mở ra thời kỳ mới: cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

b. Thế giới:

- Đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược tàn bạo có qui mô lớn nhất và dài ngày nhất của chủ nghĩa đế quốc từ sau cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai.
- Làm đảo lộn chiến lược toàn cầu phản cách mạng của Mỹ. Mở đầu sự sụp đổ không thể tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân mới.
- Góp phần tăng cường lực lượng các nước xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy phong trào độc lập dân tộc, dân chủ và hoà bình thế giới.

2. Bài học kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước:

a. Giương cao cùng một lúc hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội:

- Cả nước tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Cả hai hướng vào mục tiêu chung là thực hiện hoà bình, thống nhất nước nhà.
- Sức mạnh của đường lối:
  - Động viên đến mức cao nhất lực lượng của cả dân tộc, kết hợp tiền tuyến với hậu phương.
  - Kết hợp sức mạnh của nhân dân ta với sức mạnh của 3 dòng thác cách mạng, liên tiếp đánh thắng các chiến lược chiến tranh thực dân mới của đế quốc Mỹ.

b. Đảng ta đã tìm ra phương pháp đấu tranh cách mạng đúng đắn, sáng tạo.

Đó là phương pháp sử dụng bạo lực cách mạng tổng hợp bao gồm:

- Lực lượng chính trị quần chúng kết hợp với lực lượng vũ trang nhân dân.
- Bắt đầu từ khởi nghĩa từng phần ở nông thôn phát triển thành chiến tranh cách mạng.
- Kết hợp khởi nghĩa quần chúng với chiến tranh cách mạng.
- Kết hợp nổi dậy với tiến công, tiến công với nổi dậy.
- Đánh địch trên cả 3 vùng chiến lược bằng 3 mũi giáp công.
- Kết hợp 3 thứ quân, kết hợp đánh lớn, đánh vừa và đánh nhỏ.

- Nắm vững phương châm chiến lược đánh lâu dài, đồng thời biết tạo thời cơ giành thắng lợi trong thời gian ngắn.

- Đánh giặc bằng mọi thứ vũ khí có trong tay với khí thế cả nước lên đường, toàn dân ra trận.

c. Sự chỉ đạo chiến lược đúng đắn của Trung ương Đảng và công tác tổ chức chiến đấu tài giỏi của Đảng qua các cấp bộ Đảng và các cấp chỉ huy quân đội:

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng miền Nam:

- Đảng luôn theo dõi âm mưu của địch.

- Đánh giá đúng so sánh tương quan lực lượng.

- Đề ra chủ trương chỉ đạo chính xác, sắc bén, linh hoạt và kịp thời.

Bài học về chỉ đạo chiến lược là: trên cơ sở phương hướng chiến lược đúng, hãy làm đi, rồi thực tiễn sẽ cho phép ta hiểu rõ sự vật hơn nữa.

d. Đảng ta hết sức coi trọng việc xây dựng lực lượng cách mạng ở miền Nam, đi đôi với việc tổ chức xây dựng lực lượng chiến đấu trong cả nước:

Lực lượng cách mạng: bao gồm

- Các Đảng bộ miền Nam: được tôi luyện thành những bộ tham mưu dày dặn trên chiến trường.

- Khối liên minh công - nông.

- Lực lượng chính trị quần chúng.

- Lực lượng vũ trang nhân dân.

- Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam: động viên, tập hợp ngày càng rộng rãi các tầng lớp nhân dân không biệt giai cấp, tôn giáo, dân tộc vào cuộc kháng chiến.

- Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hoà miền Nam Việt Nam: tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ ngày càng to lớn của nhân dân và chính phủ nhiều nước yêu chuộng hoà bình, tiến bộ và công lý trên toàn thế giới.

**Chủ đề 29: Trình bày nội dung cơ bản của đường lối tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước do Đại hội đại biểu lần thứ IV của Đảng (12/1976) đề ra và hiệu quả của đường lối đó.**

1. Hoàn cảnh lịch sử:

- Miền Nam được hoàn toàn giải phóng, cả nước độc lập, Đảng chủ trương hoàn thành thống nhất nước nhà về mọi mặt và đưa cả nước cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội.
- 25/04/1976, tiến hành tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của cả nước. Trong phiên họp đầu tiên, Quốc hội tuyên bố hoàn thành thống nhất nước nhà về mặt nhà nước, đặt tên nước: Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Các đoàn thể cách mạng nhanh chóng thống nhất.
- Nhân dân cả nước khẩn trương khôi phục kinh tế, ổn định đời sống.

2. Nội dung cơ bản của đường lối tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước do Đại hội đại biểu lần thứ IV của Đảng đề ra:

a. Mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội:

- Xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa.
- Xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.
- Xây dựng nền văn hoá mới xã hội chủ nghĩa.
- Xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

b. Các biện pháp đôn đốc để đạt mục tiêu:

- Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.
- Tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng: quan hệ sản xuất, khoa học- kỹ thuật, văn hoá - tư tưởng. Trong đó, cách mạng khoa học- kỹ thuật là then chốt.



- Công nghiệp hoá XHCN được xem là nhiệm vụ trung tâm trong thời kỳ quá độ.

c. Thông qua đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa:

- Đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.
- Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội.
- Đưa nước ta từ nền sản xuất nhỏ lên nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.
  - Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.
  - Kết hợp xây dựng công nghiệp với nông nghiệp cả nước thành cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp hợp lý.
  - Vừa xây dựng kinh tế Trung ương, vừa phát triển kinh tế địa phương. Kết hợp kinh tế Trung ương và kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất.
  - Kết hợp phát triển lực lượng sản xuất với việc xác lập và hoàn thiện quan hệ sản xuất.
  - Kết hợp kinh tế với quốc phòng.

d. Thông qua kế hoạch 5 năm lần thứ II (1976 - 1980):

Đề ra hai mục tiêu vừa cơ bản, vừa cấp bách:

- Xây dựng một bước cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, hình thành một bước cơ cấu kinh tế mới trong cả nước.
- Cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân lao động.

3. Hiệu quả của đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa do Đại hội đại biểu lần thứ IV của Đảng đề ra:

a. Thành tựu:

- Nhanh chóng thống nhất nước nhà về mặt nhà nước, thiết lập được hệ thống chế độ mới trong cả nước.
- Áp dụng một loạt chính sách nhằm thúc đẩy quá trình thống nhất về mọi mặt.

- Tạo nên cuộc sống hoà hợp dân tộc làm cho thế và lực của cách mạng nước ta lớn hơn bao giờ hết.
- Anh dũng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, góp phần tích cực bảo vệ độc lập, hoà bình ở Đông Dương.
- Cơ bản hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, bước đầu ổn định sản xuất và đời sống.

**b. Tồn tại:**

- Thành tựu kinh tế còn thấp so với yêu cầu và chưa tương xứng với công sức bỏ ra.
- Những tồn tại lớn chưa giải quyết được.
- Đất nước còn đương đầu với những khó khăn chồng chất và gay gắt về kinh tế và đời sống.
- Những mất cân đối nghiêm trọng trong nền kinh tế quốc dân chưa được thu hẹp.
- Thu nhập quốc dân chưa đảm bảo được tiêu dùng xã hội, chưa tạo được tích lũy từ bên trong.
- Lương thực, vải mặc và các hàng tiêu dùng thiết yếu đều thiếu.
- Tình hình cung ứng năng lượng, vật tư cơ bản, giao thông vận tải rất căng thẳng.
  - Đời sống của nhân dân lao động còn nhiều khó khăn.
  - Những hiện tượng tiêu cực trong xã hội còn kéo dài trên một số mặt.

Những tồn tại trên đã đưa đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội.

**c. Nguyên nhân của những tồn tại:**

- Nguyên nhân khách quan:
  - Nền kinh tế nước ta phổ biến là sản xuất nhỏ.
  - Gánh chịu hậu quả nặng nề của cuộc chiến tranh.
  - Phải tiến hành cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.
  - Thiên tai lớn xảy ra dồn dập.

- Tiến hành cuộc đấu tranh chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ thù.
- Nguyên nhân chủ quan:
  - Chủ quan trong việc đánh giá tình hình nước ta sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng: thiên về những thuận lợi, nhẹ về những khó khăn.
  - Đề ra chỉ tiêu quá cao.
  - Chủ quan nóng vội muốn bỏ qua những bước đi cần thiết như chủ trương nhanh chóng cải tạo xã hội chủ nghĩa, xoá bỏ ngay những thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa,...
  - Buông lỏng luật pháp, buông lỏng công cụ chuyên chính đối với những kẻ vi phạm pháp luật, những kẻ phá hoại và chống đối cách mạng.

**Chủ đề 30: Phân tích cơ sở hoạch định đường lối đổi mới vào năm 1986 của Đảng Cộng sản Việt Nam.**

1 Dựa trên phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác- Lênin, đổi mới tư duy, nhận thức đúng đắn về chủ nghĩa xã hội:

- Quá độ lên chủ nghĩa xã hội là quá trình lịch sử rất dài, phải trải qua nhiều thời kỳ, nhiều chặng đường, nhiều bước nối tiếp trong sự phát triển.
- Trong thời kỳ quá độ tồn tại nhiều thành phần kinh tế khác nhau, đan xen, cạnh tranh nhau cùng phát triển.
- Sau khi giai cấp vô sản giành được chính quyền, cuộc đấu tranh giai cấp chưa phải đã chấm dứt. Các giai cấp bóc lột không nhanh chóng mất đi mà cùng với các giai cấp tàn dư của xã hội cũ, các lực lượng phản động trong và ngoài nước hình thành một thế lực thù địch với chế độ xã hội mới.

- Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội có thể có nhiều hình thức nhà nước với các tên gọi khác nhau, nhưng bản chất của nó là một, đó là chuyên chính vô sản.

## 2. Dựa trên những quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội.

- Quan điểm xây dựng chủ nghĩa xã hội: “Dân giàu, nước mạnh” – là xã hội xoá áp bức, bóc lột, làm cho mọi người dân sung sướng, ấm no, tự do, hạnh phúc và học hành tiến bộ, mọi người, mọi nhà, mọi dân tộc sống với nhau bình đẳng và đoàn kết.

- Xây dựng chủ nghĩa xã hội là quá trình gian khổ, khó khăn, lâu dài. Để đạt mục tiêu đó không thể nôn nóng, chủ quan duy ý chí, mà phải tuân theo qui luật với nhiều giai đoạn, thời kỳ cao thấp khác nhau, với những giải pháp khác nhau.

## 3. Thực tiễn của hơn ba thập kỷ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

- Những kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc từ sau năm 1954 và trên cả nước ta từ sau năm 1975.

- Thực tiễn phức tạp của tình hình thế giới giúp cho Đảng ta nhận ra: mô hình chủ nghĩa xã hội kiểu cũ không còn thích hợp. Mô hình đó cần thay đổi cho phù hợp với nhu cầu khách quan - nhu cầu phát triển kinh tế- xã hội.

## 4. Đổi mới từ các cơ sở Đảng và quần chúng nhân dân:

Mô hình chủ nghĩa xã hội cũ bộc lộ nhiều khuyết điểm. Để khắc phục, nhiều địa phương đã tự giác, sáng tạo tìm cách làm mới để thoát ra khỏi khó khăn kể cả trong nông nghiệp, trong công nghiệp, trong phân phối lưu thông,... Đảng ta quan tâm theo dõi, nắm bắt những tìm tòi có tính sáng tạo và kịp thời chỉ đạo tổng kết để đi đến quyết định đổi mới toàn diện.

**Chủ đề 31: Phân tích nội dung đường lối đổi mới được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12/1986)**

## **1. Nội dung Đại hội:**

a. Trên cơ sở đánh giá những thành tựu, những khó khăn do khủng hoảng kinh tế - xã hội tạo ra, những sai lầm kéo dài của Đảng,... Đại hội tổng kết thành 4 bài học kinh nghiệm lớn:

- Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”.
- Đảng phải luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo qui luật khách quan.
- Phải biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.
- Chăm lo xây dựng Đảng ngang tầm với một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

b. Đại hội đề ra nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên:

- Ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội.
- Tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo.

c. Đại hội đề ra mục tiêu cụ thể về kinh tế - xã hội cho những năm còn lại của chặng đường đầu tiên:

- Sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy.
- Bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý.
- Tạo ra chuyển biến về mặt xã hội.
- Bảo đảm nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh.

d. Đại hội nêu lên 5 phương hướng cơ bản của chính sách kinh tế- xã hội:

- Bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh cơ cấu đầu tư.
- Xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế.

- Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.
- Phát huy mạnh mẽ động lực của khoa học kỹ thuật.
- Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

e. Về huy động sức mạnh của quần chúng:

Đại hội xác định phải phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thực hiện khẩu hiệu: “ dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

f. Về tăng cường sức chiến đấu và năng lực tổ chức thực hiện của Đảng:

Đại hội nêu rõ: Đảng phải đổi mới về nhiều mặt: đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; đổi mới tổ chức; đổi mới đội ngũ cán bộ; đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác.

**2. Ý nghĩa:**

Đường lối đổi mới toàn diện của Đại hội lần thứ VI của Đảng mở đường cho đất nước thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, tiếp tục đi lên chủ nghĩa xã hội.

**Chủ đề 32: Vì sao Đảng ta lựa chọn xây dựng và phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa?**

1. Đảng ta lựa chọn xây dựng và phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa là dựa vào xu thế phát triển tất yếu của thời đại:

Thắng lợi của cách mạng tháng Mười Nga đã mở ra thời đại mới, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

2. Lựa chọn mục tiêu xã hội chủ nghĩa là sự lựa chọn của chính lịch sử:

- Với thắng lợi của cách mạng tháng Mười, chủ nghĩa xã hội khoa học từ lý luận trở thành hiện thực.
- Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, xã hội Việt Nam dần dần thay đổi về tính chất, từ xã hội phong kiến thuần túy đã trở thành xã hội thuộc địa nửa phong kiến với 2 mâu thuẫn cơ bản. Những mâu thuẫn đó

đặt ra yêu cầu phải giải quyết là độc lập cho dân tộc và dân chủ cho nhân dân.

- Các phong trào chống giặc cứu nước trước khi Đảng ra đời đều lần lượt bị thất bại.

- Con đường cách mạng vô sản là giải pháp duy nhất có khả năng giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến.

3. Thực tiễn cách mạng nước ta khẳng định sự lựa chọn trên là đúng đắn và tiếp tục phát triển với một trình độ nhận thức cao hơn, với quan điểm tư duy đổi mới đúng đắn, vững vàng. (Những thắng lợi nhân dân ta giành được).

**Chủ đề 33: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (06/1996) đã đánh giá thành tựu, khuyết điểm và những bài học kinh nghiệm của 10 năm thực hiện sự nghiệp đổi mới của nước ta như thế nào?**

1. Những thành tựu của 10 năm thực hiện sự nghiệp đổi mới:

“Công cuộc đổi mới trong 10 năm qua đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng”.

- Tình trạng đình đốn trong sản xuất, rối ren trong lưu thông được khắc phục. Kinh tế tăng trưởng nhanh, lạm phát bị đẩy lùi, lương thực không những đủ ăn mà còn xuất khẩu được mỗi năm khoảng 2 triệu tấn gạo.

- Nhiều công trình thuộc kết cấu hạ tầng và cơ sở công nghiệp trọng yếu được xây dựng.

- Quan hệ sản xuất được điều chỉnh phù hợp với tính chất, trình độ và yêu cầu phát triển của sức sản xuất, giải phóng và phát huy tiềm năng to lớn trong nước, tạo điều kiện thuận lợi để khai thác nguồn lực bên ngoài. Nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế

thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được xây dựng một cách đồng bộ và có hiệu quả hơn.

- Đời sống vật chất của đại bộ phận nhân dân được cải thiện, trình độ dân trí và mức hưởng thụ văn hoá của nhân dân khá hơn trước. Phong trào đền ơn đáp nghĩa, xoá đói giảm nghèo được toàn dân hưởng ứng. Dân chủ được phát huy, lòng tin của nhân dân đối với chế độ và tiền đồ đất nước, với Đảng và Nhà nước được khẳng định.

- Ổn định chính trị, xã hội được giữ vững. Quốc phòng, an ninh được củng cố. Quan hệ đối ngoại phát triển mạnh mẽ, phá được thế bị bao vây cô lập, mở rộng hợp tác và tham gia tích cực vào đời sống cộng đồng quốc tế.

- Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được tăng cường, khối đại đoàn kết toàn dân có nhiều chuyển biến tích cực.

## 2. Những khuyết điểm của 10 năm thực hiện sự nghiệp đổi mới:

- Nước ta còn nghèo và kém phát triển.

- Chưa thực hiện tốt cân, kiệm trong sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng.

- Tình hình xã hội còn nhiều tiêu cực và nhiều vấn đề phải giải quyết.

- Việc lãnh đạo xây dựng quan hệ sản xuất mới có phần vừa lúng túng, vừa buông lỏng.

- Quản lý Nhà nước về kinh tế, xã hội còn nhiều thiếu sót.

- Hệ thống chính trị còn nhiều nhược điểm.

- Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc.

## 3. Những bài học kinh nghiệm của 10 năm thực hiện sự nghiệp đổi mới của nước ta:

- Giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong quá trình đổi mới.



- Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị.
- Xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái.
- Mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của cả dân tộc.
- Mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại.
- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.

**Chủ đề 34: Trình bày nội dung quan điểm đường lối công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước được thông qua tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 7 (07/1994) khoá VII.**

1. Nội dung quan điểm công nghiệp hoá- hiện đại hoá đất nước được thông qua tại Hội nghị Trung ương lần thứ 7 khoá VII.

- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ với nước ngoài, kết hợp kinh tế với quốc phòng an ninh. Xây dựng nền kinh tế mở, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả.

- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước là chủ đạo; được vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.
- Lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững. Động viên toàn dân cần, kiệm xây dựng đất nước. Tăng trưởng kinh tế gắn với cải thiện đời sống nhân dân, phát triển văn hoá, giáo dục, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường.
- Khoa học, công nghệ là nền tảng của công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại; tranh thủ đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định.
- Lấy hiệu quả kinh tế- xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản để xác định phương án phát triển, lựa chọn dự án đầu tư và công nghệ. Đầu tư chiều sâu để khai thác tối đa năng lực sản xuất hiện có.
- Trong phát triển mới, ưu tiên quy mô vừa và nhỏ, công nghệ tiên tiến, thu hồi vốn nhanh; đồng thời xây dựng một số công trình quy mô lớn thật cần thiết và có hiệu quả. Tập trung thích đáng nguồn lực cho các lĩnh vực, các địa bàn trọng điểm; đồng thời quan tâm đáp ứng những nhu cầu phát triển thiết yếu của mọi vùng trong nước; có chính sách hỗ trợ những vùng khó khăn.

## 2. Chủ trương phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước của Đảng tại Hội nghị Trung ương lần thứ 7 khoá VII.

### a. Chủ trương phát triển công nghiệp:

- Phát triển các ngành công nghiệp:
  - Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản.
  - Công nghiệp hàng tiêu dùng.
  - Công nghiệp cơ khí và điện tử - tin học.
  - Các ngành công nghiệp sản xuất nguyên, nhiên, vật liệu.
  - Dịch vụ - du lịch.
  - Công nghiệp quốc phòng.

- Kết cấu hạ tầng:
  - Cải tạo, hiện đại hoá, huy động tối đa công suất các nhà máy điện hiện có. Hoàn chỉnh mạng lưới điện quốc gia. Nghiên cứu xây dựng nhà máy điện nguyên tử; tích cực sử dụng năng lượng mặt trời, gió, khí sinh vật...
  - Nâng cấp dần hệ thống đường bộ hiện có. Xây dựng thêm một số tuyến đường mới. Mở rộng hiện đại hoá từng bước các cảng biển và sân bay lớn; nâng cấp một số cảng biển và sân bay địa phương. Cũng cố một số tuyến đường sắt...
  - Phát triển thông tin liên lạc hiện đại.
  - Quy hoạch sử dụng tổng hợp các nguồn nước, bảo đảm đủ nước cho công nghiệp và đời sống.
  - Tăng vốn đầu tư bằng nhiều nguồn cho nâng cấp, xây dựng và hiện đại hoá từng bước kết cấu hạ tầng văn hoá- xã hội như trường học, bệnh viện,...

**b. Các vùng và các địa bàn quan trọng:**

- Công nghiệp hoá nông nghiệp và kinh tế nông thôn.
- Phát triển đô thị.
- Phát triển công nghiệp trung du, miền núi, Tây Nguyên.
- Phát triển công nghiệp miền biển.
- Chủ trương phát triển khoa học- công nghệ bằng việc thực hiện các nhiệm vụ cụ thể là:
  - Cung cấp cơ sở khoa học cho các quyết định, các chủ trương, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, dự án đầu tư.
  - Đẩy nhanh quá trình đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ trong nền kinh tế một cách có trọng điểm.
  - Xây dựng và phát triển năng lực khoa học- công nghệ để làm chủ công nghệ nhập và sáng tạo công nghệ mới; chuẩn bị cho sự phát triển của đất nước vào đầu thập kỷ tới.

**Chủ đề 35: Trình bày bài học kinh nghiệm về việc nắm vững và kết hợp đúng đắn vấn đề độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong tiến trình cách mạng Việt Nam từ khi có sự lãnh đạo của Đảng.**

1. Cơ sở đề ra đường lối độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội:

- Mọi quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp trong thời đại mới.
- Điều kiện, hoàn cảnh và yêu cầu khách quan của cuộc vận động cứu nước ở nước ta vào những năm 20 của thế kỷ XX.
- Xu thế phát triển chung của thời đại mới.

2. Nắm vững và kết hợp đúng đắn vấn đề độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong tiến trình cách mạng Việt Nam từ khi có Đảng:

a. Đường lối:

Cương lĩnh chính trị của Đảng xác định:

- Cách mạng Việt Nam là một quá trình cách mạng không ngừng trải qua 2 giai đoạn: Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở giai đoạn đầu - Làm xong mục tiêu cơ bản là giành chính quyền thì sẽ chuyển sang giai đoạn tiếp theo, quá độ tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.
- Mục đích cuối cùng là xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên nước Việt Nam. Xác lập vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân; xác lập sự liên minh công nhân, nông dân và trí thức.

b. Thực tiễn:

- Thời kỳ 1930 - 1954: tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.
  - Mọi quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội: Độc lập dân tộc là mục tiêu trực tiếp; chủ nghĩa xã hội là phương hướng tiến lên.

- Mọi quan hệ giữa hai nhiệm vụ chống đế quốc và phong kiến: Hai nhiệm vụ được tiến hành đồng thời trong mỗi quan hệ khăng khít không tách rời, song, không thể tiến hành song song nhất loạt ngang nhau. Chống đế quốc là nhiệm vụ hàng đầu; chống phong kiến được thực hiện từng bước và phục tùng nhiệm vụ chống đế quốc (minh họa)...
- Thời kỳ 1954 - 1975: kết hợp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
- Vị trí cách mạng từng miền: Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam có tác dụng quyết định trực tiếp trong việc đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng ở miền Nam. Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có nhiệm vụ quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng trên cả nước và đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà.
  - Mọi quan hệ giữa cách mạng hai miền: Cách mạng hai miền có chung mục tiêu là hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thực hiện thống nhất nước nhà. Quan hệ giữa cách mạng hai miền là quan hệ giữa hậu phương và tiền tuyến. Hai miền có mối quan hệ khăng khít, gắn bó, thúc đẩy nhau cùng phát triển.
  - Sức mạnh của đường lối kết hợp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội: Huy động được sức mạnh của cả nước. Quy tụ được sức mạnh của các dòng thác cách mạng thời đại. Sức mạnh dân tộc cùng với sức mạnh của các dòng thác cách mạng thời đại tạo nên sức mạnh tổng hợp vĩ đại để dân tộc ta đánh Mỹ và thắng Mỹ.
- Thời kỳ 1975 - nay: xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước.
- Quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội gắn làm một.
  - Hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng chủ nghĩa xã hội (nhiệm vụ hàng đầu) và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
  - Giữa hai nhiệm vụ có mối quan hệ mật thiết, gắn bó với nhau. Xây dựng là tạo điều kiện để bảo vệ. Bảo vệ là để xây dựng.

**Chủ đề 36: Chiến lược đại đoàn kết dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò của Mặt trận dân tộc thống nhất.**

1. Quan điểm của Đảng: Cách mạng là sự nghiệp của dân, do dân, vì dân:

- Đây là quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời là sự kế thừa và phát triển tư tưởng “nước lấy dân làm gốc” của ông cha ta.
- Một trong những tư tưởng lớn của Đảng và Bác là: nhân dân có sức mạnh dời non lấp biển. Nhân dân là nền, là gốc của nhà nước, của chế độ, là gốc của mọi thắng lợi. Có dân là có tất cả. Đoàn kết càng rộng, càng vững chắc thì thắng lợi càng lớn.

2. Khối đại đoàn kết toàn dân - sức mạnh thắng lợi của cách mạng Việt Nam:

Trong hơn 70 năm qua, sức mạnh của Đảng ta, của cách mạng nước ta là sức mạnh của quần chúng nhân dân được giác ngộ, tổ chức lại dưới sự lãnh đạo của Đảng trong tổ chức Mặt trận dân tộc thống nhất (làm rõ vai trò của quần chúng nhân dân đối với thắng lợi của cách mạng Việt Nam qua từng thời kỳ, từng giai đoạn cách mạng).

3. Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thành công trong việc thực hiện chiến lược đại đoàn kết dân tộc:

- Cơ sở của khối đại đoàn kết dân tộc: Thống nhất lợi ích dân tộc và lợi ích các giai cấp.
- Những hình thức tổ chức công tác quần chúng: đa dạng, phong phú, thích hợp với từng giai cấp, từng thời kỳ.
- Mục tiêu, động lực của cách mạng Việt Nam: Phát huy quyền làm chủ của nhân dân.
- Nguyên tắc bảo đảm thực hiện đại đoàn kết: Đảng vừa là thành viên của Mặt trận, vừa là lực lượng lãnh đạo Mặt trận.

- Yêu cầu của việc củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc trong thời kỳ thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá:

- Đoàn kết mọi người trên cơ sở lấy mục tiêu chung làm điểm tương đồng, chấp nhận những điểm khác biệt không trái với lợi ích chung của dân tộc.
- Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc phải được thể hiện trong mọi đường lối, chủ trương của Đảng, trong chính sách và pháp luật của Nhà nước.
- Xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh có hiệu lực cao, thực sự là Nhà nước của dân, do dân, vì dân.
- Mở rộng khối đại đoàn kết bằng các hình thức tập hợp đa dạng.

**Chủ đề 37: Bản lĩnh độc lập, tự chủ, sáng tạo trong lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.**

1. Độc lập, tự chủ, sáng tạo - truyền thống và sức mạnh của Đảng:

Độc lập, tự chủ, sáng tạo không chỉ là truyền thống và sức mạnh mà còn là nét nổi bật thuộc về bản lĩnh chính trị của Đảng. Bản lĩnh này biểu hiện rõ nhất ở những bước ngoặt lịch sử của cách mạng Việt Nam (minh họa).

2. Những nhân tố bảo đảm đường lối cách mạng đúng:

- Phẩm chất chính trị của Đảng: trung thành vô hạn với giai cấp và dân tộc, một lòng vì dân, vì nước, gắn bó mật thiết với nhân dân. Ngoài lợi ích của giai cấp và dân tộc, Đảng ta không có lợi ích nào khác.
- Đảng nắm vững và vận dụng một cách độc lập, sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá của nhân loại.
- coi trọng hoạt động thực tiễn và tổng kết thực tiễn. Qua thực tiễn mà bổ sung, hoàn thiện đường lối.
- Đảng đã dũng cảm nhìn đúng sự thật, nói rõ sự thật, tự phê bình nghiêm khắc và quyết tâm sửa chữa khuyết điểm.

**Chủ đề 38: Trình bày bài học kinh nghiệm về đoàn kết quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.**

Quan điểm của Đảng về đoàn kết quốc tế được thể hiện là đoàn kết với giai cấp vô sản và nhân dân tất cả các nước, đoàn kết với phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa, đoàn kết với tất cả các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên toàn thế giới.

1. Đặt cách mạng Việt Nam trong xu thế chung của thời đại, kết hợp lợi ích dân tộc với lợi ích chung của nhân dân các nước:

“Cách mạng An Nam cũng là một bộ phận trong cách mạng thế giới. Ai làm cách mạng trong thế giới đều là đồng chí của dân An Nam cả”, “Trong thời đại ngày nay, cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản trong phạm vi toàn thế giới”,...

2. Chăm lo giáo dục chủ nghĩa yêu nước chân chính kết hợp với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân.

- Không có tinh thần yêu nước chân chính thì không có lập trường quốc tế đúng đắn. Trái lại, không có lập trường quốc tế đúng đắn thì cũng không có một đường lối giải phóng dân tộc đúng đắn. Đó là hai mặt thống nhất của một đường lối cách mạng.

- Đứng vững trên lập trường cách mạng của giai cấp công nhân, trung thành với chủ nghĩa Mác- Lênin, Đảng ta kiên quyết chống lại mọi biểu hiện của chủ nghĩa cơ hội “tả” khuynh, hữu khuynh, chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi.

3. Đoàn kết, hợp tác quốc tế trên cơ sở đường lối độc lập, tự chủ, nâng cao ý thức tự lực, tự cường:

- Sự giúp đỡ của quốc tế là to lớn và rất quan trọng, là nhân tố không thể thiếu đảm bảo thắng lợi của cách mạng Việt Nam.



- Độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường (trước hết là độc lập về đường lối) là hết sức cần thiết. Nó đòi hỏi Đảng ta phải có tư duy độc lập và sáng tạo. Độc lập, tự chủ không có nghĩa là đóng cửa khép kín, biệt lập với bên ngoài mà phải mở cửa, mở rộng quan hệ với các nước.
- Độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường và tăng cường đoàn kết quốc tế, hợp tác quốc tế là hai mặt thống nhất trong đường lối chiến lược nhất quán của Đảng ta.
- Trong nhận thức và hành động của mình, Đảng và nhân dân ta không chỉ tranh thủ sự ủng hộ to lớn của quốc tế mà còn có những đóng góp xứng đáng vào các phong trào cách mạng và tiến bộ trên thế giới, xây dựng sự đoàn kết, hợp tác giữa các nước.

**Chủ đề 39: Chứng minh sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố cơ bản đầu tiên quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.**

1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là một tất yếu lịch sử:

- Các phong trào kháng chiến chống Pháp trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đều thất bại.
- sự phát triển mạnh mẽ của phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam.
- Cách mạng Tháng mười Nga thành công mở ra xu thế mới của thời đại: tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- Nguyễn Ái Quốc sau nhiều năm bôn ba tìm đường cứu nước đã bắt gặp ánh sáng chủ nghĩa Mác- Lênin và khẳng định cách mạng Việt Nam đi theo con đường cách mạng vô sản.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời mở ra một bước ngoặt mới cho cách mạng Việt Nam:

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cách mạng Việt Nam có đường lối đúng đắn và khoa học, phù hợp với qui luật của cách mạng nước ta và xu thế

phát triển của thời đại. Nhờ đó, cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác (trình bày những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng).

3. Những thắng lợi to lớn có ý nghĩa chiến lược trên đây của cách mạng nước ta đều bắt nguồn từ sự lãnh đạo của Đảng.

Đảng ta đứng ở trung tâm của các sự kiện lịch sử vĩ đại của cách mạng và thực sự là nhân tố cơ bản lãnh đạo và tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Có được vinh quang đó là vì:

- Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong có tổ chức và là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân, của dân tộc Việt Nam.
- Đảng lấy chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động.
- Đảng là người đại diện trung thành và đầy đủ cho lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam.
- Đảng có truyền thống đoàn kết thống nhất và kỷ luật nghiêm minh.
- Đảng có liên hệ máu thịt với quần chúng nhân dân.
- Trước những hạn chế và yếu kém, Đảng luôn tự chỉnh đốn, đổi mới, tự nâng cao trình độ để ngang tầm với nhiệm vụ.

**Chủ đề 40: Trình bày những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và mang tầm vóc thời đại của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.**

Hơn bảy mươi năm qua, nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã giành được những thắng lợi vĩ đại, làm cho bộ mặt của đất nước, của dân tộc ta hoàn toàn thay đổi.

1. Thắng lợi của cuộc tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945:

Với thắng lợi này nhân dân ta đã:

- Lật nhào ách thống trị hơn 80 năm của đế quốc Pháp - Nhật

- Lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á.
- Mở ra một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, tự do, dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội.
- Là sự kiện tiêu biểu cho xu thế thời đại: xu thế cách mạng giải phóng dân tộc gắn liền với sự phát triển xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

## 2. Thắng lợi của cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc:

### a. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược lần thứ hai:

Với thắng lợi này nhân dân ta đã:

- Bảo vệ được nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - thành quả của cách mạng Tháng Tám.
- Giải phóng miền Bắc, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trên nửa nước, tạo điều kiện vững chắc để nhân dân ta tiến lên giải phóng miền Nam, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước.
- Cắm thêm cột mốc mới - cột mốc sụp đổ hoàn toàn không có gì cứu vãn nổi của chủ nghĩa thực dân cũ trên phạm vi thế giới.

### b. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước:

Với thắng lợi này nhân dân ta đã:

- Kết thúc hoàn toàn cuộc cách mạng dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước và mở ra một giai đoạn cách mạng mới: giai đoạn cả nước độc lập, thống nhất và tiến lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Đập tan cuộc phản kích lớn nhất của Mỹ và các lực lượng phản cách mạng kể từ sau chiến tranh thế giới thứ II, giáng đòn thất bại đầu tiên vào chủ nghĩa thực dân mới do Mỹ ra sức áp đặt cho các nước chậm phát triển, làm đảo lộn chiến lược toàn cầu phản cách mạng của Mỹ.
- Góp phần tăng cường lực lượng cho hệ thống xã hội chủ nghĩa; cổ vũ phong trào độc lập dân tộc, dân chủ và hoà bình thế giới.

3.Thắng lợi bước đầu trong sự nghiệp đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh:

Với thắng lợi này nhân dân ta đã:

- Đưa đất nước ta thoát ra sự khủng hoảng kinh tế - xã hội.
- Đất nước ta bước vào thời kỳ mới - đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, tạo tiền đề vững chắc đưa dân tộc ta vững bước vào thế kỉ XXI.
- Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ngày càng được nhận rõ và khẳng định tính đúng đắn của con đường mà Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta đã lựa chọn.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb. Giáo Dục, 1998.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2004.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ngân hàng câu hỏi Olympic các môn khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dùng cho các trường Đại học, Cao đẳng), Hà Nội, 2006.
- [4] Lê Mậu Hãn, Các Cương lĩnh cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2003.
- [5] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2001.
- [6] Đinh văn Liên, Phạm Ngọc Bích, Hỏi và đáp về Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb. Trẻ, 2004.
- [7] Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb. Sự Thật, tháng 9/1981.
- [8] Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002.
- [9] Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 2, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002.
- [10] Nguyễn Trọng Phúc, Góp phần tìm hiểu Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, hỏi và đáp, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2002.
- [11] Lê Trọng Tấn, Chiến cuộc đông xuân 1953 –1954 một bước phát triển sáng tạo của nghệ thuật quân sự Việt Nam, Nxb. Quân đội Nhân dân, 1984.
- [12] Trung tâm bồi dưỡng cán bộ giảng dạy lý luận Mác- Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Hướng dẫn

ôn thi môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000.

[13] Đào Duy Tùng, Quá trình hình thành con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, Nxb. Chính trị Quốc gia, 1994.

[14] Việt Nam những sự kiện – tập I (1930 –1945), Nxb. Khoa học xã hội, 1974.

[15] Việt Nam những sự kiện – tập II (1945 - 1975), Nxb. Khoa học xã hội, 1976.

[16] Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ I (tháng 3/1935).

[17] Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ II (tháng 02/1951).

[18] Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ III (tháng 9/1960).

[19] Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IV (tháng 12/1976).

[20] Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ V (tháng 3/1982).

[21] Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VI (tháng 12/1986).

[22] Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VII (tháng 6/1991).

[23] Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VIII (tháng 6/1996).

[24] Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IX (tháng 4/2001).

[25] Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ X (tháng 4/2006).